

TAKEYAMA MICHIO

CÂY ĐÀN

MIỀN

ĐIỆN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP. HCM

TAKEYAMA MICHIO

CÂY ĐÀN MIỀN ĐIỆN

(Hạc Cầm Miến Điện)

Nguyên tác: Biruma no -Tategoto (1946)

Dịch theo bản tiếng Anh: Harp of Burma (1966)

Đỗ Khánh Hoan dịch

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP. HCM
NĂM 1994**

GIỚI THIỆU

Takeyama Michio sinh năm 1903 và hai mươi ba năm sau tốt nghiệp đại học Hoàng gia Tokyo, chuyên về văn chương Đức. Sau một thời gian dạy học ở Tokyo, ông rời Nhật Bản qua châu Âu du học.

Tên tuổi Takeyama nổi bật trong giới nhà văn Nhật Bản, sau đệ nhị thế chiến, nhờ những bài phê bình văn học đầy những nhận định xác đáng và lý luận đanh thép. Ông trở lại trường cũ năm 1949 và làm giáo sư tại đây ba năm. Ngoài ra, ông dồn hết cố gắng vào công việc dịch thuật những tác phẩm văn học Đức sang tiếng mẹ đẻ.

Cuốn *Cây Đàn Miến Điện* (Biruma no Tategoto), xuất bản năm 1946, đã đem lại cho ông giải thưởng văn chương do cơ quan báo chí Mainichi trao tặng.

Đây là một câu chuyện cảm động ghi những sinh hoạt của một đại đội binh sĩ Nhật Bản trong rừng nhiệt đới Miến Điện khi họ khám phá thấy rằng những thử thách trong chiến tranh còn cam go, gian khổ nhiều hơn là đương đầu với quân thù. Khí hậu không hợp, đất đai xa lạ, dân chúng khác biệt, tập quán đặc thù, cuộc vật lộn liên tục để chế ngự lòng nhớ quê hương và những cảm xúc do chiến tranh tạo nên đã biến một người bạn thân thiết thành một người xa lạ - tất cả đã kết hợp lại thành một câu chuyện hấp dẫn, sinh động.

Cây Đàn Miến Điện là một câu chuyện về Đệ Nhị Thế Chiến; tuy nhiên, chủ đề của nó là chủ đề muôn thuở. Nhờ thế, với tình tiết hấp dẫn, lối kể hiện thực và lời văn đơn giản, kể từ khi ra đời, tác phẩm này đã lôi cuốn, thỏa mãn không biết bao nhiêu độc giả mà nói, ở trong cũng như ở ngoài nước. Ấy là chưa kể sự kiện nó đã được đưa lên màn ảnh và sân khấu.

Như tác giả quan niệm: Chính vì thế hệ trẻ của dân tộc Phù Tang mà ông viết truyện này. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, sau khi xuất bản, tập truyện đã trở nên phổ thông ngay cả trong đám người lớn và đã được

dịch sang tiếng Anh - đó là bản dịch của Howard Hibbett, xuất bản ở Hoa Kỳ năm 1966.

Bề mặt, Cây Đàn Miến Điện, hấp dẫn, ly kỳ, kể chuyện những người thanh niên thường dân biến thành lính tráng, dẫn thân vào một cuộc chiến mà họ không hiểu rõ hoàn toàn, rồi phải trải qua bao nhiêu gian truân, bi đát, nã nê.

Trong tập truyện chẳng thiếu yếu tố phiêu lưu, bi đát và hài hước - cả ba kết lại tạo thành một truyện chiến tranh đặc sắc. Song lẽ, như tác giả đã nói, ông hy vọng độc giả sẽ không bắt gặp một truyện chiến tranh phiêu lưu nào khác nữa ở Miến Điện. Nếu truyện này đạt được mục đích, ít nhất nó cũng khiến độc giả suy ngẫm; như vậy tác giả lấy làm sung sướng lắm rồi.

Các chiến sĩ Nhật Bản của chúng ta từ hải ngoại trở về quê hương là một hình ảnh đáng thương. Trông họ gầy gò, ốm yếu và mệt mỏi. Một số trong đám họ là những phế binh, mặt mũi nhợt nhạt, nằm trên băng ca.

Tuy nhiên, trong đám lính hồi hương ấy lại có một đại đội gồm những người vui tươi, hớn hờ. Lúc nào cũng ca hát ngay cả những bài có nhiều đoạn khó hát, và họ hát rất hay. Khi tàu cập bến ở Yokosuka và họ đi lên bờ, những người ra đón họ lấy làm ngạc nhiên: Ai nấy cũng hỏi có phải họ đã nhận được khẩu phần phụ trội hay không, vì lẽ sao mà họ có vẻ vui tươi đến thế.

Những người này đã không có khẩu phần phụ trội, nhưng đã thực hiện cách ca hát tập thể trong suốt chiến dịch Miến Điện. Đại úy đại đội trưởng của họ, một nhạc sĩ trẻ tuổi vừa mới tốt nghiệp trường âm nhạc, đã đem hết nhiệt tình dạy chiến sĩ của mình ca hát ra làm sao. Chính sự ca hát đã giữ vững tinh thần họ qua những chán nản hoặc khó khăn, và đã thắt chặt họ lại với nhau trong tình bạn, trong kỷ luật, qua những năm chiến tranh dài đằng đẵng. Không có ca hát, họ sẽ chẳng bao giờ trở về quê hương tổ quốc với tinh thần cao như thế.

Một trong những chiến binh này đã kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây.

PHẦN I

ĐẠI ĐỘI CA HÁT

1

Chắc chắn là chúng tôi đã hát rất nhiều. Dù sung sướng hay khổ sở, lúc nào chúng tôi cũng hát. Có lẽ bởi vì luôn luôn sống dưới sự đe dọa của trận mạc và chết chóc, nên chúng tôi cảm thấy ít nhất cần làm công việc duy nhất này cho thật tốt chừng nào còn sống. Dầu sao chúng tôi cũng đã đem hết sức lực và tâm hồn ra để hát. Chúng tôi thích những bài ca trang nghiêm, những bài ca ý nghĩa sâu xa chứ không phải loại bài ca bình dân tầm phào. Dĩ nhiên, đa số anh em trước kia chỉ là nông dân hoặc công nhân, nhưng chúng tôi đã cố gắng học ít nhạc đồng ca hay hay.

Tôi vẫn còn nhớ lòng tràn đầy vui sướng ra sao khi chúng tôi đứng hát bên một bờ hồ.

Chúng tôi đã thực hiện một cuộc di hành dài qua rừng cây rậm rạp đi xuống một thung lũng. Bất thành lình một cái hồ hiện ra trước mặt với những ngôi nhà trắng toát đứng lù lù trên bờ nước. Đó là một thôn làng, nơi ngày xưa một vị vua Miến Điện đã cất một lâu đài đá nghỉ mát. Các ngôi nhà, túm tụm vào nhau, tường quét vôi trắng, xây trên một cái vịnh nhỏ, một nửa chìm dưới sâu, đang soi bóng trên mặt nước. Những mái nhà chòm tròn, những đỉnh tháp nhọn hoắt và những gác chuông lạ mắt đâm thẳng lên trời - bầu trời nhiệt đới chói chang.

Đã có bao giờ anh nhìn thấy màu trắng đục như đá mắt mèo chưa? Vâng, bầu trời Miến Điện có đúng cái loại màu trắng ấy, đó đây lại thắm hơn vì những vệt ánh sáng lấp lánh màu ngũ sắc. Nhìn những ngọn tháp đá hoa cương theo hình tròn ốc xoắn tít lên một bầu trời như thế, anh sẽ cảm thấy như thể đang sống trong mộng vậy.

Ba ngày liền đóng quân tại làng ấy, ngày nào chúng tôi cũng tập hát. Chúng tôi hát những bài đạo ca, những bài hát ngày xưa có tính cách nhớ nhà chúng tôi thích như bài Trăng Trên Lô Đài Hoang Tàn những điệu vui vui như les Toits de Paris, và ngay cả những bài ca Ý, Đức khó thuộc. Tại đó, bên mặt hồ nên thơ ấy, đại úy vui sướng múa đũa điều khiển trong khi anh em binh sĩ chúng tôi, bị âm thanh của chính mình thốt ra lời cuốn, say sưa hát hết bài này đến bài khác.

Một hôm để chấm dứt buổi hát chúng tôi tập lại bài hát của đại đội Hanyu no Yadochia thành nhiều bè, hát đi hát lại nhiều lần. Hanyu no Yado - "Trở về Mái Nhà Xưa" - là một bài hát mong nhớ, bài hát chẳng bao giờ không làm tâm hồn chúng tôi rung động. Trong lúc hát chúng tôi nghĩ đến gia đình và ao ước có thể cho gia đình nhìn thấy cảnh đẹp này, và nghe thấy tiếng chúng tôi đang hát.

Sau cùng, đại úy nói: "Được rồi, các bạn, hôm nay thế là đủ. Ngày mai, cũng vào giờ này, chúng ta sẽ tập cái gì mới. Đại đội tan hàng!" Thế rồi đại úy quay lại gọi một người trong bọn: "Ê, Mizushima, chú đã sẵn sàng phần đệm ấy chưa?"

Mizushima là một trung sĩ; người gân guốc, mảnh khảnh, tầm thước, nước da hầu như đen kịt vì ánh nắng, đôi mắt sâu hoắm, to tướng, trong vắt. Trước khi gia nhập đại đội, Mizushima không được học qua nhạc nào, nhưng có lẽ anh có tài thiên bẩm vì anh tiến bộ thật nhanh, âm nhạc là đam mê duy nhất của anh; anh không nghĩ đến gì khác ngoài âm nhạc. Anh tự tay chế lấy cây thụ cầm để hòa âm theo đội đồng ca của chúng tôi, và anh chơi đàn khéo đến độ Chẳng bao lâu đã có thể đánh theo bất kỳ điệu nào chúng tôi hát.

Kể cũng kỳ lạ một đội quân tại một nơi xa xôi như Miến Điện lại mang theo các nhạc cụ. Thế nhưng, chúng tôi đã có những thứ ấy - đủ mọi loại. Nếu những nhạc cụ khác nhau ấy mà được anh em binh sĩ chúng tôi gom góp cả lại thì anh sẽ có một lô nhạc khí thật thú vị. Dù anh em chúng tôi đi tới đâu, vừa khi có thì giờ rảnh rỗi là một người trong bọn sẽ chế ngay một nhạc cụ để dùng. Trong bọn chúng tôi cũng có những người thợ có thể chế biến thật tài tình những nhạc cụ tốt bằng vật liệu tầm thường nhất. Nhạc cụ

gió gồm đủ thứ, từ một cây sậy đơn giản hoặc một ống tre với những lỗ tròn khoét ở trên mặt tới cái kèn trện làm bằng những bộ phận máy móc đã hỏng. Còn như những nhạc cụ gỗ, tôi nhìn thấy những cái trống con bằng da mèo hoặc da chó căng trên các khung gỗ, và ngay cả cái trống lớn làm bằng thùng ét sắn, một đầu bịt kín bằng một thứ da thú - anh em cho tôi biết đó là da hổ. Dù sao, cái trống ấy cũng là niềm tự hào của đại đội, và khi đánh lên thì ngân vang khủng khiếp. Một vài đơn vị lại có cả đàn violon, đàn guitare mặc dù khó mà tưởng tượng những thứ ấy đã được làm ra như thế nào.

Trong đại đội chúng tôi nhạc cụ được dùng nhiều nhất là một thứ đàn thụ cầm, bắt chước loại thụ cầm người Miến Điện thường sử dụng. Thân đàn làm bằng một ống tre dày lắp vào một ống tre khác uốn cong và gò chặt bằng những sợi dây đồng, thép, nhôm hoặc đura nhôm. Những sợi dây bằng da thì được dùng cho những nốt nhạc thấp hơn. Sau một thời gian làm việc thật cực nhọc, chúng tôi đã có thể sản xuất một lô nhạc cụ rập theo loại thụ cầm lạ kỳ này.

Trung sĩ Mizushima sử dụng loại đàn này rất thành thạo. Anh soạn đủ thứ nhạc dành cho loại đàn này. Khi anh chơi, âm thanh phát ra nghe nửa giống dương cầm nửa giống tỳ bà Nhật Bản hòa với nhau và lừng lờ trong không gian. Mới thoạt nhìn, anh là một hình ảnh ngộ nghĩnh một người lính, da sạm nắng, đầu đội mũ tác chiến hai tay ôm nhạc cụ mỏng manh và biểu diễn như thể đang ở trong cơn thần trí hôn mê.

Khi được hỏi về phần nhạc đệm anh soạn cho bài Hanyu no Yado, Mizushima tức khắc trỗi lên liền. Bài anh chơi nghe du dương và thú vị đến độ hình như chẳng khác gì một bản độc tấu. Những người lính khác xúm quanh lắng nghe, tay khoanh và mắt nhắm lại.

Không khí nặng nề, thơm tho và rất im lặng. Tiếng đàn thụ cầm lướt qua mặt hồ, rồi từ ven rừng cây bên bờ hồ đối diện dội lại và lan trên mặt nước. Đó là một khu rừng gỗ tếch to lớn. Anh có thể nhìn thấy những con khỉ nhón nhơ ở đó và nghe thấy đủ loại chim đấu giọng thi nhau hót.

Vào đúng lúc ấy một con công từ nơi nào đó không biết vỗ cánh sà xuống, múa mấy đường ngay trước mặt chúng tôi, rồi lại bay đi. Cánh đập

phành phạch trong không khí và lúc bay đi bóng nó lướt trên mặt hồ.
Thật là một kỷ niệm vô cùng thú vị.

2

Tuy nhiên, chiến tranh đã bắt đầu có nhiều bất lợi cho chúng ta, sau cùng ai nấy cũng biết rõ rằng tình thế của chúng ta đã tuyệt vọng. Chúng tôi bắt buộc phải chém vè chạy từ núi này đến núi kia qua những vùng đất xa lạ, cố gắng làm thế nào vượt dãy núi biên giới phía đông để đi sang nước Xiêm. Có lần chúng tôi Cẩn thận chọn một lối mòn dốc thẳm và bầm bước hàng giờ trên con đường ấy. Lần khác chúng tôi vượt qua một cây cầu treo, đu đưa trong gió, bắc qua một hiệp đạo. Những chiếc xe cam nhông đã lần lượt hỏng máy, vì thế cuối cùng chúng tôi phải dùng xe bò chở đồ trang bị hoặc vác trên vai mà đi. Chúng tôi sống bằng cách cướp phá, thổ phỉ bất kỳ nơi nào chúng tôi đi qua. Đó là thời gian đầy những nguy hiểm khủng khiếp.

Chúng tôi trải qua nhiều kinh nghiệm đau xót. Có nhiều lúc anh em nghĩ đã đến chỗ chết mất rồi. Nhưng vào những lúc như thế, cây thụ cầm của trung sĩ Mizushima đã tạo nên nhiều phép lạ.

Một đêm, cheo leo trên dãy núi, bất thành lình chúng tôi thấy bị quân thù bao vây. Chúng khép chặt vòng vây dần dần và tấn công chúng tôi trong một khe núi nhỏ hẹp. Chúng tôi lạc mất đường và chỉ còn có thể nhìn thấy xung quanh nhờ ánh sao chiếu lọt qua đám lá cây trên đầu. Chúng tôi bị bao vây tứ phía.

Quân thù tập hợp dọc triền núi bên phải và bên trái chúng tôi; chúng dùng đèn báo hiệu với nhau khi lùng kiếm chúng tôi. Trên đầu súng nổ rền trời. Đạn đại bác rít trong không khí nghe như tiếng một miếng vải lụa bị xé làm đôi. Và vừa đúng lúc chúng tôi tưởng đã yên rồi, ai ngờ một tiếng nổ kinh hồn lại vang lên như sấm trong khe núi nhỏ hẹp; rồi đá, đất rào rào rơi xuống người chúng tôi.

Nghĩ rằng chắc chắn sẽ bị tiêu diệt, chúng tôi xô nhau núp dưới hàng cây, nằm trên mặt đất trong khe núi ẩm ướt, tối om. Tất cả anh em đều sửa soạn để chết. Chúng tôi ngồi đó nín hơi im lặng, lưng chụm vào nhau, mắt trở nhìn đêm tối. Tôi nghe thấy tiếng tim tôi đập thành thịch, hầu như ở ngay trong cuống họng ấy.

Những ngọn đèn trên triền núi lóe sáng báo hiệu nhanh hơn bao giờ hết, quét qua quét lại.

Lúc ấy hẳn là một người trong bọn chúng tôi đã mất hết tinh thần, vì ở phía ấy có tiếng nói thều thào Nam Mô A-Di-Đà Phật!

Tôi nghe thấy tiếng mắng át ngay: "Suyt!" Đó là Mizushima. "Quanh đây có thể có trinh sát của quân thù," anh ấy thì thầm.

Ai nấy lại im lặng. Tiếng đại bác lại nổ trên đầu; đạn lóe sáng phá tung gần ngay chỗ chúng tôi đến nỗi tất cả anh em hầu như chẳng còn nhìn thấy gì nữa; thỉnh thoảng chúng tôi nghe thấy đất, đá rào rào đổ xuống như mưa nặng hạt, hoặc một thân cây gãy tan tành.

Khi giây phút ấy đã tạm ngưng một chút, Mizushima mon men bò lên chỗ đại úy và thì thầm cái gì đó. Vài phút sau, anh bắt đầu một mình trèo lên mặt khe núi, mang theo cây thụ cầm. Trên trời sao đang lấp lánh, anh có thể nhìn thấy bóng đen của anh ấy lẫn vào đám cây một lúc lâu, rồi biến dạng trên dãy núi.

Tôi không nhớ rõ sau đó bao lâu nữa (hình như chỉ một lúc ngắn thôi), chúng tôi nghe thấy tiếng cành cây kêu rảng rặc trong lùm cây cách chỗ chúng tôi độ khoảng mười thước. Rồi chúng tôi nghe thấy tiếng người lượn dưới các lùm cây thâm thấp. Hai người đang nói chuyện với nhau - bằng tiếng Anh.

"Chẳng có ma nào ở đây hết" - Một giọng nói trẻ, dửng dỏi thốt ra. "Chắc đó là một con thú rừng."

Sau một lúc im lặng người khác nói: "Tao thèm thuốc lá quá."

"Nguy hiểm đấy!" Giọng nói thứ nhất cảnh cáo. "Hãy cố mà nhịn đi."

"Mày nói thế là thế nào hở? Yên rồi mà chúng nó không quanh quẩn ở đây đâu."

Chúng tôi nghe thấy tiếng đánh diêm và nhìn thấy một đốm lửa lóe lên ở hướng ấy. Hai tên lính Anh Cát Lợi đang ngồi trên một tảng đá lớn. Ngọn lửa của que diêm soi sáng những cái má đỏ hồng và những con mắt xanh lè của chúng. Hai thằng này là trinh sát viên. Que diêm tắt ngay tức khắc. Chúng tôi nín thở và vẫn ngồi, bất động. Dù ở trong bóng tối chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy nhau rõ mồn một; tuy nhiên những thằng lính đối phương không nhìn thấy chúng tôi.

Một thằng bắt đầu huýt sáo nhẹ nhàng. Thằng kia làm theo, ngân nga kéo dài, giọng trầm trầm.

Đó là một điệu hát chúng tôi biết gọi là "Ánh Đom Đóm". Liên đó một thằng thở dài và nói: "Không hiểu bây giờ gia đình tao ra sao."

Đúng lúc đó chúng tôi nghe tiếng đàn thụ cầm từ phía bên kia dãy núi vọng lại. Thoạt đầu, đó là một điệu khúc nhẹ nhàng, buồn buồn; nhưng liền đó, tiếng nhạc trở nên vô cùng cảm động, một bản nhạc tức tịch, man rợ.

Đầu điều thuốc lá rực sáng trong vẻ ngạc nhiên. "Cái gì thế?" Một trong hai thằng trinh sát kêu lên. "Tai tao đâu có điếc?"

"Không. Tao cũng nghe thấy. Dù là đũa nào đi nữa, thằng ấy chơi nhạc hay quá!"

Chúng tôi có thể nhìn thấy những ngọn đèn trên dãy núi xúm lại trong một lúc rồi cắm đầu đi xuống một thung lũng khác hướng thẳng về phía tiếng đàn.

Trong bóng tối gần chỗ chúng tôi những thằng trinh sát đối phương đang nói chuyện nôm nã.

"Mình ra đó xem sao - có thể là tụi Nhật."

"Đừng dớ dẩn. Đó chắc là một làng thổ dân. Nhưng có lẽ họ biết tụi lính lùn ở đâu." Hai thằng lính ấy leo ngược dãy núi.

Tiếng đàn im bật một lúc, rồi lại trỗi lên ở phía xa hơn. Lúc một người trong đám anh em chúng tôi đi xem xét tình hình, anh ấy thấy ánh đèn của quân thù đang mờ dần, mỗi lúc một xa hơn, cách chỗ chúng tôi đang nằm.

Chúng tôi đã được cứu thoát như thế đấy!

Sáng hôm sau trung sĩ Mizushima quay về với anh em, người anh tím bầm, sứt sẹo.

Trong lúc bôn đào chúng tôi thường bị tội Góc-ca tấn công. Những tên lính hung dữ này mặc đồng phục màu xanh lá cây và đeo ở dây lưng da dao găm lưỡi cong. Chúng thường ngồi rình ở trên cây, rồi bất chợt tấn công quét sạch chúng tôi bằng những loạt tiểu liên tự động khi chúng tôi đi ở dưới. Chúng tôi sợ tội Góc-ca này nhất, hơn bất cứ cái gì, và bất kỳ khi nào nghe tin tội chúng ở làng bên, chúng tôi thường đi vòng quanh ngôi làng ấy tránh đụng độ với chúng nó.

Nếu chúng tôi đến một khu rừng có vẻ nguy hiểm, trung sĩ Mizushima luôn luôn cải trang mặc quần áo Miến Điện và đi tiền sát.

Người Miến Điện trông rất giống người Nhật Bản chúng ta, trừ điểm họ có râu lún phún. Tuy nhiên, mới hai mươi một tuổi, Mizushima đã có râu thưa rồi, và hai con mắt to sáng giống một người Miến Điện lắm. Anh có nước da thật sạm. Nhưng đặc biệt, tuy là một người rất can trường và táo bạo, song dường như anh lại có nét mặt buồn buồn, trầm tư mà những dân tộc nhiệt đới như người Miến Điện thường có; có lẽ là do khí hậu ngột ngạt của xứ sở họ. Và khi quần quanh người cái sà-rông màu vàng ửng, anh trông giống hệt một thổ dân.

Anh xứng hợp với bộ quần áo Miến Điện đang mặc đến nỗi chúng tôi thường cười và nói với anh: "Này, Mizushima, cậu phải ở lại Miến Điện mới được. Tội nó thích cậu ở đây đây."

Mizushima cũng cười, rồi cúi xuống nhìn chính mình; anh thường tập tọe lặt thành câu một ít tiếng Miến Điện: "Tôi... người Miến Điện. Miến Điện là một xứ xinh đẹp."

Anh thường nguy trang như thế, rồi mang theo cây thụ cầm và lẩn vào trong rừng. Nếu cho là đường đi an toàn, anh sẽ đánh đàn và hát một bài ca bản xứ. Tức thì tất cả anh em chúng tôi rời chỗ ẩn núp và lên đường.

Có lần Mizushima đi đúng ngay vào chỗ tội Góc-ca mai phục. Ngay trên đầu anh một thằng Góc-ca đang ngồi xoạng chân trên một cành cây tếch cao lớn. Gắn chặt môi dưới đỏ chót, có hàng râu thưa che lấp, người thanh niên với cặp mắt sáng quắc ấy ngồi thụp xuống nhìn thẳng lính. Khi đưa mắt quan sát tình hình, Mizushima phát hiện nhiều bóng người mặc

đồng phục màu xanh lá cây lơ nhô trên những cây cao, núp mình trong đám lá.

Quá muộn mất rồi để rẽ ngang. Tập trung hết can đảm, anh bắt đầu hát một bài ca của tu sĩ Miến Điện và thẳng người bước đi dưới hàng cây cao lớn ấy.

Chắc thẳng Góc-ca cho rằng anh là một nhạc sĩ lang thang, vì nó ném một đồng tiền xuống cho anh. Bốn, năm tên lính khác bắt chước làm theo, vung tiền xuống đất. Mizushima cúi nhặt, rồi vừa gật đầu cảm ơn theo truyền thống Đông phương vừa đưa những đồng tiền lên ngang trán.

Thằng lính ngồi xoạng trên cành đu đưa hai chân một cách uể oải trong lúc quát lớn tiếng: "Này, có nhìn thấy thằng Nhật nào không hở?"

Mizushima giơ tay chỉ về phía ngọn núi xa. Thằng Góc-ca gật đầu, rút con dao găm cong lưỡi ra khỏi bao, với tay cắt một trái cây thơm phức rồi ném xuống cho anh.

Mizushima lại cúi đầu cảm ơn. Đoạn đứng dưới cái cây đầy nhóc tụi Góc-ca, anh nảy đàn chơi một bản nhạc cho chúng nó nghe - một điệu nhạc chúng tôi thường dùng để báo hiệu nguy hiểm.

Lần khác, một chuyện buồn cười xảy ra. Mizushima đã đi thám sát lâu rồi mà vẫn chưa về, nên chúng tôi bắt đầu lo lắng. Cuối cùng, vừa lúc sắp sửa phái một thám báo viên khác ra đi thì chúng tôi nghe thấy một bài hát nhè nhẹ - đó là dấu hiệu vô sự của chúng tôi - từ tận trong lòng rừng vọng ra.

Thở phào khoan khoái, chúng tôi bèn trực chỉ đi vào trong rừng và thấy Mizushima đang ngồi xõm trong đám cỏ cao, gảy đàn một cách rã rời chán nản.

Lúc đi tới chỗ anh, chúng tôi giật bản mình khi thấy anh đang quẩn một tàu lá chuối to tướng quanh thắt lưng thay vì cái sà-rông. Cái dọc chuối lòi ra ở sau lưng trông giống như đuôi một con chim.

"Sao mà cậu lại thế này hở?" Chúng tôi hỏi.

Anh giải thích, một thằng Miến Điện mặt mũi gớm ghiếc từ phía bên kia đường đã nhảy chồm tới anh và chĩa súng lục vào đầu anh. Đó là một tên cướp đường; bọn này bắt đầu xuất hiện khắp nơi, dùng vũ khí do quân đội

Nhật Bản bỏ lại. Nhưng vì phần lớn người Miến Điện có thể bị cướp bóc tất cả mọi thứ, trừ cái sà-rông họ mặc, thế cho nên thằng cướp ấy mới hỏi xin Mizushima cái sà-rông.

Trong sứ mạng trinh sát ngục trang như một người Miến Điện, Mizushima luôn luôn ra đi không mang vũ khí. Vì cái sà-rông mà mất mạng có lẽ có nghĩa là thất bại trong nhiệm vụ, nên anh đã phải làm theo ý tên cướp.

Tuy nhiên, điều lạ lùng về tội cướp này là chúng mang theo rất nhiều lá chuối. Người Miến Điện không mặc gì trong sà-rông hết, không có ngay cả quần đùi. Nếu lấy cái sà-rông, anh sẽ đẩy họ vào tình trạng xấu hổ một cách đáng thương hại; và do thế, vì lòng thương hại đối với các nạn nhân, tội cướp đã có vật thay thế sẵn sàng đưa cho họ. Ngôn từ chúng dùng cũng dịu dàng. Chĩa súng vào anh, chúng nói: "Đổi cho tôi cái sà-rông đang mặc lấy tàu lá chuối này nhé".

Miến Điện là xứ sùng đạo Phật nơi dân chúng sẵn sàng chấp nhận một mức sống vô cùng thấp. Họ là một dân tộc dễ thương - không có tính tham lam, hoặc nói một cách kém tử tế - không có tham vọng. Đó là lý do tại sao họ đã lết đệt chạy sau cuộc cạnh tranh trong thế giới hiện tại, mặc dù tài nguyên thiên nhiên của họ rất phong phú, trình độ giáo dục của họ rất cao. Tại xứ này không bao giờ có phạm nhân tàn ác. Ngay cả tội cướp mới võ trang này cũng cư xử theo thói nhả nhận cổ truyền.

May mắn cho chúng tôi là tên cướp chú ý tới cái sà-rông của Mizushima chứ không phải cây thụ cầm.

Vì thế chúng tôi bắt gặp Mizushima ở đó, giữa đám cỏ hôi thối, dưới ánh nắng gay gắt, trần như nhộng trừ tàu lá chuối che thân. Chúng tôi tiến đến chỗ anh, vỗ vai và nói: "Ngồi như thế này nghĩa là thế nào hở?" Cậu đang bị con cáo hoặc cái gì thôi miên phải không?"

Mizushima cười chừa thẹn, nhưng liền đối đáp câu chọc ghẹo của chúng tôi: "Tàu lá chuối làm đồ che thân mát đáo để," anh nói. "các cậu thử mặc mà xem".

3

Chúng tôi đi hoài đi hoài, vượt núi, vượt đồi, vượt thung lũng, vượt rừng cây. Thật chẳng khác gì những kẻ chạy trốn trong truyện cổ tích, ngay cả tiếng gió thổi cũng làm chúng tôi hoảng sợ.

Quân đội Anh thường nhảy dù xuống các làng dọc theo con đường chúng tôi đi để chặn bước tiến của chúng tôi. Làng này thường báo tin cho làng kia về chúng tôi và cất giấu thực phẩm của họ. Đôi lần, khi dừng chân trong một làng để nghỉ ngơi vì cần quá, chúng tôi thường nhận thấy thổ dân đã báo tin cho quân thù biết và chúng tôi bị tấn công liền.

Bao tháng ròng chúng tôi không thể lơ là việc canh gác đề phòng. Tuy nhiên có một số bộ lạc bản xứ cũng tử tế; và nhờ họ giúp đỡ, chúng tôi tiến dần dần qua dãy núi.

Một hôm chúng tôi tới một làng trên đỉnh một vách đá cao. Người dẫn đường Miến Điện bảo chúng tôi rằng đến đây chúng tôi đã vượt qua mọi nguy hiểm rồi. Anh ta cao nhòng, đầu cạo nhẵn thín - anh có thể nhìn thấy đường gân máu nổi bật trên cái sọ dừa. "Nhìn kìa". Anh ta vừa nói với chúng tôi vừa lau mồ hôi trán. "Vượt qua cái đèo ấy, các ông sẽ tới đất Xiêm".

Cảnh trí mênh mông trải ra trước mặt chúng tôi trông thật là ngoạn mục. Trong lúc chúng tôi đứng nhìn cảnh trí ấy, làn khí núi giá lạnh, buốt xương, tạt qua chúng tôi. Về hướng người dẫn đường đang chỉ tay, chúng tôi nhìn thấy một thứ sương mờ xanh xanh đang treo lơ lửng trên rừng cây rậm rạp trong một dãy núi ngập ánh mặt trời. Xa khỏi chỗ ấy là nơi quân đội Nhật Bản đóng.

"Quanh đây không có lính Anh hoặc lính Ấn hay lính Gốc-ca đâu," người dẫn đường nói. "Tối nay các ông có thể ngủ ngon".

Chắc hẳn trông có vẻ an toàn. Chúng tôi đã ở cách thật xa ngôi làng bên cạnh, và vách đá cheo leo trước mặt đâm thẳng xuống một hiệp lộ sâu thẳm, nơi chúng tôi có thể nhìn thấy một dòng sông với những thác nước

bọt trắng xóa mãi tới phía dưới. Phía sau ngôi làng là một vách đá cao khác trên đó những con diều hâu đang lượn vòng. Giữa làng có một khoảng đất trống rộng rãi, và ở hai bên khoảng đất này là khu rừng - một rừng cây nhiệt đới thăm thẳm, tối om. Anh khó lòng tưởng tượng một nơi ẩn náu tốt hơn cho khoảng năm mươi người lính Nhật.

Đại úy nói chúng tôi sẽ ở lại đây nhiều ngày, nghỉ ngơi và chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn cuối cùng của cuộc di hành.

Lúc chúng tôi tới ngôi làng, người xã trưởng và nhiều người dân ra chào đón. Họ dẫn chúng tôi vào một ngôi nhà rộng rãi mái lợp rơm, dựng lên ở ven khoảng đất trống rộng rãi ấy. Họ sửa soạn một bữa tiệc mời chúng tôi - có cả rượu nữa. Chúng tôi ăn uống thỏa thích.

Cho đến mới gần đây người Miến Điện vẫn một mực sống theo những lời răn của Phật nên họ chẳng bao giờ uống rượu. Tuy tập quán này đã bị phá vỡ ở các đô thị, song tại miền quê nó vẫn còn rất mạnh. Ngoài mặt trận hầu như chẳng làm sao mà kiếm được rượu. Nhưng trong dịp này dân làng hình như đã vất vả lắm để kiếm rượu cho chúng tôi.

Họ tiếp đón chúng tôi một cách trịnh trọng. Trước khi anh em nhận ra điều này thì bữa tiệc đã biến thành một cuộc liên hoan sinh động với nhiều hình thức giải trí khác nhau. Khoảng mười người thanh niên từ làng ra đứng thành một hàng và hát cho chúng tôi nghe một bài ca của họ. Tất cả họ đều có tóc xoắn và ánh mắt trong. Tuy nhiên, da họ không đen lắm - binh sĩ Nhật Bản chúng ta có nước da đen hơn. Họ đi chân đất và ở trần, trừ cái sà-rông màu sặc sỡ quấn quanh hông. Thoạt đầu bài ca họ hát nghe ồ ồ, nhưng lắng nghe cho kỹ anh có thể bắt gặp một giọng hơi cao như than như vãn, nỉ nỉ non non. Bài ca hình như không chấm dứt; vừa lúc mình tưởng đã hết, nó lại dấy lên mãnh liệt hơn và tiếp tục hoài. Đó là thứ âm nhạc đều đều, sướt mướt, buồn rầu của miền nhiệt đới.

Người dẫn đường dịch lời ca cho chúng tôi nghe:

«Xa xa trong đám mây dày

Tuyết trên đỉnh Hi Mã Lạp Sơn óng ánh.

Chúng ta đắm mình trong suối tuyết đang tan,

Mãi đằng ấy, xa xa tìm anh ẩn náu.

Tôi ước ao đem tim mình bùng cháy,

Tắm trong dòng suối giá băng.»

Trong suốt lúc hát nhiều món ăn cao lương mỹ vị lại được mang ra. Ông xã trưởng râu bạc phơ, má đỏ ửng, cứ rót rượu mời chúng tôi.

Một anh trong bọn quay lại hỏi ông ta: "Từ đây cụ có thể nhìn thấy núi Hy Mã Lạp Sơn không?"

Ông xã trưởng mỉm cười, những đường nhăn quanh mắt ông hoắm sâu lại. Đoạn thần thờ lấy hai tay vuốt chòm râu dài, ông trả lời: "Từ đây không thể nhìn thấy dãy núi ấy. Chẳng có ai trong đám chúng tôi đã nhìn thấy bao giờ. Chúng tôi chỉ biết dãy núi ấy qua những bài kinh và chuyện cổ tích mà thôi."

Người Miến Điện đã quen thuộc với kinh kệ và chuyện cổ tích ngay từ lúc còn nhỏ. Chúng ta thường nghe thấy nhắc đến dãy Hy Mã Lạp Sơn trong những bài ca, những chuyện kể của họ và nhìn thấy những bức họa hoặc điêu khắc truyền hình dãy núi thiêng liêng này trong các chùa chiền của họ. Thấy họ đều nghĩ đến dãy núi hùng vĩ ấy như tổ ấm của linh hồn và hy vọng khi chết sẽ hành hương về đó. Họ nói rằng những đỉnh núi phủ đầy tuyết ấy lẫn trong mây óng ánh dưới ánh mặt trời giống như đá hoa cương hoặc bạc thật dát mỏng - hình ảnh của cái đẹp thiêng liêng. Và tại chân dãy núi đó, nghìn năm về trước, Thích Ca Mâu Ni đã ngồi trầm tư nghĩ ra một đường lối để giải thoát nhân loại, và Ngài đã đắc đạo đạt tới mức giác ngộ tuyệt đỉnh. Tất cả điều này là một phần tín ngưỡng cơ bản của người Miến Điện. Lắng nghe với điều ấy trong đầu óc, anh có thể khám phá tính chất nguyện cầu trong bài ca của họ.

Khi dân làng chấm dứt, chúng tôi bắt đầu hát. Dẫu sao anh em cũng là "Đại Đội Ca Hát" nổi tiếng mà. Chúng tôi hát đủ thứ bài hát, nhưng bài được hoan nghênh nhất là bài Trắng Trên Lôu Đài Hoang Tàn. Đó là một tác phẩm hay thực sự. Dù cho chúng tôi tới đâu hoặc thỉnh giả chất phác đến thế nào, bài ca ấy vẫn làm người ta say sưa, ngây ngất.

Bị tiếng hát quyến rũ, một đám dân làng đông đảo tụ tập lại lắng nghe. Người Miến Điện thích hội hè đình đám. Vào dịp thường nhất họ cũng kết xe hoa rồi ca hát và nhảy múa. Từ khi chúng tôi vào ngôi làng trong núi,

dân chúng sống trong không khí vui vẻ, nhộn nhịp, tươi cười trong lúc họ ganh đua nhau sáng tạo nhiều cách để làm cho anh em chúng tôi vui thích. Chúng tôi muốn dùng tiếng hát để cảm ơn họ.

Dân làng chăm chú lắng nghe như thể đang dự lễ. Những người già cả ngồi ở lối cổng vào.

Trẻ con tựa thành cửa sổ, cầm gối lên hai tay, ngó vào trong. Dưới tàn một cây dừa, tại chỗ đất trống trước nhà, những người đàn bà ngồi xõm, vai địu con thơ. Tất cả đều im lặng; những cánh tay khăng khiu, những bắp chân gầy teo khoanh lại theo lối ngồi đặc biệt Miến Điện.

Cái mà họ thích nhất ấy là cây thụ cầm của trung sĩ Mizushima. Anh ngồi trên một cái ghế, đặt chiếc đàn giữa hai đầu gối, rồi gảy có vẻ say sưa hơn bao giờ hết. Trên thân cây đàn có mấy bông lan khoa và mấy chiếc lông chim màu đỏ làm vật trang điểm; khi anh dùng cả hai bàn tay bật thật mạnh những sợi dây thì những bông hoa và mấy chiếc lông chim ấy run rẩy như khiêu vũ.

Bất thành linh, từ giữa đám người đang đứng lắng nghe, một thiếu nữ bước ra nhẹ nhàng như đi trong không khí. Nàng khoảng chừng mười hai tuổi, mặc một chiếc váy bó chặt lấy người và một cái áo chần ôm lấy sát mình, chỗ thắt lưng đeo những đồ trang sức uốn cong trông tựa cánh chim. Tay chân nàng mềm mại, bóng lên óng ánh. Tóc vấn lại thành một cuộn, càng lên cao càng nhỏ dần, trông như thể đang đội một ngôi chùa nho nhỏ trên đầu.

Thiếu nữ đứng giữa gian phòng, đưa mắt nhìn đám khán giả xung quanh, rồi quyết định thế đứng của điệu vũ. Nàng ngả đầu sang một bên, duỗi thẳng tay trái về phía trước, các ngón tay thẳng tắp, rồi vừa đặt tay phải lên ngực, lòng bàn tay quay ra ngoài, vừa chập ngón tay cái và ngón tay trở lại thành một vòng tròn. Đoạn, sẵn sàng vươn người ra biểu diễn bất cứ lúc nào, nàng đưa đôi mắt to đen lay láy nhìn người nhạc công một cách van lơn, mời mọc.

Mizushima bắt đầu đánh đàn. Điệu nhạc là một bài hát học trò ngày xưa mà anh đã soạn ra như một hành khúc.

Thiếu nữ bắt đầu múa. Nàng từ từ quay đầu hết bên này đến bên kia, bắt chéo chân rồi lại duỗi ra, cổ tay và tất cả các khớp xương tạo thành một loạt những góc vuông.

Đôi cánh tay và hai cẳng chân mảnh mai của nàng cử động, uốn éo một cách thần thờ. Bàn tay vẫy phía này rồi phía kia. Nàng lấy bàn chân từ từ vẽ những vòng tròn. Thật là một điệu vũ duyên dáng, lạ mắt, khó quên.

Những thanh niên làng kêu to tán thưởng, lấy hoa ném về phía nàng. Nhiều lần họ yêu cầu nàng múa lại. Cuối cùng khi điệu vũ chấm dứt, Mizushima đi tới một góc nhà, rồi vừa ngồi xuống vừa ôm chặt hai đầu gối trong lúc tiếng dân làng hoan hô vẫn tiếp tục vang lên.

"Thế nào truyện ấy thì sao hở Mizushima?" chúng tôi hỏi anh. "Liệu cậu có muốn ở lại Miến Điện và chơi thụ cầm cho đến hết đời không?"

Mizushima vẫn là người ít nói, và lần này cũng thế anh chỉ mỉm cười, không hé một lời. Thế rồi anh nhìn thẳng về phía trước như thể đắm đuối suy nghĩ.

"Kể ra thì tớ thích xứ Miến Điện" anh nói. Hình như anh bị miền nhiệt đới quyến rũ dữ lắm - ánh nắng tươi sáng, màu sắc sinh động, hình thức sinh hoạt đổi thay, phong tục tập quán lạ kỳ. Anh lấy làm tự hào là khi mặc chiếc sà-rông anh không bị phân biệt với người Miến Điện. Và tuy là một người đã thận trọng thi hành nhiệm vụ, song một cuộc sống tự nhiên, cởi mở, phóng túng hình như cũng lôi cuốn anh đáo đẽ. Bất kỳ khi nào chúng tôi đi qua một nhạc sĩ lang thang người Miến Điện, Mizushima cũng thường nhìn người ấy với vẻ hầu như ganh tị.

Khi đi tiền sát, anh thường hóa trang như một nhạc sĩ lang thang. Câu chúng tôi nói đùa về chuyện anh ở lại Miến Điện cho đến hết đời có thể đã làm anh xúc động thắm thía.

Lại đến lượt chúng tôi phải hát - Trăng mùa Thu, Những Bông Hồng Đại là những bài ca dễ thương chúng tôi đã biết từ thuở còn nhỏ tuổi. Khi hát chúng tôi quên mọi ưu phiền. Tất cả anh em đều có kỷ niệm quện chặt với những bài ca này. Những người thân hiện ra trong tâm trí chúng tôi. "À, bây giờ mình nhớ ra rồi. Mẹ ở đó và các em trai... Mình nhớ khuôn mặt chúng nó như thế nào, chúng nó đang nói gì..." Đó là những ý nghĩ thầm

kín: lúc chúng tôi hát trong những hoàn cảnh chưa bao giờ chúng tôi tưởng tượng đến - Bị săn đuổi, tính mạng bị đe dọa, chót vót trên dãy núi tại một miền đất xa lạ.

Chúng tôi cứ hát, hát mãi; ai nấy dốc hết cảm xúc từng bị dồn ép vào bài ca.

4

Bất chợt chúng tôi thấy mọi người đã đi hết, chỉ còn lại chúng tôi. Vì lý do nào đó, tất cả những người Miến Điện đã lên đi ráo cả rồi.

Cô con gái nhỏ bé ấy, những người thanh niên ấy - ngay cả ông xã trưởng lúc này quá ư bận rộn mời chúng tôi ăn uống cũng đã biến mất. Người dẫn đường cũng vậy, anh đã hứa thu xếp chỗ ngủ cho chúng tôi. Trong căn nhà chỉ còn lại chúng tôi đang hát cho những chiếc ghế lỏng chỏng và những thức ăn dư thừa nghe. Ngay cả bên ngoài, dưới các khung cửa sổ hoặc trên khoảng đất trống cũng không có một người Miến Điện nào lai vãng. Chẳng còn một bóng nào ở đây cả.

Kinh hoàng đè nặng chúng tôi, và có người quát to. "Ngừng hát ngay!"

Trước kia vẫn thường xảy ra chuyện binh sĩ chúng ta được tiếp đón niềm nở trong một làng Miến Điện, sau đó dân làng chuồn đi rồi quân thù phục kích tấn công. Đó là điều hình như bây giờ chúng tôi đang gặp phải.

Chúng tôi phải dàn đội hình ngay tức khắc, phải chiếm các vị trí chiến đấu, đem những đồ tiếp liệu sinh tử vào nơi an toàn, tìm chỗ núp cho chính mình và đào hố cá nhân. Có người cầm cổ chạy tìm súng hoặc lao vọt ra khỏi ngôi nhà.

"Khoan!" Đại úy, ra lệnh. Thế rồi giọng ông trầm xuống dẫn dỏi: "Cứ tiếp tục hát đi."

Sau đó ông bắt đầu thì thầm thật nhanh. "Chúng ta không thể để lộ là đã biết cái gì sắp xảy tới. Chúng ta phải tiếp tục hát như thể không có gì trực trặc hết - Nhưng đồng thời sẵn sàng đợi chúng nó vác xác đến. Tụi dân làng

mới tản khỏi nơi đây chỉ có mấy phút mà thôi, vì thế quân thù chưa thể tấn công ngay được. Nhưng một khi biết chúng ta đang đào hố chiến đấu, chúng sẽ mò đến ngay."

Chúng tôi nhận thấy ông nói đúng, và chúng tôi tiếp tục hát.

Trong khi đó, nhiều anh em bò qua nền nhà, dưới tầm mắt quan sát của quân thù, tiến tới chỗ tập trung vũ khí, rồi mang trở lại phân phát cho mọi người. Trong lúc vẫn ca hát bình thản và đều đều như thường, chúng tôi xỏ chân vào ghêch, thắt chặt dây đạn và cầm chắc súng ống và đạn dược dự phòng.

Chúng tôi hát hết bài Những Bông Hồng Đại và bắt đầu hát bài khác. Vừa hát chúng tôi vừa bò trong bóng tối, rồi lấy ống nhòm nhìn vào rừng cây. Chúng tôi liền thấy một số lính Gốc-ca và nhiều lính Ấn Độ cuốn khăn trên đầu. Anh có thể nhìn thấy chúng nó đang chạy từ hầm này sang hầm kia, tản mác trong đám cây để tạo thành một đường tấn công, vẫn cứ hát. Song ai nấy đã cảm thấy nôn nóng cả người. Bài chúng tôi hát là một bài ca buồn buồn, trang nghiêm, và chúng tôi hát bài ấy như thể đó là lần cuối cùng. Trong khi ấy, Đại úy bận túi bụi thì thầm ra lệnh chia anh em ra từng toán mười người, bảo đóng chốt ở những điểm chiến lược.

Khi bài ca chấm dứt, ông ra lệnh: "Vỗ tay đi! Cười lên!" chúng tôi làm như ông bảo, vừa vỗ tay vừa cười sặc sụa.

"Chúng mình không thể nói khi nào chúng nó sẽ khai hỏa", ông tiếp lời, "song chúng mình cần tranh thủ từng phút chúng nó dành cho mình. Anh em cố giữ chúng nó bố trí ở xa cho đến tối, nếu có thể. Bây giờ, một lần nữa - tất cả cười lên!"

Chúng tôi lại vỗ tay và cười vang. Tuy nhiên, thật không phải chuyện dễ - trước hết, những khẩu súng máy từ trong rừng đã quay nòng ra phía chúng tôi, sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào.

Cuối cùng chỉ còn một công tác nữa phải làm, nhưng đó là một công việc cực kỳ quan trọng. Chiếc xe bò chứa những thùng đạn lại đứng chơ vơ ở ngoài khoảng trống, cần phải mang vào nơi an toàn và để gần chỗ anh em. Mặt khác, chúng tôi lại phải di chuyển chiếc xe ấy mà không để lộ tung

tích cho quân thù biết, mặc dù chắc chắn chúng đang quan sát chúng tôi qua ống nhòm.

Làm sao có thể thanh toán việc ấy? vẫn ca hát, chúng tôi bới óc nghĩ ra một cách. Nếu chỉ một viên đạn bắn trúng cái thùng ấy chúng tôi sẽ bị tiêu hết. Toàn bộ đạn dược dự trữ sẽ nổ tung. Chúng tôi nhìn Mizushima, anh vẫn có tài giải quyết những vấn đề như thế này. Anh đang cười, đang hát và đánh đàn nữa. Tuy nhiên, ai cũng có thể nhận thấy là anh đang suy nghĩ lung lăm. Cuối cùng anh tới bên Đại úy và thì thầm với ông.

Trò bịp họ đồng ý là bảo mấy người chúng tôi vừa xếp hàng đi ra ngoài ngôi nhà vừa cất giọng ca hát một điệu vui tươi. Mizushima dẫn đầu, vừa đi vừa đánh đàn. Số còn lại bước theo ngay sau anh ôm những bông hoa mà thanh niên làng đã tung cho người con gái biểu diễn vũ điệu. Mọi người cười oang oang và một số giậm chân thật mạnh phô trương thanh thế và rầm rập bước, bắt chước một vũ điệu Miến Điện. Chúng tôi nhắc bồng Mizushima đặt lên xe bò. Anh đứng trên các thùng đạn đặt cây thụ cầm vào một đầu gối và bắt đầu chơi một điệu vui vẻ, linh động. Chúng tôi vây quanh chiếc xe, tay cầm hoa vừa múa vừa đồng ca.

Kế hoạch phải làm là kéo chiếc xe vào như thể chúng tôi đang hò nhau kéo một chiếc bè đại hội. Để giữ hơi sức chúng tôi hát một bài ca trầm trầm - bài Hanyu no Yado.

Có vẻ dường như quân thù đã chấm dứt việc dàn quân, khai triển đội hình, vì mình không nhận thấy một di động trong rừng cây cả. Quang cảnh trở nên im lặng như chết.

Quả thật chúng tôi đang hát để cứu sống chính mạng mình. Bất kỳ lúc nào hàng loạt súng nổ cũng có thể bắn từ rừng cây tới. Chúng tôi phải đẩy thật nhanh chiếc xe bò nặng trĩu, song le vẫn phải làm ra bộ như thể vui đùa. Nếu một viên đạn từ trong rừng bay tới bắn trúng các thùng ấy thì có nghĩa là chắc chắn chết hết - không những chỉ riêng mình Mizushima đang đứng trên đó mà tất cả anh em nữa.

Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Đôi khi chúng tôi phải dọn đá trên đường hoặc dùng vai nâng nó lên trong lúc đẩy về phía trước. Gắng hết sức lấy hơi, chúng tôi vẫn hát bài Hanyu no Yado cho thật hay. Đứng trên xe,

Mizushima tiếp tục đánh đàn đệm theo, đặc biệt hăng hái hơn bao giờ hết. Hanyu no Yado là một nhạc khúc trầm trầm, buồn buồn làm bất cứ ai nghe cũng phải rung động. Tiếng chúng tôi hát hòa vào nhau, bè cao bè thấp, giao quện theo sát nhau khăng khít.

Cuối cùng chiếc xe đã tới chỗ chúng tôi bố trí, cách khoảng bốn năm thước.

Bất thần trời sụp tối. Trong miền nhiệt đới, ranh giới giữa ngày và đêm thật rõ rệt. Vừa khi mặt trời chìm dưới chân trời, màn đêm buông xuống liền. Điều này rất lợi cho chúng tôi. Tất cả những sửa soạn khác đều đã làm xong. Đó đây, trong bóng tối, từng toán nhỏ, anh em chúng tôi ngồi phục, ngón tay để sẵn trên cò súng. Đại úy cầm thanh kiếm và đang chăm chú nhìn về hướng quân thù, chờ lúc ban lệnh khai hỏa.

Đúng lúc chiếc xe tới nơi an toàn thì chúng tôi hát hết bài Hanyu no Yado.

Tức thời đại úy rút kiếm ra. Những người đẩy xe liền ngừng tiếng hát và chộp ngay lấy súng. Trong khoảng im lặng ngắn ngủi ấy, anh có thể nghe thấy rất rõ rệt tiếng dòng sông chảy vào thung lũng ở mãi tít phía dưới. Mấy phút trước đây, những con chim còn líu lo hót bây giờ đã nằm ngủ yên cả rồi.

Đại úy vung gươm. Binh sĩ nín hơi chờ đợi, sẵn sàng hô xung phong và nhả đạn. Nhưng đúng lúc đó đại úy kiểm tra lại mệnh lệnh, rồi đứng thẳng đơ như trời trồng. Một cái gì khác thường đang xảy ra. Từ rừng cây một giọng nói bay vút tới - Giọng nói trong trẻo, cao vút, say sưa hát bài Hanyu no Yado.

Đại úy nắm ngay một người trong đám anh em chúng tôi đang nhaoi người về phía trước và dang rộng hai tay ngăn những người khác lại.

"Khoan!" Ông quát. "Hãy nghe tiếng hát ấy đã!"

Tiếng hát trong rừng được hai ba tiếng khác hát theo, rồi nhiều tiếng khác nữa, chỗ này chỗ kia ra cả bốn phía. Đó là bài Hanyu no Yado hát bằng tiếng Anh: Home Sweet Home - Trở về mái nhà xưa.

Chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên. Thế nghĩa là thế nào? Phải chăng những người ở trong rừng là những quân thù khủng khiếp đang tiến ra để

giết chúng tôi? Phải chăng họ chỉ là dân chúng trong làng? Trong trường hợp ấy, chúng tôi chẳng cần lo lắng đến thế. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm và hạ súng xuống.

Lúc này rừng cây vang âm tiếng hát. Tiếng đồng ca dâng lên ngay cả ở dưới chân vách đá vắt cheo leo qua dòng sông. Chúng tôi cũng hòa giọng hát theo.

Mặt trăng đang chiếu sáng. Mọi vật đều nhuộm màu xanh trong làn ánh sáng mát rượi ấy. Giữa đám cây rừng hình như có những cột thủy tinh óng ánh. Lần lượt, nối theo nhau, những hình người mờ đen tiến ra khỏi khu rừng đi vào khoảng đất trống không.

Đó là những binh sĩ Anh Cát Lợi.

Tụ tập lại thành từng toán nhỏ, đây một nhóm kia một nhóm, họ hát bài Home Sweet Home, nghe thật rung động. Từ trước chúng tôi cứ tưởng Hanyu no Yado là bài hát Nhật Bản, nhưng thực ra đó là một điệu khúc cổ xưa của người Anh. Người Anh Cát Lợi hát bài ấy vì lòng kiêu hãnh khi nhớ nhà và thèm muốn những nguồn vui của quê hương yêu dấu; bất kỳ khi nào nghe thấy bài hát ấy, họ cũng nghĩ đến mẹ hiền, đến thời niên thiếu và nơi họ đã lớn lên làm người. Và vì thế họ ngạc nhiên, xúc động khi nghe thấy quân thù của mình - quân thù nguy hiểm họ đã bao vây tít trên đỉnh dãy núi Miến Điện - hát bài này.

Đến lúc này chúng tôi không còn là kẻ thù nữa. Trận đánh không hề diễn ra. Trước khi hiểu rõ cái gì đã xảy ra, chúng tôi đang cùng nhau hát và tiến lại gặp nhau mà bắt tay. Sau cùng chúng tôi sẽ đốt lửa trại ngay giữa khoảng đất trống không rồi ngồi xung quanh ngọn lửa cùng ca hát theo nhịp đũa của đại úy.

Một người lính Ấn Độ cao nghêu rút từ túi áo ra một tấm ảnh gia đình rồi ngắm nghía bên ánh lửa trại. Anh là một thanh niên hiền ngang, xứng đáng với chiếc khăn vải trắng cuốn trên đầu và bộ râu rậm đen sì, nhưng đôi mắt anh lại dịu dàng như cặp mắt con cừu. Anh đưa cho chúng tôi xem tấm ảnh - của vợ anh và hai đứa con đang chúm chím cười dưới cây dứa. Thì ra anh là một thương gia ở Calcutta.

Một binh sĩ không rõ quốc tịch hỏi chúng tôi cho anh xem ảnh gia đình. Một người trong bọn chúng tôi móc túi lấy ra một bức hình mẹ anh, người lính kia nhìn tấm hình, nước mắt ràn rụa;

Một binh sĩ Anh mặt đỏ như gấc bắt đầu hát: "Nếu một con người gặp một con người..." Một người trong anh em chúng tôi hòa theo hát bằng tiếng Nhật thế rồi người Anh ấy đặt tay lên vai người đồng đội của chúng tôi và hai người dặt nhau tản bộ. Người lính Nhật Bản gân cổ hát. Tất cả chúng tôi, một lần nữa, cũng hát theo.

Mizushima cũng đã xuất thần ứng ra phần nhạc đệm tuyệt vời cho bài ca này. Tất cả lính Anh lớn tiếng hoan hô anh. Nhìn một phía khuôn mặt anh ấy sáng lên vì ánh lửa, anh có thể thấy những giọt nước mắt đang chảy xuống má trong lúc anh ấy đánh đàn. Trong lúc mọi người cùng hát, mắt ai cũng đắm lệ.

Đêm ấy chúng tôi được tin chiến tranh đã chấm dứt ba ngày rồi. Không có cách nào loan báo cho quân thù khủng khiếp hay, quân đội Anh nghĩ họ sẽ phải tiêu diệt chúng tôi để dập tắt mọi kháng cự. Chúng tôi buông súng.

PHẦN II

CON VỆT XANH

1

Chúng tôi hạ súng. Từ hôm đó chúng tôi là tù binh của quân đội Anh, điều chúng tôi chưa bao giờ hề nghĩ tới lại có thể xảy ra.

Tối hôm đó, đại úy tập hợp tất cả anh em lại và nói cho chúng tôi nghe. Ông nói chậm rãi và ngập ngừng trong khi chúng tôi im lặng lắng nghe.

“Chúng ta đã đầu hàng,” ông bắt đầu. “Không phải chỉ riêng chúng ta, nhưng toàn quốc chúng ta. Tôi không biết nghĩ thế nào. Tôi không rõ cái gì sẽ xảy ra cho chúng ta, chúng ta sẽ bị dẫn đi đâu hoặc sẽ phải làm gì. Tôi cũng không biết liệu rồi chúng ta có được tiếp tục sống nữa hay không.

“Thật khó mà nói Nhật Bản đang ở trong điều kiện như thế nào. Chúng ta đã mất liên lạc từ lâu và kể từ khi vào núi, chúng ta không có cách nào bắt lại liên lạc. Nhưng theo truyền đơn và báo chí máy bay địch ném xuống, tổ quốc chúng ta đã bị ném bom khắp nơi, nhiều người đã bị chết cháy hoặc bị thương hay đang chết đói. Thật không phải chỉ là tuyên truyền. Dân tộc ta hẳn đang phải chịu đựng đau khổ. Điều này làm tim chúng ta nhói đau khi vừa nghĩ tới.

“Đất nước chúng ta đang bị tàn phá, và tại đây chúng ta là tù binh chiến tranh, cách xa đất mẹ hàng nghìn dặm. Ai có thể tưởng tượng nổi một điều như thế? Tôi chẳng thể tin đó là điều thực - nghĩ đến điều ấy khiến tôi ngạc nhiên. Tôi tự hỏi cái gì đã xảy ra? Tất cả những gì tôi có thể cảm thấy ấy là một cảm giác xúc động.

“Rồi ra, theo tôi nghĩ, xúc động ấy sẽ nhường chỗ cho buồn rầu. Có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy thất vọng, nghi ngờ, ngay cả phẫn nộ và đau đớn. Tuy nhiên, chúng ta không thể chắc chắn phải nghĩ cái gì cho đến khi chúng ta

biết rõ sự thật. Thực ra, mới lúc trước đây, tôi đã bắt đầu nghi ngờ là chúng ta lại có thể chấm dứt như thế này. Nhưng bây giờ thì chuyện ấy đã xảy ra; tôi phải nhận rằng tôi đã hoàn toàn không biết phải đối phó ra sao.

“Tất cả những gì chúng ta có thể làm bây giờ ấy là chờ đợi xem tương lai sẽ mang đến cái gì. May mắn đã không đến với chúng ta, và chẳng thể chiến đấu để có may mắn nữa. Nếu không có đường thoát, thì điều cần thiết phải làm ấy là nhận thức cho rõ chúng ta đang đứng ở vị trí nào, là chấp nhận số phận và tận dụng số phận, ít nhất chúng ta phải có can đảm để làm việc đó tới mức tối đa.

“Theo như chỗ tôi biết tình trạng của anh em chúng ta hiện đang tuyệt vọng. Nó có vẻ khá đen tối đối với chúng ta. Những gì chúng ta còn ấy là lòng tin vào tất cả chúng ta. Đó là điều duy nhất chúng ta có thể đặt tin tưởng vào. Đó là tất cả những gì chúng ta có.

“Vì thế chúng ta hãy tiếp tục chia sẻ cùng nhau những buồn rầu, những đau khổ. Chúng ta hãy giúp đỡ lẫn nhau. Cho đến bây giờ chúng ta đã cùng nhau đương đầu với cái chết - chúng ta hãy đi theo con đường ấy, cùng nhau chia sẻ một số phận. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với mọi khó khăn, vì lẽ những gì chúng ta biết ấy là chúng ta có thể chết bỏ xác ở xứ Miến Điện này. Nếu thời gian ấy tới, hãy cố gắng đừng thất vọng. Dù nó thế nào đi nữa anh em chúng ta cũng phải cố gắng sống cho qua lúc này.

“Và nếu có bao giờ ngày ấy tới, khi chúng ta có thể trở về Nhật Bản, chúng ta sẽ cùng nhau trở về - tất cả mọi người chúng ta - và sẽ cùng làm việc để xây dựng lại đất nước. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói với anh em lúc này.”

Tinh thần chúng tôi không còn căng thẳng nữa. Chúng tôi ngồi đó, sững sờ, kinh ngạc. Ai nấy đều nhìn xuống đất, tự nghĩ đại úy đã nói phải.

Tôi nhớ lại lúc rời Nhật Bản, chúng tôi mới phấn khởi và kích động làm sao khi những tiếng hoan hô vang vang trong tai mình; tuy nhiên, dù cho là thế, tất cả xứ sở hình như đã ở trong tình trạng ngọt ngào. Ai nấy đều rỗng tuếch. Chúng ta giống như những thằng anh hùng rơm say rượu. Đó là một kỷ niệm đau buồn, sống động và tôi thấy đỏ mặt vì xấu hổ.

Có người bắt đầu nức nở khóc. Bất thành linh số anh em còn lại cảm thấy buồn đến nỗi cũng òa lên khóc. Tuy nhiên, chúng tôi không buồn rầu hoặc đau đớn về một điều gì riêng tư, đặc biệt cả. Thực ra chỉ vì chúng tôi cảm thấy chán nản và thất vọng.

Thường thường chúng tôi hát khi chúng tôi đau khổ, nhưng đêm ấy chúng tôi không hát. Chúng tôi nằm ngủ trên nền nhà, dùng túi quân trang làm gối gối đầu. Những cây súng chúng tôi giữ gìn cẩn thận đến thế nay không còn nữa. Đó là một đêm bất rút, ngăn ngủi.

Sau đó, chúng tôi sống nhiều ngày không thực - lòng tê tái, nhưng vô cùng bận rộn. Nào xếp võ khí, đồ trang bị vào kho rồi chở những thứ đó đi, nào báo cáo kiểm tra nhiều lần hoặc kiểm tìm thực phẩm - tất cả những công việc này đã khiến chúng tôi vất vả, bận rộn đến độ chẳng có thì giờ để suy nghĩ nữa.

Khi nhìn lại thời kỳ ấy, tôi luôn luôn nhớ một chuyện chẳng thể quên.

Quân đội Anh quyết định đóng lại ở làng ấy ba bốn ngày và bắt tù binh chiến tranh chúng tôi phải làm việc hầu hạ họ. Một sáng nhiều anh em phải làm phận sự hỏa thực. Chúng tôi phải vặt lông gà dân làng đem đến biểu quân đội chiếm đóng.

Bị nhốt chặt ních trong một cái lồng, những con gà thò đầu qua lỗ đan vừa dăm chiêu nhìn chỗ này chỗ nọ vừa lắc lư cái mào. Một tay đầu bếp Miến Điện nắm lấy một con kéo ra khỏi lồng để nằm trên một hòn đá, rồi lấy con dao dah - một dụng cụ giống như cái rìu nhỏ người Miến Điện thường đeo ở thắt lưng - chặt phăng đầu con gà.

Tên đầu bếp nhai trầu nhổ ra chất nước màu đỏ trong lúc nhờn nha nhờn nhờ làm việc. Cau là một thứ quả lấy ở cây cau, dân miền Đông Nam Á ăn trầu giống như nhai kẹo cao su vậy, nhưng thứ đó màu đỏ làm mồm, răng và môi người nhai biến thành một màu khó chịu. Tên đầu bếp chặt hết đầu con gà này đến đầu con gà khác, và chúng tôi phải vặt lông.

Điều ngạc nhiên chúng tôi thấy là một trong những con gà vừa bị chặt mất đầu lại vùng cánh bay. Võ mạnh đôi cánh làm lông bay tả tơi, con gà giãy giụa nhảy mấy vòng, trông thật kỳ lạ. Chúng tôi ngỡ cả người ra, đánh

rơi những con gà đang cầm trong tay. Những con này cũng sống lại, nhòai những cái cổ không đầu ra rồi chạy thành vòng tròn.

Có chừng mười hai cái đầu gà nằm ngổn ngang trên mặt đất. Tất cả đều nhìn xung quanh, vẻ nhột nhột, trách móc, miệng há hốc và mí mắt trắng bệch khép lại. Tuy nhiên, những cái thân mình không đầu vẫn còn sống, vẫn còn vỗ cánh phành phạch, những cái cánh bóng nhậy. Chuệnh choạng, lảo đảo đến chỗ này rồi chỗ kia, cuối cùng chúng chạy vào những bụi cây hoặc rúc dưới đám cỏ.

Mọi người xúm lại xem cái cảnh kỳ lạ này. Có vài người phì cười, nhưng những người khác lại nhăn mặt chau mày một cách khó chịu.

“Cậu nghĩ nó cảm thấy thế nào khi chạy vòng như thế mà không có đầu hở?” Có người hỏi.

Giữa lúc ấy đại úy đi tới tìm Mizushima. “Mizushima, chú đâu rồi?” Ông giật giọng gọi. Mizushima lật đật chạy tới. “Chúng ta vừa nhận được báo cáo mật”, đại úy nói với anh. “Chú thấy ngọn núi kia không?” Ông chỉ tay về phía một ngọn núi lờm chờm hình tam giác trong dãy núi xa xa. “Một số quân đội Nhật Bản hiện đang đóng ở đó và họ sẽ không đầu hàng. Đã ba ngày rồi quân Anh tấn công họ nhưng họ vẫn chiến đấu đánh lại. Cứ theo cái đà này họ sẽ bị quét sạch. Tôi đã hỏi viên sĩ quan Anh cho một người trong anh em chúng ta tới đó thuyết phục họ buông súng đầu hàng. Tôi có nói với ông ta chúng ta muốn làm tất cả những gì có thể để ngăn chặn một sự giết chóc vô ích và ông ta bảo chúng ta hãy thử làm xem liệu có thể thuyết phục được họ không? Nếu chú không đi, tôi sẽ đi.”

Tất cả chúng tôi hướng nhìn đỉnh núi hình tam giác. Trông có vẻ cách xa độ nửa ngày đường. Đỉnh núi ấy gần biên giới Xiêm, và chỏm núi màu xám nhô lên khỏi một rừng cây rậm rạp. Chúng tôi gắng tai lắng nghe, nhưng chẳng nghe thấy tiếng nổ nào. Đó đây trong lớp thung lũng, ở phía dưới, những cột khói từ các bản làng đang bốc lên. Có lẽ đó chỉ là do chúng tôi tưởng tượng, nhưng không khí gần đỉnh núi ấy trông lại có vẻ vàng vàng và vẫn đục. Tại đó hàng chục người bạn đồng bào của chúng ta sắp sửa lăn ra chết một cái chết vô ích. Biết vậy, chúng tôi trở mắt nhìn về hướng ngọn núi.

Mizushima nghĩ ngợi một lúc rồi vẫn tắt trả lời: “Em sẽ đi.” Đoạn anh nói thêm: “Em chẳng rõ sẽ xoay sở công tác ấy như thế nào, song em sẽ làm bất cứ cái gì tình thế đòi hỏi.” “Tốt,” đại úy nói. “Đại đội chúng ta sẽ được gửi tới một trại tù binh chiến tranh ở Mudon, miền nam Miến Điện. Khi làm xong nhiệm vụ chú sẽ theo anh em tới đó. Viên sĩ quan người Anh bảo họ sẽ để chú đến đây với anh em.”

Hai người chào nhau.

Mizushima sẵn sàng ngay tức khắc. Anh mặc quần áo nhẹ nhàng, không mang vũ khí và không đeo lon. Đại úy tụt đôi giày của ông ra, đôi giày hãy còn ở tình trạng khá tốt, và yêu cầu đổi cho anh. Đoạn ông nắm chặt tay Mizushima, riêng chúng tôi nhét vào túi anh một cái đuôi gà luộc. Mười phút sau, chúng tôi nom thấy Mizushima cùng đi với một người lính Anh và một người dẫn đường dọc theo con đường mòn nhỏ dưới chân vách đá thật xa ở phía dưới. Mizushima đã có khẩu phần buộc chặt vào thắt lưng và đeo trên vai cây thụ cầm. Khi ngược nhìn lên trông thấy anh em cầm mũ vẫy vẫy, anh mỉm cười, giơ tay đặt lên cây đàn và bấm một tiếng thật to. Trong lúc nhìn anh ra đi, chúng tôi nghĩ Mizushima thuộc loại có thể thi hành tốt đẹp công tác ấy, sứ mạng của anh có lẽ sẽ là một thành công lớn lao.

2

Theo lệnh quân đội Anh, đại đội chúng tôi di chuyển từ trên núi xuống đồng bằng, rồi đi thuyền xuôi sông Sittang, cuối cùng đáp xe lửa và lấy xe cam nhông tới Mudon. Đến đó chúng tôi được đưa vào một trại tù binh chiến tranh.

Nỗi lo sợ về sinh mạng của anh em đã tan biến rồi. Chúng tôi được biết tổ quốc chúng ta đã bị bại trận, hầu hết bị tàn phá, nhưng chúng tôi cũng được biết tổ quốc chúng ta không bị tàn phá hoàn toàn, tù binh chiến tranh chúng tôi sẽ được hồi hương một ngày nào đó.

Tại Mudon chúng tôi bắt đầu một cuộc đời mới, đợi ngày trở về quê hương.

Khu chúng tôi ở gồm có một số nhà chòi nipah đơn sơ - một thứ nhà tranh, cột và sàn cao hơn mặt đất, mái lợp rạ. Căn nhà quá ư lộng gió đến nỗi trở nên rất ẩm ướt. Chúng tôi phải ngủ dưới đất không có giường chiếu chi cả. Nhưng điều đó không phải là sự cực khổ thực sự tại một nơi khí hậu nóng bức như thế. Một hàng rào tre vây quanh căn nhà để giam giữ không những chúng tôi ở trong mà còn ngăn cản cả người khác đi vào. Một lính gác người Ấn đứng canh ở cổng ra vào; cứ mỗi khi thấy một người bán hàng rong hoặc ai định len vào bên trong người lính ấy thường bắn chỉ thiên đuổi đi.

Có một dãy dài hàng rào tre như thế; mỗi cái giam một nhóm tù binh. Ngoài ra, chúng tôi còn bị cấm không được liên lạc với những tù binh khác, vì thế anh em chẳng biết gì đang xảy ra ở bên ngoài. Luật lệ này được duy trì khe khắt. Tuy nhiên sự đối đãi xem ra tử tế.

Thỉnh thoảng chúng tôi được sai ra ngoài làm công tác xây cất hoặc kéo gỗ từ rừng về, nhưng nói chung ra thì chúng tôi sống một cuộc sống đều đều, êm ả, chẳng có gì để làm hết.

Đã lâu rồi - thực ra đến cả hàng năm ấy - chúng tôi không được sống những ngày thanh thản như thế này. Chúng tôi đã luôn luôn bị dao động, quấy rối và rượt đuổi. Luôn luôn căng thẳng và lo lắng về cái gì sẽ xảy ra sau đó. Đặc biệt trong suốt năm vừa qua, chúng tôi sống trong một thế giới chớp lòe đến mù cả mắt, tiếng nổ đến điếc cả tai. Bỗng dưng tất cả những cái đó ngừng hết - bây giờ không còn tiếng bom nổ, không còn mệnh lệnh, không còn gọi giạt dậy giữa đêm khuya. Hết ngày này qua ngày khác chúng tôi ngồi im lặng trong căn nhà chòi, đưa mắt nhìn ra một rừng dừa. Thoạt đầu, đối với chúng tôi điều này hầu như kỳ lạ, không thể chịu nổi. Trong khi ngồi đó, chẳng có việc gì làm, chúng tôi cảm thấy trong lòng bối rối và lo âu. Song le, rồi thì, cái cảm giác khó chịu mơ hồ này cũng qua đi, và chúng tôi trở nên quen với cuộc sống êm ả, thềm lặng.

Nhưng, đúng lúc đang cảm thấy thoải mái, thì một cảm giác khó chịu khác bắt đầu giày vò chúng tôi. Lần này, chúng tôi thắc mắc bởi vì

Mizushima đã đi lâu quá rồi.

Mới đầu ai cũng tin tưởng trong vài ngày Mizushima sẽ đi theo đến chỗ anh em ở đây. Chúng tôi mong đợi cánh cổng mở tung ra bất kỳ lúc nào và Mizushima bước vào hăng hái, vui tươi như bao giờ. Chúng tôi thường thấy nhau nhìn về phía cái cổng. Đôi khi, lại còn nghĩ nghe thấy cả tiếng chân anh ấy nữa.

Nhưng dù cho anh em có chờ đợi đến thế nào anh ấy cũng chẳng bao giờ tới.

“Không hiểu cái gì đã xảy ra cho Mizushima” chúng tôi cứ nói hoài. “Chúng mình chẳng thể hát hay được nếu không có cây thụ cầm của anh ấy.”

“Không phải chỉ có thế; chúng mình không làm được nhiều việc nếu không có anh ấy.” “Mọi việc dường như buồn chán khi không có anh ấy ở đây.”

Hết ngày này qua ngày khác chúng tôi chờ đợi vô ích. Mizushima không trở lại. Liệu có thực là anh ấy đã đi tới đỉnh núi hình tam giác, hoặc liệu anh ấy có thể cứu sống những người lính quyết tử ấy khỏi tự sát hay không, chúng tôi không biết. Anh em đã mặc nhiên công nhận là Mizushima có thể thi hành công tác ấy tốt đẹp. Nhưng bây giờ anh em nhận ra rằng đó mới là một công tác khủng khiếp làm sao. Rất có thể chính bộ đội của chúng ta sẽ giết chết anh ấy, vì đã khuyến dụ họ đầu hàng. Hết ngày này sang ngày khác, chúng tôi lại càng suy nghĩ nhiều hơn về sự nguy hiểm của sứ mệnh anh ấy thi hành. Chúng tôi chỉ hy vọng anh ấy trở về, dù cho đã thất bại. Đại úy chau mày và nói: “Tôi không nghĩ chú ấy đã bị giết, ở khu đó đánh nhau rất lớn, vì thế có thể chú ấy đã bị thương. Có lẽ chú ấy đang được điều trị ở một nơi nào đó. Tôi hy vọng chúng ta có cách nào tìm ra - chắc chắn thế nào chú ấy cũng trở lại càng sớm càng hay. Vì thế chắc hẳn chú ấy đã gặp khó khăn. Tôi hy vọng sự việc không đến nỗi nghiêm trọng quá...”

Tất cả chúng tôi đều lo lắng như thế, nhưng vẫn không được tin tức gì của Mizushima. Ai nấy đều nói chuyện về anh ấy; mặt khác, vì là tù binh, dù muốn khuây khỏa nỗi ưu tư riêng, chúng tôi cũng không thể phái người nào ra ngoài điều tra. Nhiều tháng trôi qua như thế này. Vào những ngày

không phải kéo gỗ từ rừng về hoặc xây cất cái gì, chúng tôi không thể không nói đến Mizushima. Trong những ngày ấy chúng tôi thường ra chơi trong vườn dừa đằng sau doanh trại, tìm kiếm vật liệu sửa chữa căn nhà chúng tôi đang ở, thường bị bão tố và mưa lũ làm hư hại. Chỉ trong một ngày thôi, ở trong rừng cây ấy, chúng tôi đã có thể thu nhập được những gì cần thiết cho hầu hết bất kỳ sự tu sửa nào. Thân cây dừa thì khá dài và thẳng sẽ được dùng làm cột hoặc xà nhà; lá dừa thật tốt để lợp mái và những sợi tơ của vỏ dừa dày cộm chịu nước rất dai có thể vện lại thành dây bền bỉ, cứng cáp. Với những vật liệu này anh có thể tu sửa một cái nhà sàn nipah, dù cho nó có bị hư hại đến mấy đi nữa.

Quả thực bộ phận nào của cây dừa cũng ích dụng đối với chúng tôi. Anh em đã dùng tất cả các bộ phận ấy để làm thành đủ mọi thứ cần thiết ở trong nhà. vỏ ngoài của cây dừa được dùng làm bàn chải để cọ; nếu chẻ cái gáo dừa ra làm hai, chúng tôi có hai cái bát; nếu gắn một cái cán vào cái bát ấy, chúng tôi sẽ có một cái gáo để múc nước. Anh cũng có thể biến chế cái vỏ quả dừa tròn tròn, rỗng chắc thành vô số đồ dùng khác nữa hoặc kéo các sợi tơ kết thành sợi dây mà mấy người lính bệnh thành những cái thúng và những cái rổ. Thật như thế những đồ dùng trong bếp đang treo trên một cái cây. Và chúng tôi còn buộc lá dừa lại để làm chổi quét. Mỗi tháng một cây dừa mọc ra và rụng mất một tàu lá, giữ cho số lá trên cây không thay đổi. Nói khác đi, mỗi tháng mỗi cây dừa ném xuống đất một cái chổi.

Quả dừa nổi tiếng vì giá trị dinh dưỡng rất cao của nó. Bên trong chứa đầy một chất lỏng man mát, trông hơi xanh xanh, nhưng uống ngon đáo để. Người ta gọi chất lỏng này ở tiếng Anh là milk- sữa. Dầu được lấy ra từ cùi dừa trắng trong. Chất dầu ấy được biến chế thành chất béo margarine và làm xà phòng, cùng nhiều thứ khác nữa. cùi dừa rất bổ và có thể ăn sống. Thổ dân nạo ra, rắc lên thức ăn hoặc cuốn thành thỏi làm bánh nướng chín để ăn. Anh có thể vắt những cọng hoa dừa lấy nhựa để làm đường. Có những loại dừa chứa ngay trong thân chất tinh bột.

Lại có thể chế cả rượu dừa. Anh vạch một vết sâu vào cọng hoa dừa, rồi cắm một cái ống tre ở đó cho nhựa chảy xuống. Khi nhựa cây đọng lại trong ống ấy, tự nhiên lên men và ít lâu biến thành một chất rượu thật ngon.

Nhưng vì người Miến Điện không uống rượu nên không bao giờ chúng tôi thấy họ làm như phương pháp này được sử dụng ở vùng West Indies thuộc Hòa Lan, nơi nhiều lính Nhật Bản đã học được và tập tính khoái uống rượu dừa. Trong đại đội chúng tôi có một người thích thứ rượu này nên thường bí mật cắm ông tre vào những cây dừa trong rừng. Cứ mỗi khi bão nổi lên là anh ta mở cờ trong bụng. Chẳng cái gì làm anh ta thích cho bằng có dịp sửa mái nhà.

Hẳn thế cây dừa là một kho tàng vô giá.

Người ta bảo ở châu Âu một nông dân mà có một con bò thì sẽ không bao giờ bị thiếu thốn.

Tôi nghĩ cây dừa là con bò của miền nhiệt đới vậy.

Một hôm chúng tôi vào rừng chặt một cây dừa hì hục bện thừng, buộc xén các tàu lá và đục lỗ trên quả dừa. Người lính thích uống rượu ấy cứ chốc chốc lại lên ra một nơi nào đó, rồi trở về mặt đỏ bừng, tươi cười hớn hở ngân nga một bài hát Miến Điện.

Thường thường cứ khi nào một người nào đó cất tiếng hát là cả bọn anh em hát theo liền. Nhưng lần này chúng tôi tiếp tục im lặng làm việc, Mizushima thường hát bài ca Miến Điện ấy khi nào đi thám sát. Đó là dấu hiệu “an toàn”.

Người lính say sưa ấy chỉ hát một đoạn theo hứng riêng, nhưng đối với chúng tôi đoạn ấy dường như đem lại cho anh em cảm giác đang nghe một bài ca xa xưa vậy, cùng tiếng thụ cầm đệm theo vang lên từ lòng khu rừng. Trong tâm trí, chúng tôi nhìn thấy khu rừng trước mặt mình, những con chim đang bay lượn ở trên và anh chàng Mizushima mặc sà-rông đang biến dạng giữa hàng cây.

Đại úy vừa đan những lá dừa lại với nhau để vá một bức vách vừa lầm bầm một mình: “Đáng lẽ mình đi mới phải”. Ông chau mày và cắn chặt môi.

Những ai trong đám anh em nghe thấy ông nói đều hiểu ông muốn nói gì. Ông hối tiếc đã trao một sứ mạng nguy hiểm như thế cho một thuộc cấp trẻ tuổi của mình.

Một đêm trời nổi bão khủng khiếp. Mưa đổ xuống như thác và rừng dừa than van trong tiếng gió. Thỉnh thoảng chúng tôi nghe thấy tiếng rơi bịch khi một quả dừa lìa cội rụng xuống mặt đất. Tiếng động ấy đã nổi lên cùng làn gió và cứ tiếp tục như thế suốt đêm.

Chúng tôi nằm trong bóng tối lắng nghe, không làm sao mà nhắm mắt cho được.

“Lại một quả khác”, một người lính lau bàu.

“Những cây dừa chết tiệt nhỏ sừa suốt cả đêm.”

Thế rồi có người cất tiếng hát, giọng trầm trầm:

“Cây dừa trên hòn đảo cô đơn.

Sao mi không ngủ đi cho rồi?”

Gió rít lên. “Lại một quả nữa!” Một người vừa kêu vừa nhòm đầu dậy. Và rồi: “À, bài hát ấy Mizushima thích lắm...”

“Im đi” Một - người nói vọng. “Ngày mai còn phải làm việc - hãy ngủ lấy một tí chứ.”

Mizushima cứ lẩn quẩn, trong đầu óc chúng tôi nên một hôm tất cả đều ngạc nhiên vô chừng. Chúng tôi đã tới Mudon khoảng ba tháng rồi. Đại đội đã bắc xong một cây cầu ở ven đô thành phố, một công tác nặng nhọc kéo dài đem đặt những tấm gỗ khít vào nhau bắc qua lòng một dòng sông. Sau nhiều ngày làm việc dưới nước đục ngầu, cuối cùng anh em đã hoàn thành công tác và đang đi qua cây cầu ấy, lúc trời bắt đầu ngả chiều, trở về thành phố. Đúng vào lúc ấy, chúng tôi nom thấy một tu sĩ Miến Điện, quần vén cao, đang đi về phía chúng tôi.

Lúc đi qua mặt người ấy ở trên cầu, chúng tôi sửng sốt, vì ông ta trông giống Mizushima quá. Tu sĩ là một thanh niên hãy còn trẻ tuổi, đầu cạo nhẵn thín. Ông ta ôm một cái bát để khất thực và mặc một tấm cà sa mới màu vàng, một bên vai choàng lông léo, trên đó đậu một con vẹt xanh mượt. Chắc chắn là ông ta đã từ một làng lân cận đi tới.

Ông ta chính là hình ảnh của Mizushima: vóc người tầm thước, vạm vỡ, mắt sâu và to, hai môi mím chặt, nước da đen kịt có lẽ là đi hành khất hàng ngày. Nếu có cái mũ quân đội Nhật Bản đội trên đầu, ông ta sẽ dễ dàng biến thành Mizushima. Ông ta có vẻ lúng túng - và hơi cẩu kính - bởi vì tất cả

anh em tù binh chúng tôi đều trở nhìn vào tận mặt, hết người này đến người khác. Ngay cả cái vẻ mặt đăm chiêu của ông ta trông cũng giống một cách kỳ lạ.

Chúng tôi phải đi hàng một dọc cây cầu hẹp và lúc đi sát bên cạnh ông ta, lần lượt chúng tôi liếc nhìn nhau rồi cười ồ vì sự giống nhau ấy.

Cuối cùng vị tu sĩ Miến Điện hình như đành chịu sự sỗ sàng của chúng tôi. Một tay cầm con vệt đưa lên vai, ông ta thăm lặng đi qua, hai mắt cúi gầm nhìn xuống.

Sau khi qua cầu chúng tôi rẽ và nhìn thấy vị tu sĩ rảo bước thật nhanh dọc theo bờ sông, đối diện, trực chỉ hướng bắc, cách xa thành phố. Chẳng mấy chốc ông biến vào trong rừng cây lưa thưa.

Đêm ấy chúng tôi nằm trên sàn nhà, nói chuyện về người tu sĩ ấy. "Mizushima thường mặc như thế khi đi thám thính."

"Tớ muốn đem hũn về đây và đưa cho hũn cây thụ cầm hòa nhạc nghe cho vui."

"Tụi tao sẽ làm thế lúc đưa đám mày."

"Đừng vớ vẩn... nhưng ở mà này, bây giờ Mizushima đang ở đâu nhỉ?"

3

Chắc rằng vị tu sĩ Miến Điện này thường hay tới Mudon lắm, vì thỉnh thoảng chúng tôi thường nhìn thấy ông ta. Cứ mỗi khi nhìn thấy ông ta chúng tôi lại nhớ Mizushima quá chừng. Một hôm, lúc đi làm công tác xây cất, chúng tôi gặp ông ta tận mặt. Một người trong bọn chúng tôi kêu to: "Ê, Mizushima!"

Vị tu sĩ ngừng bước, cúi đầu như thể sợ hãi, rồi nán chờ cho chúng tôi đi qua. Chúng tôi cảm thấy thích thú nhưng lại hơi buồn.

"Không được chòng ghẹo người ta," đại úy cảnh cáo. "Thấy chưa, các chú đã làm cho con người đáng thương ấy sợ sệt rồi đấy."

Cứ như thế chúng tôi tiếp tục mong chờ.

Mizushima, nhưng chẳng bao giờ anh lại, Chúng tôi đâm ra chán nản, và cuộc sống tù binh khổ sở lại càng buồn chán hơn.

Ngoài ra, bây giờ lại đang là mùa mưa khó chịu, ẩm ướt, dài lê thê. Một thứ mưa mờ mờ như khói rơi ra rích ngày này qua ngày khác, không lúc nào ngừng. Nước liên tiếp đổ xuống mái nhà chòi nipah. Rừng dừa trông mờ mịt, giống như một bức tranh vẽ bằng mực trên giấy ướt. Đó là loại tranh khiến mình muốn lấy giấy thấm mà thấm cho khô đi.

Chúng tôi sống trong cơn mơ màng uể oải, buồn chán. Không ca hát nữa và bỏ xó những nhạc khí còn lại mặc cho hư hại dần dần, Vài người cứ ngồi ôm đầu gối ngược nhìn bầu trời. Có lần một anh tưởng như đang ngủ lại thấy khóc thút thít ở trong chăn. Anh em còn đâm ra cãi cọ nhau, điều mà trước kia không bao giờ ai làm cả.

"Này, đồ ăn thừa của tớ đâu rồi?" Một anh vừa hỏi vừa lắc cái lon sắt rỗng không. "Tớ tính đem chỗ đó cho con khỉ ăn."

Đại úy có nuôi một con khỉ để làm cho chúng tôi vui, thế nhưng ngay cả con khỉ cũng trở thành đề tài tranh luận.

Cuối cùng đại úy thúc đẩy chúng tôi ca hát lại để giữ tinh thần anh em. Cứ mỗi khi mưa ngừng rơi, chúng tôi đi ra ngoài sân và tập hát. Kể cũng lâu rồi chúng tôi mới lại hít không khí mát rượi vào trong phổi, nên cảm thấy như thể đang sống lại. Ở những trại giam khác cũng thế, nhiều hoạt động khác nhau được bắt đầu có lẽ vì cùng một lý do. Có người chơi đùa, có người ra ngoài chơi thể thao, một số ít lại mở lớp học nữa. Mỗi khi có một cuộc biểu diễn thuộc loại nào đó, người Miến Điện thường tụ tập bên ngoài hàng giậu tre để xem. Đôi khi họ vỗ tay tán thưởng nhiệt tình hoặc phá ra cười theo.

Bài hát của chúng tôi đặc biệt bình dân. Chúng tôi luôn luôn cố hát cho hay hơn, khi có người đứng nghe. Chúng tôi nói cho nhau biết về những người đã tụ tập quanh đây, về một người đã tới lần thứ hai để nghe và về bài hát của chúng tôi đã át cả môn chơi của nhóm khác ra làm sao.

Đủ loại người từ thành phố tới tụ tập ở hàng rào. Vì là dân nhiệt đới, có nhiều thì giờ rảnh rỗi, họ thường dựa người vào hàng giậu hoặc thân cây mà ngắm nhìn từ sáng đến tối. Họ hoan hô từng bài hát. Trẻ con bắt chước

chúng tôi học điệu hát và lập đội đồng ca riêng. Đôi khi các thiếu nữ trẻ tuổi mặc quần áo lụa xanh hoặc đỏ tươi nhảy múa theo điệu nhạc của anh em chúng tôi. Thật là thích thú. Có những ông già thường gói tiền và thức ăn rồi lén lút ném qua hàng rào vào trong cho chúng tôi. Người lính gác thường giả vờ không trông thấy và thường ngân nga hát theo chúng tôi bài nào người ấy biết. Tuy nhiên không bao giờ chúng tôi hát bài Hanyu no Yado, bởi vì nó gợi lại quá nhiều kỷ niệm đau đớn.

Một hôm, khi chúng tôi hát được nửa bài thì một anh lấy khuỷu tay thúc một anh khác, rồi chỉ tay về phía đám người đứng nghe. Một tu sĩ Miến Điện đang đứng đằng sau đám đông. Đó là vị tu sĩ chúng tôi đã gặp trên cầu - giống hệt Mizushima. Ông ta có con vệt xanh ở trên vai và đang chăm chú nhìn chúng tôi, đôi mắt sâu hoắm.

Khi hát xong, chúng tôi ngẩng cổ nhìn ông ta.

"Thấy không! Giống Mizushima như đúc!"

"Không. Già hơn nhiều."

Một anh cầm gói tiền người ta ném vào cho ném ra phía người tu sĩ. Gói tiền rơi xuống chỗ chân ông ấy. Một thiếu nhi cúi xuống nhặt lên, rồi kính cẩn đưa cho ông ấy. Vị tu sĩ chấp hai bàn tay lại trong dáng điệu cảm ơn thầm lặng. Đó là dáng điệu của thầy tu đầy vẻ thuần thực nên nhiều người trong chúng tôi đã chào đáp lại ông.

Chúng tôi cảm kích cung cách dân xứ này tôn kính giới tu sĩ. Sự bố thí của họ không phải là một hành vi bác ái mà là một hành vi cảm tạ, biết ơn những người đi tu để giải thoát tất cả chúng sinh. Họ không những chỉ trao tặng vật mà còn quì xuống rồi dâng tặng vật một cách kính cẩn. Thoạt đầu chúng tôi không hiểu điều này và hình như đã có vẻ thô lậu khi làm công việc bố thí.

Sau đó vị tu sĩ thường tới trại giam anh em chúng tôi. Ông luôn luôn đứng đằng sau những người khác khi đưa mắt nhìn chúng tôi. Anh em thường vất cho ông ta tiền và đồ ăn đã được phát.

"Ông ấy lại đến!"

"Ở đây luôn luôn có đồ bố thí, cho nên thẳng cha hành khất lang thang này rắp tâm lợi dụng tới mức tối đa" người khác nói một cách khinh khi.

"Đến bụt cũng phải bực mình vì lão ta, nhưng cậu thấy, lão ta mới khác người làm sao," người khác nói. "Dù có là người trầm tĩnh đến mấy Mizushima cũng chẳng vớ vẩn như thằng cha tu sĩ này đâu. Còn nhớ anh ấy oai phong ra làm sao không khi đứng ở trên xe đạ chơi đàn!" Hôm ấy vị tu sĩ hình như đã trở lại đây sau một cuộc hành trình dài. Chiếc cà sa rách bươm, bẩn thỉu, tóc mọc tua tủa và hai chân không đang bị băng bó. Vì là một người thánh thiện nên có lẽ ông ta thường đi thi hành Phật sự.

Người Miến Điện sùng đạo đến độ lúc trẻ thanh niên nào cũng đi tu một thời gian, sống hoàn toàn khổ hạnh. Vì thế chúng tôi nhìn thấy vô số tu sĩ trẻ tuổi trạc tuổi anh em chúng tôi.

Thật mới khác làm sao, ở Nhật Bản tất cả thanh niên đều mặc quân phục. Nhưng ở Miến Điện, họ mặc áo cà sa. Chúng tôi thường tranh luận về điều này. Cường bách huấn luyện quân sự hoặc cường bách học tu tập đạo - trong hai điều này thì điều nào tốt hơn? Điều nào tiến bộ hơn? Là một quốc gia, là những con người, chúng ta sẽ chọn điều nào?

Thật là một thứ tranh luận kỳ lạ luôn luôn gặp bế tắc. Tóm lại, sự khác biệt giữa hai lối sống hình như ở điểm này: tại một quốc gia thanh niên mặc quân phục, tuổi trẻ ngày nay rõ ràng sẽ trở thành những người lớn mẫn cán, siêng năng của ngày mai. Nếu để làm cho được việc thì quân phục là cần thiết. Ngược lại, áo cà sa có nghĩa là để sống một cuộc sống phụng thờ thâm lặng, chứ không phải để làm việc cực nhọc, nhất là để gây chiến tranh. Nếu trong lúc trẻ một người mặc quần áo như thế, có lẽ người ấy sẽ phát triển được một tâm hồn dịu dàng hòa đồng với thiên nhiên cùng bè bạn và sẽ không có khuynh hướng hiếu chiến, vượt chướng ngại bằng chính sức mạnh của mình.

Ngày xưa người Nhật chúng ta mặc quần áo giống như áo cà sa của tu sĩ, nhưng ngày nay chúng ta mặc quần áo đồng phục giống Tây phương. Và ai cũng mong muốn như thế, vì lẽ ngày nay chúng ta đã trở thành một trong những quốc gia hoạt động nhất, mẫn cán nhất thế giới và cuộc sống thanh bình, êm ả là một điều thuộc quá khứ rồi. Điều khác biệt cơ bản là ở thái độ của một dân tộc; hoặc là, như người Miến Điện, chấp nhận thế giới theo

nguyên trạng của nó, hoặc là cố gắng thay đổi nó theo ý riêng của mình. Tất cả xoay quanh điểm này.

Người Miến Điện, kể cả những người sống trong các đô thị, vẫn không mặc Âu phục. Họ mặc bộ áo cổ truyền rộng thùng thình. Ngay cả các chính khách hoạt động trong chính giới cũng mặc quốc phục, để khỏi bị mất uy tín tại quốc nội. Đó là bởi vì người Miến Điện, khác người Nhật Bản, vẫn giữ nguyên nếp sống cũ! Thay vì muốn chế ngự tất cả bằng sức mạnh và trí thông minh, họ nhằm mục đích giải thoát bằng sự khiêm nhường và lòng tin tưởng vào một sức mạnh lớn lao hơn chính họ. Vì thế họ nghi ngờ những người nào mặc Âu phục và thái độ của những người này khác thái độ của chính họ.

Cuộc tranh luận của chúng tôi thường đi và dẫn tới điểm này, điều đó là do người ta muốn sống như thế nào - cố gắng chế ngự thiên nhiên bằng chính những cố gắng của mình hoặc thỏa hiệp với thiên nhiên rồi đắm mình vào một trật tự sống sâu hơn, rộng hơn. Nhưng trong những thái độ này, trong những lối sống này thì cái nào tốt đẹp hơn đối với thế giới và nhân loại? Và chúng ta nên chọn cái nào?

Một anh chề người Miến Điện và nói: "Chưa bao giờ tớ thấy một dân tộc lại lười biếng, yếu đuối đến thế. Mọi thứ họ có, từ những bóng đèn điện đến các đoàn xe lửa đều do ngoại quốc chế ra cả cho họ dùng. Họ phải canh tân, phải trút bỏ những chiếc sà-rông, phải mặc quần tây. Ngay cả những trường học ở đây cũng chỉ để diễn kịch hoặc ca hát; chẳng có lấy một trường thương mại hoặc kỹ thuật nào. Họ nói trình độ giáo dục của họ cao. Cái đó là so sánh với những xứ khác ở Đông Nam Á - tất cả những gì nền giáo dục của họ nhằm tới là tu sĩ dậy tụng kinh trong các chùa chiền. Cứ đà này, quốc gia sẽ đi đến chỗ suy sụp. Thảo nào xứ này là một thuộc địa của tụi Anh."

Có anh phản đối, bảo rằng thay sà-rông bằng quần tây không nhất thiết mang lại hạnh phúc. "Nhìn Nhật Bản mà xem!" Anh ấy nói: "Và chỉ Nhật Bản thôi - toàn thế thế giới đang lộn xộn. Khi người ta trở nên hợm hĩnh và cố đặt ý chí của mình lên mọi thứ, người ta sẽ thất bại. Cho dù có đạt được một vài thành công, song rút cuộc chẳng ra gì."

"Cậu có ý nói cứ sống mãi mãi trong tình trạng bán khai như người Miến Điện là phải không đấy hà?"

"Không văn minh? Đôi khi tớ nghĩ chúng mình không văn minh như họ."

"Cậu gàn rồi. Cậu có muốn nói với tớ rằng chúng mình không văn minh bằng cái dân tộc ở cái nơi lạc hậu, bần thủ này chẳng thềm cố gắng làm việc và giáo dục nhau để tự lực, tự cường không đấy hử?"

"Đúng thế. Chúng ta có phương tiện để tiến tới văn minh, nhưng trong nội tâm chúng ta hãy còn là những kẻ dã man, không biết dùng những phương tiện ấy như thế nào. Chúng ta đã làm những gì với những phương tiện ấy trừ việc gây ra một cuộc chiến tranh khủng khiếp rồi lại còn vượt bao đường dài kéo đến đây để xâm lăng Miến Điện, gieo rắc đau thương khủng khiếp cho dân xứ này? Ấy thế mà họ chấp nhận đau thương khủng khiếp đó và tiếp tục sống êm ả, thanh thản. Người Miến Điện dường như không bao giờ phạm vào những lỗi lầm xuân động của chúng ta là đi đánh người khác. Cậu bảo họ không có giáo dục nhưng họ tin tưởng vào đạo Phật và dùng tôn giáo này làm kim chỉ nam hướng dẫn toàn cuộc sống của họ. Họ sống một phần tuổi trẻ làm tu sĩ và lối sống của đức Phật đã trở thành bản tính thứ hai đối với họ. Đó là lý do tại sao tâm hồn họ trong sáng, tinh khiết, và tại sao họ sống thanh thản, yên vui. Phải chăng đó không phải là một thứ giáo dục cao cả hơn hay sao?"

"Nhưng thế còn chuyện mức sống thấp kém thì sao? Đâu có hợp với một con người. Thứ nhất cái thứ đạo Phật của họ chẳng có nghĩa quái gì. Từ bỏ thế giới. Chấp nhận khổ đau. Không bận tâm đến sự việc đang trở nên tốt hoặc xấu mà chỉ tập trung ý nghĩ vào việc giải thoát linh hồn - và sự giải thoát chỉ đến sau khi cậu đã từ giã thế giới này, bước vào một cuộc đời mới với tư cách một tu sĩ. Tớ hiểu, đó là kết quả của việc hiểu lời ông Phật dạy một cách sát nghĩa như thế đấy! Cậu thấy loại Phật giáo tiểu thừa này ở Miến Điện chứ gì. Họ thấy đều trở thành tu sĩ. Họ không quan tâm gì đến thế giới hiện tại. Cuộc đời trên cõi thế hình như chẳng có nghĩa lý gì nên họ không có ý muốn phát minh ra những cái mới mẻ, và chẳng bao giờ thấy họ tỏ ra cố gắng cải tiến cuộc sống. Cho đến nay họ chưa phát triển được một

thế chế khả dĩ giúp cho một người sống trong tự do. Liệu cậu có thể gọi cái đó là hạnh phúc không? Cứ đà này, không bao giờ có tiến bộ cả."

"Đức Phật nhìn qua suốt loại hạnh phúc cùng tiến bộ này, và hạnh phúc ấy dẫn tới đâu hàng nghìn năm về trước. Ngài dạy chúng sinh đừng bám một cách tuyệt vọng vào cuộc sống trần thế, và người Miến Điện vẫn trung thành với lời dạy của Ngài. Nếu cậu thích một thế giới văn minh, thanh bình hơn, thì có lẽ chúng ta càng nên bắt chước người Miến Điện thay vì người Miến Điện bắt chước chúng ta."

"Không thể được. Trong thời đại bom nguyên tử cậu không thể tà tà, lừng khừng như người Miến Điện."

"Thật đúng thế, bởi vì chúng ta đang ở thời đại nguyên tử nên lại càng cần phải bình thản và suy tư hơn, Chúng ta sẽ cảm thấy dễ chịu, thanh thoi nếu trao một điều nguy hiểm như thế vào tay các tu sĩ Miến Điện."

Chẳng bao giờ chúng tôi có thể đi tới một quyết định rõ rệt xem là quan niệm nào hay hơn. Tuy nhiên thường thường anh em đã chấm dứt cuộc tranh luận và đồng ý là người Miến Điện sống từng giai đoạn trong đời sống của họ phù hợp với một nền đạo đức cao xa, và không thể bị coi là không văn minh. Thật là sai lầm khi chế giễu họ chỉ vì họ không có cái loại hiểu biết giống chúng ta. Họ có một cái gì diệu kỳ mà chúng ta không thể làm sao hiểu nổi. Nhược điểm của họ chỉ là yếu đuối và không thể tự bảo vệ để chống lại kẻ xâm lăng như chúng ta. Có lẽ họ nên chú ý hơn nữa đến cuộc đời trần giới, không nên coi nó như là vô nghĩa mà nên đặt cho nó một giá trị cao hơn.

Cứ thế cuộc tranh luận kéo dài. Dĩ nhiên, chúng tôi không chỉ ngồi để tranh luận, mỗi khi có thể, chúng tôi đều đi ra ngoài ca hát.

Có lần chúng tôi cảm thấy muốn hát thử một số điệu khác nhau và chọn một bài dân ca Miến Điện nào đó, vì hát làm hai phần thì dễ dàng. Đó là phần Mizushima thường dùng ở trong rừng để báo hiệu hiểm nguy. Lúc chúng tôi bắt đầu tập bài hát ấy, người Miến Điện đứng bên ngoài hàng rào hình như thích thú lắm. Những ông già, những bà già, tay nắm tay nhau cùng đứng hát và trẻ con trèo lên nóc hàng rào hát theo.

Vị tu sĩ cũng ở đó. Chúng tôi muốn ông ấy hát theo. Và tha thiết vẫy tay ra hiệu cho ông ấy biết. Nhưng ông ấy chỉ đứng đó thẫn thờ, không chú ý, mắt lim dim. Hiển nhiên, ông ấy không muốn tham dự vào những chuyện tầm phào như thế.

Băng đi một dạo, chúng tôi chẳng buồn để ý tới những lần vị tu sĩ đến xem. Trong khi đó anh em được biết người Miến Điện đang có cảm tình rất thân thiện với anh em tù binh chiến tranh, và một hàng rào khác được dựng lên bên trong hàng rào cũ để ngăn cách chúng tôi, xa hơn nữa, với những người đứng xem ở ngoài. Cho dầu vị tu sĩ có đến chúng tôi cũng không thể cho ông ấy của bố thí. Có lẽ vì thế ông ấy cũng thôi không tới.

4

Trong khi thời gian cứ tiếp tục trôi qua, điều anh em nghĩ rằng Mizushima đã chết đã ăn sâu vào tâm khảm tất cả mọi người. Anh em thôi không nói về anh ấy nữa. Ai nấy cũng thận trọng tránh nó. Thế rồi một nguồn tin bất ngờ đến với chúng tôi, và dường như chắc chắn là anh ấy đã chết rồi.

Nguồn tin này do một bà lão bán hàng đến trại giam cho biết. Bà thường bán hàng cho lính Nhật đóng tại thành phố Mudon khi họ hãy còn tràn trề uy quyền. Bà thuộc loại mình gọi là "Bà" mà anh thường thấy tại các đồn binh. Bà thường đối đãi với lính tráng như thể họ chính là con cháu mình, nào giặt nào mạng quần áo hoặc mời họ về nhà ăn cơm.

Bà cụ này ngoan đạo lắm, dù là đối với một người Miến Điện. Vì đã buôn bán khá nhiều với quân đội Nhật Bản, chắc bà đã kiếm được rất khá tiền, nhưng đã đem những tiền ấy cúng vào chùa và vẫn sống nghèo khổ. Tuy bây giờ chúng tôi là tù binh song bà vẫn thường đến giúp đỡ anh em. Bà thường nói chuyện với bất kỳ ai, vừa khoa những cánh tay xạm nắng vừa cười vui vẻ, đến độ cái thân hình mập mập rung lên. Khi nghe thấy tiếng bà cười, chúng tôi không thể không bị lây và cũng khúc khích cười

với nhau. Bất kỳ khi nào bà lão tới, chúng tôi cũng thấy vui hết cả ngày. Bà là người duy nhất lính gác cho phép ra vào tự do, giả vờ như không biết.

Vào dạo này bà không bán hàng nhiều nữa và chỉ đổi chác với chúng tôi mà thôi. Ngay từ đầu quần áo và đồ trang bị của anh em đã ít ỏi; nhưng vì không có đồ thay thế, nên chúng tôi đã phải dành dụm từng tí một, đi đâu cũng đeo ở trên lưng, nhờ thế hãy còn một số ít sót lại.

Một hôm bà lão tới, đầu đội một bó hàng lớn. Nhe răng cười với người lính gác Ấn Độ, bà đi qua cổng. Chúng tôi liền bu quanh.

"Này, Bà, đổi cho cháu một quả chuối lấy cái áo này."

"Được, ông ạ." bà trả lời bằng tiếng Nhật.

"Bà ạ, hôm qua cháu làm xong chiếc sáo này, tiếng nó thổi nghe hay lắm. Đổi cho cháu vài thanh chandaka nhé." Chandaka là một loại đường thổi cứng màu nâu.

"Được, kokanKokan - "tiếng ta nghĩa là đổi - được người ta biết ở nhiều nơi hải ngoại, ngay cả trẻ con nữa. Tuy nhiên, bà có thể nói tiếng Nhật khá trôi chảy, giọng Osaka. Binh sĩ đóng ở đây trước kia hẳn là đã từ miền Osaka tới.

"Ê, Bà ơi, cháu không thích con khỉ này vừa mua hôm nọ - có thể đổi lấy ngapi được không ạ?" ngapi là bột cá biển rất mặn người Miến Điện dùng để ướp đồ ăn.

"Không, không, không đổi đâu!" Bà lão nói. Con khỉ ấy ranh mãnh, nghịch ngợm lắm. Còn ai thích Ngapi nữa không?"

Cuối cùng bà sờ soạng trong áo và lôi ra một con chim. Con chim hãy còn sống. Đó là con vẹt xanh.

Con chim đậu trên tay bà lão, nhìn xung quanh, hai mắt tròn xoe, rồi vỗ cánh. Đoạn, vừa chép mỏ vừa lắc cái lưỡi đen xì, ngăn lửng, nó kêu ki ki, tiếng khô khan, the thé.

"Nào, ông thích con vẹt này?"

Mê quá, tất cả chúng tôi trở mắt nhìn.

"Các ông ạ, các ông có thể dạy con chim này nói tiếng Miến Điện, tiếng Nhật Bản hoặc bất kỳ thứ tiếng nào."

"Đây là thứ chim ông sư ấy mang theo." có người nói.

"Đúng rồi." một người khác vừa nói vừa cầm con chim để lên vai, rồi ngắm nghía rất kỹ càng. "Ông ấy để nó như thế này..."

Điều này lại khơi mào cho bà lão nói chuyện thật nhanh.

"Ồ, ông cũng nhìn thấy vị sư ấy hả? Con này là em con chim của vị sư ấy! Ông hàng xóm gần nhà tôi bắt được cả hai con. Thấy vẹt đang làm tổ trên một cây, ông ấy bỏ hết cả ngày để chặt cái cây ấy và bắt được năm con. Ông ấy khoái chí lắm nên bảo rằng chúng thật đáng giá ba ngày công và từ hôm ấy ông ấy vẫn nghỉ không đi làm. Nhưng đúng lúc ông ấy bắt được chim thì vị tu sĩ đi ngang qua hỏi thăm đường, vì thế ông hàng xóm nhà tôi vái xá và biểu người con chim xanh nhất. Từ đó vị tu sĩ đi quanh quần đảo cũng mang theo con vẹt ở trên vai. Con này thì hơi xanh, nhưng không đẹp sao?"

Đại úy cũng đang lắng nghe; khi biết con chim này có liên hệ với con chim của ông sư thì ông cảm động quá nên đổi cái hộp thuốc lá cho bà lão mà lấy con chim.

Từ đó con vẹt trở thành con vật được cả đại đội cưng yêu, và ai cũng dạy nó nói vài ba tiếng.

Nó học nhanh lắm. Đúng như bà lão nói, nó học nói tiếng Miến Điện và tiếng Nhật Bản khá như nhau; nó cho mình một cảm giác là lạ khi nghe nó nói. Một anh cố hết sức dạy nó hát nhưng không kết quả.

Cũng ngày hôm đó bà lão kể cho chúng tôi nghe một tin đồn về một toán tù binh Nhật Bản đã được áp giải từ nội địa tới đây. Nghe thấy nói đại đội này tử thủ trong một pháo đài trong một ngọn núi hiểm trở và nghe đâu đại đội bị tổn thất nặng nề - hầu hết những người sống sót đều bị thương. Trông họ thật đáng thương. Những người này đang được điều dưỡng tại một bệnh viện Anh ở Mudon, nhưng không phải tất cả đều hồi sinh. Những người nào đã chết rồi thì được chôn trong nghĩa trang bệnh viện và dân thành phố nói trong đám ấy có vài thanh niên trẻ trông đến thương tâm.

Khi nghe thấy tin này chúng tôi đều nhìn đại úy. Chỉ có vài đơn vị còn tiếp tục chiến đấu sau khi chiến tranh chấm dứt, vì thế người mà bà lão cho chúng tôi hay tin xem ra giống giống, người ở đỉnh núi hình tam giác ấy.

"Bà ạ." đại úy nói với bà lão một cách hồi hộp. "Xin bà làm ơn nghe ngóng thêm tin tức về đại đội ấy và xem xem có người lính Nhật nào, trong lúc mặt trận đang diễn ra đã không hoàn tất nhiệm vụ liên lạc với đại đội ấy. Nếu người ấy hoàn tất nhiệm vụ, xin bà hỏi hộ xem người ấy đã gặp phải cái gì. Xin bà tìm kiếm hộ tin tức về người ấy - có phải lúc này người ấy đang ở với những người kia hay là bị thương hoặc bị bắt ở nơi nào đó. Cháu sẽ tìm cách đền bù bà xứng đáng."

Bà lão gật đầu.

Khoảng mười ngày sau bà lão trở lại. Khi chúng tôi háo hức nhắc lại câu hỏi, bà kể cho chúng tôi hay là có chuyện xảy ra giống như thế. Chính nhờ một người lính từ một đơn vị khác mà họ ngưng chiến đấu và tránh khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng sau đó chẳng ai biết người lính ấy ra sao. Người lính ấy đã lao mình chạy tới chạy lui trong giữa làn đạn và chắc hẳn đã chết ở trong núi.

Nghe tin này đại úy hình như choáng váng. Tất cả chúng tôi đều rên rĩ. Một người kêu lên: "Thế là anh ấy chết rồi!"

Tay run run, đại úy viết một lá thư cho đại đội ấy hỏi tin tức về số phận Mizushima. Bà lão hứa sẽ đưa lá thư; nhưng lần sau tới bà nói lính gác bắt được bà cầm lá thư đã mắng bà thậm tệ và cảnh cáo nếu còn làm như thế nữa bà sẽ không được phép bén mảng đến gần tù binh. Ngoài ra bà còn cho chúng tôi hay là những người lính bị thương ấy đã được chuyển sang một bệnh viện khác và không còn ở Mudon nữa. Đó là tất cả tin tức anh em có thể nghe ngóng được.

Tuy nhiên, bây giờ thì chúng tôi biết Mizushima đã hoàn tất nhiệm vụ, và anh không có mặt trong đám tù binh được đem từ đỉnh núi hình tam giác về đây. Hy vọng mong manh cuối cùng của anh em là anh còn sống sót đã tan biến.

Chúng tôi ước ao, ít nhất, có được xương cốt anh hoặc một mớ tóc của anh, nhưng dĩ nhiên, điều đó không thể được. Chắc chắn là thân xác anh đã bị bỏ rơi, đang nằm tại một vùng đất xa lạ nào đó, giống như thi thể biết bao thanh niên trẻ tuổi đồng bào của anh. Thực khó mà chịu đựng nổi một ý nghĩ như vậy. Anh em chỉ còn biết cho rằng Mizushima đã chết - một

trong số rất nhiều người mất tích trong nhiệm vụ. Đại úy tiếp tục đặt ra nhiều giả thuyết khác nhau và không chịu từ bỏ hy vọng; nhưng ông hiểu những lời ông nói đều trống rỗng. Anh có thể nhìn thấy điều ấy trên nét mặt Ông.

Chúng tôi đã quen với bực bội, nhưng lần này anh em thực sự thất vọng. Cuộc đời tù binh trở nên buồn hơn bao giờ hết. Chúng tôi sống hết ngày buồn chán, tế nhạt này sang ngày tế nhạt, buồn chán khác, chấp nhận từng ngày khi nó đến.

Trong khi đó mùa mưa đã chấm dứt, và mùa đông khô ráo đã tới; song tinh thần anh em không làm sao mà ngoi lên được. Chúng tôi cảm thấy chán nản, thất vọng và mất hết nhuệ khí. Chúng tôi đã nếm một cách thấm thía mùi vị chua chát của cảnh làm tù binh, không thể làm chủ được cuộc sống của chính mình. Ngay cả khi cùng nhau ca hát, chúng tôi cũng không thể cảm thấy sự hăng hái xưa kia. Có lẽ lúc ấy người Nhật Bản ở khắp mọi nơi đều ở trong trạng thái trì độn và chán nản cả.

Chẳng ai thèm để ý tới con vẹt nữa. Bị bỏ bê, nó cứ vừa đậu ở trên nóc nhà vừa ọe ra những câu khó chịu bằng tiếng Nhật và the thé kêu: "Ki ki!" Giọng lạnh lạnh nghe chói cả tai. Tuy nhiên, nó bắt chuột rất tài, và đôi khi giữa đêm mỗ con chuột nhắt đến chết, nó khua ầm ầm ở trên xà nhà.

Sau khi chúng tôi đã sống quá nửa năm trong trại tù binh thì có nhiều chuyện kỳ lạ, khó giải thích xảy ra, hết chuyện này đến chuyện khác mãi tới lúc anh em hồi hương về Nhật Bản. Chứng hững, nghi ngờ và sợ hãi, hầu như đêm nào anh em chúng tôi cũng nói về những chuyện ấy.

5

Vào khoảng tháng bảy hoặc tháng tám anh em tù binh chúng tôi bắt đầu đi ra ngoài đều đều làm công tác xây cất. Chúng tôi phải sửa chữa một tòa nhà phía sau ngôi chùa ở Mudon. Sau đó, khi công tác hoàn tất đúng hạn, hài cốt của nhiều lính Anh sẽ được đem vào trong tòa nhà này.

Một hôm, vì đang là ngày lễ, chúng tôi được phép đến thăm ngôi chùa trong giờ nghỉ.

Ngôi chùa đông nghịt người. Mặc quần áo lễ màu tươi sáng, họ tụ tập đông đến độ mình không còn biết đang đi ở đâu. Những con chim bồ câu đang lượn quanh những ngọn tháp vàng óng, nhọn hoắt như mũi kim và các nóc chùa uốn cong vút; hoa rắc tứ tung trên các lối đi cùng những cầu thang bằng đá. Tuy nhiên, mặc dù đông người, quang cảnh vẫn rất yên tĩnh. Người Miến Điện đi chân đất; họ đi đi lại lại như những cái bóng, không một tiếng động.

Chúng tôi cũng tụt giày ra. Những người đi lễ dừng lại nhìn chúng tôi. Họ im lặng tránh sang một bên nhường bước cho chúng tôi, có lẽ vì họ cảm thấy thương hại những người lính Nhật đã một thời hùng mạnh.

Một thiếu niên mắt sáng trong, tóc loăn quăn, da bánh mật, đang gảy đàn thụ cầm ở dưới chân một con sư tử khổng lồ bằng đá, miệng há hốc đứng lù lù ngay cổng vào chùa. Người ta ném tiền cho thằng bé khi đi ngang qua.

Cây đàn thụ cầm Miến Điện là một nhạc cụ kỳ diệu làm bằng gỗ, đánh bóng nhẵn nhụi, chạm trổ kỳ khu và dẻo theo hình bầu dục.

Người ta bảo khởi đầu âm nhạc Miến Điện bắt chước tiếng mưa rơi; dù sao nó cũng có một truyền thống lâu đời và người dân Miến Điện thích âm nhạc đến độ họ có rất nhiều nhạc khí khác nhau và nhiều tiết điệu phức tạp phát triển rất cao.

Chúng tôi thường giật mình mỗi khi nghe tiếng thụ cầm, vì nó làm chúng tôi nhớ Mizushima. Nhưng cho đến bây giờ thì chúng tôi đã quen với cái đó rồi và không còn giật mình hoặc buồn bã nữa. Thằng bé ngồi dưới chân con sư tử, chơi những bản nhạc nó nghĩ sẽ làm khách qua đường thích thú. Khi nhìn thấy chúng tôi, nó bắt đầu chơi một bản nhạc Nhật Bản, nhưng chúng tôi chẳng còn đồng nào để cho nó.

Chúng tôi trèo lên bực thang và đi vào chùa.

Người Miến Điện cúng dường chùa chiền nhiều đến thế nên mặc dù nhà ở của họ rất tồi tàn, xộc xệ, song chùa chiền của họ lại rất khang trang, lộng

lấy. Tại đây, cái bàn thờ to lớn bằng đá hoa cương chạm trổ tỉ mỉ đặt trong nội cung được trang hoàng rất lộng lẫy và hình ảnh đức Phật ở khắp nơi.

Người Phật tử Miến Điện ngồi trước mặt những hình đó, cúi đầu, chấp tay cung kính cầu nguyện. Anh có thể nghe tiếng người đọc kinh ở tứ phía. Khói hương bay lên cao. Một cảm giác ngây ngất, lâng lâng một cách kỳ lạ thấm nhập vào làn không khí. Đa số người đi lễ là đàn bà con gái: họ đang cầu nguyện để kiếp sau được tái sinh làm đàn ông con trai. Người nào cũng có những điều thuốc lá dài và diêm để ngay ở chỗ đang quì lễ. Ở Miến Điện ngay cả trẻ con cũng hút thuốc lá; và những người đàn bà con, gái này bày đặt thuốc lá ngay bên cạnh để khi lễ xong có thể châm hút liền. Họ không đi ngay sau buổi lễ nhưng ngồi nán lại hàng giờ trong trạng thái mê mẫn, xuất thần như thể đang thưởng thức lạc thú của cõi Niết Bàn.

Trong một xó, một thiếu nữ ngồi trên nền đá đang ôm chặt một bông hoa sen trắng tinh. Trước mặt nàng, sát ngay bức tường lơ mờ tối, là một pho tượng Phật hơi mỉm cười, một cánh tay dài trắng nõn từ một bên vai trần trụ buông thông xuống. Trông dường như cánh tay ấy có thể sắp sửa ngo nguậy.

Bên cạnh cô bé, một ông lão đang ngồi trầm tư. Người tái mét, gầy gò trông chẳng khác gì một bộ xương. Để mắt nhìn, chúng tôi lơ mờ nhận ra ông ta là một người hủi. Chúng tôi thường không vào chùa, vì những người cùi ngồi ở trong đó để ăn xin và trầm ngâm suy tư. Nhìn ông lão này, chúng tôi cảm thấy gót chân trần trụ của mình ngứa ngáy.

Thật là một thế giới khác biệt! Cứ mỗi khi nhìn thấy cái gì thuộc loại này, chúng tôi cũng tự hỏi làm sao dân chúng lại có thể sống một đời sống như vậy.

Mà có lẽ ngày xưa Nhật Bản cũng chẳng khác gì - chúng ta mới trở nên tân tiến có tám mươi năm mà thôi. Vì sự thay đổi đã xảy ra quá nhanh nên nó tạo ra cho chúng ta đủ thứ phiền toái. Vào thời gian chúng tôi được chở bằng tàu ra hải ngoại, dân ta đang sống trong sợ sệt, lo âu, thường khi bị đói ăn, thường khi phải làm việc như những tên nô lệ tù đày. Họ xanh xao, vàng vọt vì lo lắng về kết quả của cuộc chiến tranh. Trái lại dân tộc Miến Điện, tuy mảnh mai, ốm yếu và nghèo khó, cứ tiếp tục thăm lặng vui hưởng

đời sống sung sướng, thanh bình. Họ chỉ quan tâm đến sự giải thoát linh hồn.

Một người lính Anh bước vào trong chùa đưa mắt nhìn xung quanh một cách tò mò. Anh ta cũng cởi giày theo tục lệ bản xứ, nhưng vừa nhìn thấy ông lão anh ta liền co giò đi ngay. Khi người lính ấy đi rồi, tiếng đàn thụ cầm dìu dặt lọt qua cửa vào trong chùa. Dường như thằng bé ngồi ở ngoài cổng đã đến gần hơn. Nó đang chơi bài Hanvu no Yado - Home Sweet Home - Trở về Mái Nhà Xưa - Có lẽ để làm vui lòng người lính Anh ấy.

Chợt nghe bản nhạc bất ngờ đến thế, chúng tôi cảm động quá chừng. Lâu lắm rồi anh em mới được nghe bài ấy phát ra từ cây đàn thụ cầm. Chúng tôi đều cúi đầu lắng nghe. Ngay cả những pho tượng Phật quay mặt về phía này hay về phía kia hình như cũng đang lắng nghe. Tiếng nhạc nhẹ nhàng, run rẩy ngân lên nghe như tiếng mưa bụi bay rơi trên những bông hoa miền nhiệt đới. Chúng tôi nghĩ đến Mizushima, và cầu đức Phật phù hộ độ trì linh hồn anh yên nghỉ trong thanh bình, siêu thoát.

Vì tiếng đàn ở bên ngoài chùa nên chúng tôi không thể nghe rõ được. Những âm điệu dặt dìu lúc bổng lúc trầm, nối nhau thành vô số nhịp đoạn xoắn xít khi nhặt khi khoan giống như tiếng thở dài của một linh hồn đang bay về cõi thiên phúc.

Một lúc sau, nét mặt đại úy đanh lại. "Nghe kìa." Ông vừa nói vừa căng tai ra. Đoạn, dáng vẻ xúc động. "Có nghe thấy tiếng đàn ấy không?"

"Thưa đại úy, cái gì ạ?" Một anh vừa hỏi vừa nhìn nét mặt lạ lùng của ông.

"Suyt!" Ông vẫn chăm chú lắng nghe, nhưng tiếng đàn đang mỗi lúc một xa dần. "Thôi, chúng mình đi!" Ông nói, và chúng tôi rời ngôi chùa.

Trong lúc bước nhanh đi đầu, đại úy móc hết tiền ở trong túi ra rồi nắm chặt trong tay. Chúng tôi phải dõn bước, thật vội vã, để đuổi kịp ông nên dân chúng nhìn theo một cách ngạc nhiên.

Sau cùng chúng tôi thoáng nhìn thấy thằng bé ôm cây thụ - cầm đang đứng giữa đám đông gần Cổng chùa. Đại úy đi đến chỗ nó đứng và cho nó hết chỗ tiền rồi ra hiệu bảo nó đánh đàn. Thằng bé trở nhìn ông, hai mắt

thao láo, nhưng vẫn ngoan ngoãn nâng đàn lên. Đại úy bắt đầu hát bài Hanyu no Yado và yêu cầu nó chơi bài ấy.

Đúng lúc ấy chúng tôi nghe thấy tiếng còi. Người lính Ấn Độ có nhiệm vụ trông coi chúng tôi đang đứng ở ngoài cổng chùa vẫy gọi và hô khẩu lệnh: "Tập hợp! Hết giờ rồi các anh!"

Chúng tôi phải làm theo ngay. Miễn cưỡng, đại úy dẫn chúng tôi đi ra xa. Khi tan hàng rồi, chúng tôi nghe thấy, từ phía sau, thằng nhỏ chơi một bài dân ca Miến Điện.

Đêm ấy đại úy nói: "Anh em nghĩ thằng nhỏ ấy học bài Hanyu no Yado ở đâu hở?"

Chúng tôi ngậm ngừng, tự hỏi tại sao ông lại cứ thắc mắc như thế. Cuối cùng một anh nói: "Đó là một điệu ai cũng biết, và những người Anh ở đây thường hát bài ấy..."

"Không. Đó không phải điều tôi muốn nói. Cái cách thằng bé chơi bài ấy kia. Thế cách chơi ấy không làm anh em ngạc nhiên hay sao?"

Chúng tôi cố gắng nhớ lại, nhưng không nghĩ ra cái gì khác thường trong cách chơi ấy cả.

"Điệu nhạc ấy, cái loại hòa âm ấy - có phải đa số người Miến Điện chơi như thế không?"

"Họ có chơi như thế không?" Chúng tôi tự hỏi. Bài nhạc soạn riêng cho đàn thụ cầm chúng tôi biết ấy là bài của anh Mizushima và hôm nay, ở trong chùa, chúng tôi chỉ được nghe có một phần thôi. Chẳng biết dựa vào cái gì, chúng tôi khó mà đoán được.

"Dĩ nhiên, mỗi phần soạn có một đặc tính riêng," đại úy nói thêm. "Hôm nay, tôi có cảm tưởng đang nghe nhạc Pháp của Mizushima. Đó không phải là phần chú ấy soạn ra hay sao? Có ai không nghĩ như vậy không?"

Điều này khiến tất cả anh em ngơ ngác.

"Nhưng, thưa đại úy có thể cho anh em biết từ đâu mà ra như thế?" Một anh hỏi.

"Ừ, có lẽ không." Đại úy bắt đầu có dáng vẻ nghi ngờ. "Có lẽ đó chỉ là do trí tưởng tượng của tôi mà thôi."

Dầu sao, đây cũng là một điều gợi ý khó hiểu, nên chúng tôi thức suốt đêm đó để bàn luận.

Có người cho biết đại úy là một nhạc sĩ tốt nghiệp trường âm nhạc. Vì thế dù chỉ mới thoáng nghe một vài nốt ông phải có đủ khả năng nói đó có phải là điệu nhạc người Miến Điện thường chơi không. Anh em có thể tin tưởng vào tai ông. Nhưng nếu đó là bản nhạc chính Mizushima soạn thì thằng bé ấy đã học được ở đâu? Ai dạy nó? Ước gì chúng mình nắm được thằng bé và hỏi nó thì có lẽ chúng mình có thể theo sát mà tìm ra manh mối về Mizushima.

Rất có thể Mizushima đã dạy một người nào đó bản nhạc ấy trước khi anh ấy chết. Cũng giống như người chiến binh thối sáo trong một truyện cổ tích của chúng ta, hẳn người ấy đã muốn truyền những bí mật về nghệ thuật của mình trước khi nhắm mắt ở ngoài mặt trận. Ước gì chúng mình được tự do, thì chúng mình sẽ đi ra ngoài tìm thằng bé và hỏi nó xem Mizushima đã chết ra sao.

Câu chuyện của chúng tôi mỗi lúc một trở nên gay cấn hơn - nhưng rồi nó đổi chiều bất chợt.

Liệu có thực anh ấy có thì giờ dạy ai bản nhạc anh ấy soạn không? Khi Mizushima đi tới đỉnh núi hình tam giác ấy mặt trận đang sôi động. Vừa khi tới, anh ấy đã phải lao mình chạy tới chạy lui trong giữa làn đạn như lời những người lính bị thương kể lại. Trong trường hợp đó, anh ấy chỉ có thể dạy bản nhạc ấy sau khi đại đội kia đã đầu hàng. Điều đó có nghĩa là Mizushima còn sống sau trận đánh, anh ấy hãy còn sống...

Đến lúc này tất cả anh em đều nôn nóng.

Phải, sau khi suy đi tính lại, chúng tôi thấy điều khả dĩ hình như rất mơ hồ. Vấn đề hoàn toàn là do ở việc thằng bé ấy có chơi bản nhạc chính Mizushima soạn ra hay không - nhưng làm sao chúng tôi có thể biết chắc được? Đại úy coi Mizushima như chính em trai ông, và nhất là, cảm thấy trách nhiệm vì đã sai anh ấy tới chỗ chết. Đó là lý do tại sao ông hãy còn bám vào hy vọng, ngay cả niềm hy vọng mong manh nhất, cho rằng Mizushima hãy còn sống.

Sau đó, chúng tôi không còn nhìn thấy thằng bé nữa. Và thế rồi, hết ngày này đến ngày khác, chúng tôi cũng quên cả điều khả dĩ mơ hồ ấy.

6

Mấy tuần sau chúng tôi đi vào một khu rừng rộng gần ngôi chùa chặt cây. Chúng tôi phải kéo gỗ về để làm giàn trong nhà quán, nơi hài cốt những lính Anh chết trong chiến trận sẽ được để tại đó.

Vì đang mùa khô, ngày nào trời cũng đẹp, nên chúng tôi làm việc vui vẻ. Ai nấy đều hăng hái. Thế là chúng tôi thoát khỏi cảnh trì độn, và mỗi một do khí hậu ẩm ướt cùng xúc động vì thất trận gây ra.

Khi lưỡi rìu cắm phập vào thân một cây to lớn, những mảnh gỗ vụn tươi ướt bay bắn ra như tuyết. Chúng tôi chặt một vết sâu hình chữ V, và ở phía kia, cao hơn một chút, chúng tôi chặt một vết khác. Chẳng mấy chốc, ngọn cây bắt đầu lắc lư, và các cây cao lớn ấy, phủ kín đầy rêu, chẳng chịt dây leo, bắt đầu đảo đảo trông giống như một sinh vật. Nó lơ lửng trong không khí một lúc lâu, như thể cố gắng tuyệt vọng giữ thăng bằng. Nhưng khi chúng tôi bồi cho nó nhát rìu cuối cùng, thì cây ấy ngã ra, kêu răng rắc khủng khiếp, rồi đổ rầm xuống đất, toàn thân to lớn nặng nề bứt khỏi rễ. Mọi người nhảy khỏi con đường. Lá cây rơi như mưa xuống đầu chúng tôi, và những con chim trước kia ở trên cây bây giờ vỗ cánh âm ỉ bay đi.

Sau đó chúng tôi bắt đầu chặt các cành lớn, như thể đang làm thịt một con vật vẫn còn đang thở hổn hển. Nhựa cây óng ánh như sương mai từ những vết chặt tuôn xối xả, bốc ra một mùi vị man mát.

Cứ mỗi khi chúng tôi đốn ngã một cây người lính Ấn lại tỏ ý khen ngợi: “Người Nhật các anh thật là giỏi về cái khoản này.” anh ta thường nói.

Có một lần, sau khi chặt xong một cây đặc biệt to lớn và cứng rắn, chúng tôi ngồi nghỉ lau mồ hôi tuôn chảy trên thân mình. Ánh nắng lọc qua màu lá cây xanh xanh lọt rơi xuống mặt đất trong rừng; và ngay cả gió hình như cũng có một màu hơi xanh xanh. Dưới đám rêu dày và cỏ rậm mềm

mại như cái gối, quang cảnh im lặng và heo hút một cách thú vị. Chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng nước ọc ạch, róc rách tại một nơi nào đó, có lẽ ở dưới đám rêu.

Cho đến bây giờ người lính Ấn Độ đã hoàn toàn tin anh em chúng tôi nên trong những giờ nghỉ này anh ta thường nằm sóng soài trên một đám cỏ non mịn, đầu gối lên một cái rễ cây phủ đầy rêu, đánh thẳng một giấc.

Hôm ấy một anh thoáng nhìn thấy một bóng người mặc quần áo màu vàng đứng trong bóng một cây gần đó. Bóng người đó có vẻ là một tu sĩ Miến Điện, trong tấm cà sa rách mướp, trông giống một người hành khất. Người đó nhìn chúng tôi một lúc rồi liếc nhìn xung quanh, điệu bộ luống cuống rồi bắt đầu vẫy gọi. Một anh đi ra xem người ấy muốn gì.

Dáng người lùn thấp, to ngang, đôi mắt hung dữ, đôi môi khô nẻ, tóc dài, rối bù, nhưng mặt mũi cạo nhẵn nhụi, ông sư ấy quì trên cỏ như thể ẩn núp; ông ta ngồi đó dáng vẻ rụt rè, lưỡng lự, cười một cách khúm núm.

Trông dường như thể ông ta muốn xin của bố thí, nên người lính đã cho ông ta phần ăn thừa của anh còn sót lại trong hộp sắt. Ông ta lấy ngón tay móc thức ăn ra, rồi bỏ vào mồm nhai; nhưng khi người lính quay đi, ông ta nằm anh lại và nói: “Anh đã ở trong thành phố này bao lâu rồi?”

“Từ tháng chín vừa qua.”

“Hừm...” Ông ta suy nghĩ một lúc. “Và khi nào anh trở về Nhật Bản?”

“Tôi không biết.”

“Ừ mà có nên trở về không nhỉ? À mà này, tình trạng Nhật Bản bây giờ ra sao hở?” Ông sư trở nhìn anh lính một cách lo âu, qua đôi mắt đỏ ngầu, hung dữ.

Anh bạn chúng tôi chợt nhận ra là ông sư này nói tiếng Nhật rất giỏi. Và anh nhận thấy rằng cái cổ ngắn ấy, đôi vai vuông ấy, cùng với cách nói chuyện khôn khéo ấy - tất cả gợi cho anh thấy đây là mộ người Nhật lang thang. Người ngợm bần thiêu, tóc tai bù xù thật đấy, song ông ta đã cạo mày mặt nhẵn nhụi và cố tình làm cho râu mình lưa thưa trông giống như một người bản xứ.

“Này, anh là người Nhật!” Anh bạn chúng tôi thốt lời.

“Suyt!” Ông sừ giơ tay lên như thể muốn bóp nghẹt những tiếng ấy, rồi liếc nhìn xung quanh một lần nữa. “Thế anh mới nhận ra hả? Cái trang được lắm phải không nào?”

“Anh đã đi quanh quần như thế này bao lâu rồi?”

“Khoảng một năm.”

“Trước khi chiến tranh chấm dứt? Anh có phải là lính không?”

“Tất nhiên.”

“Thế anh làm như thế này để làm gì?”

“Để làm gì? Anh nghe nhé, nếu trở lại quân đội, tôi sẽ bị trừng phạt. Tôi đào ngũ, sống như thế này đây, và anh thấy đấy - bây giờ tôi là một khất sĩ.”

Đại úy trông thấy họ nói chuyện bèn đi tới. Người lính đào ngũ định đứng dậy, nhưng lại đổi ý ngồi xuống. Khi đại úy tới gần, anh ta giơ tay lên vẫy trán trần trụi; và vẫn ở tư thế ngồi, anh ta chào ông theo kiểu nhà binh.

“Ấy, ấy chết, đại úy!” Anh ta vừa nói vừa cười. “Thưa đại úy, em đào ngũ. Em không muốn trở về đơn vị, vì thế em đã biến thành một tu sĩ Miến Điện. Em mới tới đây để xem bộ đội chúng ta đang ra sao, không bị nhốt trong trại tù binh!”

Sau khi lắng nghe anh ta nói chuyện, đại úy bình thản khuyên anh ta nên trở về đại đội, vì đào ngũ không còn là một tội nặng nữa. Tại sao không chấp nhận sự trừng phạt nhẹ một cách can đảm, tự chuộc tội mà trở về Nhật Bản với tất cả những người khác để cùng nhau làm việc xây dựng lại đất nước chúng ta? Có lợi gì đâu khi ở lại một mình và sống phần đời còn lại lang thang đó đây như một tu sĩ trá hình?

Đại úy hết lời thuyết phục, nhưng người này không chịu nghe.

“Thưa đại úy, em không muốn một thứ hình phạt nào hết. Em đang cố tìm cách lén trốn về Nhật Bản - Ái!” Anh ta lấy tay vỗ mạnh lên cổ, nơi một con vắt to tướng đã thù lù bám chặt vào da.

Rừng Miến Điện đầy những con vắt khủng khiếp này. Khi chúng tôi bôn đào qua núi, chúng thường làm anh em khổ lắm. Chui ngay cả vào trong quần áo, mặc dù tay áo, giày ghệt đã được buộc thật chặt, rồi không làm

sao mà lấy ra được. Cái vật nhũn nhũn, dính dính ấy bám chặt vào là mình không thể dứt ra dù mình bấu hoặc bóp chặt nó đến thế nào. Mới chạm tới là nó bám ngay vào ngón tay mình rồi.

Cuối cùng “ông sư” ấy giựt được một con vắt ra và miết nó vào thân cây bên cạnh.

“Nhưng anh làm thế nào để sống được?” Đại úy hỏi.

“Để sống?” Anh ta lại cười. “Ở Miến Điện chừng nào mình là tu sĩ thì khỏi phải bận tâm đến vấn đề ăn uống; dân này ngoan đạo lắm, họ cho mình nhiều hơn số mình có thể ăn hết. Nếu chỉ mới thử thôi em sẽ chẳng cần phải đi quanh quẩn trông giống một thằng ăn mày như thế này.”

Theo người này, có rất nhiều người khác đào ngũ. Một số đã mất nhà mất cửa hoặc gia đình ở bên Nhật Bản, một số khác đã lấy vợ Miến Điện hoặc đã phạm vào một tội ác nào đó khiến không thể sống với chính đồng bào của họ được - và đa số những người lính đào ngũ này đã trở thành tu sĩ. Dân Miến Điện chăm lo săn sóc giới tu sĩ của họ cẩn thận nên một ông sư chẳng bao giờ chết đói cả.

Dẫu vậy, người Nhật Bản vẫn thích gần với người Nhật Bản. Mình không thể làm sao mà quên được các bạn đồng đội. Sống một mình giữa những người ngoại quốc, mình không thể không muốn tới thăm trại tù binh chiến tranh đơn vị cũ của mình. Giống như một con thiêu thân đâm đầu vào một ngọn lửa, mình tới để xem khi nào họ sẽ được hồi hương và liệu mình có phải cũng trở về với họ không nếu mình muốn, hoặc giả ở lại xứ Miến Điện này.

Người này muốn biết những người bạn đồng ngũ xưa kia đang sống ra sao, nhưng không biết bây giờ họ ở đâu. Anh ta đã đi thăm hầu hết các trại giam tù binh chiến tranh Nhật ở Miến Điện và những người ấy hình như cũng không ở Mudon. Nếu chúng tôi trở về Nhật Bản, anh ta muốn chúng tôi nói cho gia đình anh ta biết rằng anh ta vẫn còn sống. Anh ta cho chúng tôi địa chỉ thành phố của anh ta và hỏi xem trong đại đội chúng tôi có người nào cùng quê với anh ta không.

Lúc nói chuyện anh ta trở nên hoàn toàn trầm tĩnh, có vẻ như nhận ra rằng đại úy là một người tốt bụng, không có ý hại anh ta. Vào gần cuối câu

chuyện anh ta đã dùng lời nói lẽ độ nhất để yêu cầu.

Trong lúc người lính đào ngũ nói chuyện, đại úy lắng nghe chăm chú như thể bị mê hoặc. Khi người thanh niên ấy đứng dậy để ra đi, đại úy nắm chặt tay anh ta và nói vắn tắt: “Phải giữ mình cho cẩn thận.”

Thái độ của người lính đào ngũ không còn rầu rĩ và thù nghịch nữa. Anh ta cúi thấp đầu xuống rồi ra đi, chốc chốc lại ngoái nhìn chúng tôi. Cuối cùng anh ta biến vào rừng cây.

Đêm ấy, ở trong trại, tất cả chúng tôi đều nói đến ý nghĩa câu chuyện trong ngày. Lính Nhật trở thành tu sĩ Miến Điện và đi thăm trại tù binh chiến tranh. Trong trường hợp ấy... có lẽ người tu sĩ thường đứng đằng sau đám đông ngắm nhìn chúng tôi, với đôi mắt sâu hoắm, hẳn không phải là một người khác giống thế. Có lẽ tu sĩ ấy là người ấy thực. Nhưng làm sao lại có thể thế được? Mizushima vẫn còn sống, một người lính đào ngũ, mặc chiếc cà sa vàng nghệ, đi chân đất quanh vùng, mang trên vai một con vẹt xanh? Tuy nhiên, cho dầu lẩn vào đám đông ở chỗ hàng giậu quanh trại giam chúng tôi, anh ấy cũng không bao giờ chào hỏi chúng tôi. Tại sao? Động lực nào đã thúc đẩy anh ấy làm như thế?

Thật là khủng khiếp nên không một người nào trong anh em lại biết nói ra sao.

“À mà liệu thế này có được không?” Đại úy hỏi “Giả dụ Mizushima còn sống - anh em có nghĩ chú ấy có lý do nào không muốn trở về lại với chúng mình không?”

Tất cả chúng tôi đều trả lời không thể tin như thế được.

Mấy ngày sau đại úy sống trong đăm chiêu và chẳng ăn uống gì. Việc này kéo dài khá lâu nên một người lớn tuổi trong đám anh em buộc lòng phải nói ra:

“Thưa đại úy.” người ấy nói “Truyện Mizushima thì quá buồn, nhưng đại úy nên chấp nhận sự thật. Không có cơ may nào là anh ấy còn sống cả. Mizushima đã chết một cách can đảm trên đỉnh núi. Anh ấy đã hy sinh đời anh ấy để làm tròn nhiệm vụ, và cứu sống anh em đồng bào của anh ấy. Anh ấy đã hy sinh cao cả. vì thế bất kỳ khi nào trông thấy ai giống anh ấy chúng ta lại hy vọng nhưng chẳng ích gì.

“Khi Mizushima mặc chiếc sà-rông, anh ấy trông giống hệt một người Miến Điện, vì thế chẳng lấy gì làm lạ chúng ta thấy người Miến Điện trông giống anh ấy. Ấy chỉ vì tin tưởng anh ấy hãy còn sống nên đại úy nghĩ họ là Mizushima. Tiếng đàn thụ cầm làm đại úy nhớ lối chơi đàn của anh ấy. Chúng em lấy làm cảm kích là đại úy đã chăm lo binh sĩ của mình chu đáo đến thế, nhưng nếu đại úy tàn phá sức khỏe vì chuyện đó thì cả đại đội sẽ đau khổ. Xin đại úy dẫn mình mà chấp nhận sự kiện là không còn hy vọng gì nữa.”

Người lính già rất nhiệt tình và thẳng thắn. Lúc nói ông ngồi cứng đờ trước mặt đại úy, hai bàn tay to tướng chồng lên nhau để trên đầu gối.

Đại úy gật đầu: “Tôi nghĩ ông nói phải.” ông vừa nói vừa lộ vẻ rất buồn. Người lính già cũng dàn dụa nước mắt.

7

Cuối cùng chúng tôi đã làm xong vãng sinh đường, sẵn sàng chứa hài cốt binh sĩ Anh đã chết.

Vì lý do chiến lược quân sự, quân đội Nhật Bản đã đắp một con đường xe lửa xuyên qua vùng núi hoang vu nằm sâu trong nội địa nối liền Miến Điện với Xiêm La, dùng rất nhiều tù binh Anh làm dân công. Họ đã làm việc trong những điều kiện khủng khiếp và thời gian cấp bách vô cùng; nhưng tệ hại hơn hết ấy là một trận dịch tả đã bộc phát. Trong khu rừng cổ xưa ấy, đồ tiếp liệu và tiện nghi thiếu thốn, trợ cấp không đầy đủ, chẳng hề có bác sĩ trông nom, tù binh đã chết kể hàng mấy nghìn. Thật là khủng khiếp không thể tả được. Những người chết đã được chôn vùi qua loa, nhưng bây giờ hài cốt của họ sẽ được trở về quê hương và đã được đem vào thành phố này, tạm thời quàn tại vãng sinh đường. Đã đến ngày những hài cốt ấy được chuyên chở tới đó chờ một ngày lễ long trọng; và vì đã làm việc cất dựng ngôi vãng sinh đường ấy nên chúng tôi được phép đứng xem cuộc rước tang lễ.

Cuối con đường dẫn lên ngọn đồi tới ngôi chùa có một ngã tư đông đúc với nhiều cửa hiệu, sạp hàng nhỏ san sát bên nhau. Bụi đường bốc cao khi đủ mọi loại người buôn bán vừa bày vừa rao hàng âm ỉ khắp bốn phía. Rau, thịt, hoa, bánh, kẹo, đồ trang sức - bất kể thứ gì đám đông ấy muốn cũng thấy bày bán. Anh còn nhìn thấy cả những bộ quân phục Nhật Bản những phù hiệu, những địa bàn, vân vân ... tất cả đều là đồ ăn cắp khi quân đội chúng ta tháo chạy. Có những sạp thức ăn dân chúng dừng lại ăn uống, đàn bà ngồi xít bên nhau trên các chiếc ghế dài trông giống như những con chim đậu trên đường dây thép, và trong lúc ăn họ nói chuyện huyên thuyên.

Trên đường phố, đàn bà đàn ông, thuộc đủ thành phần, đang qua lại, tay cầm dù che đầu. Cũng có những chiếc xe bò nữa chạy chậm chậm; cái thì do một con bò đực kéo, cái thì do hai hoặc ba con kéo. Những con bò này có mắt to đen, sừng dài cong vút và những cái chân gầy guộc một cách kỳ lạ. Những chiếc xe ấy thì rất đặc biệt Miến Điện với những chiếc càng cong tướng vươn lên cao. Cũng có vài chiếc xe thổ mộ; những người đàn bà quý phái ngồi trong đó hé mắt nhìn qua khung cửa xe, họ đều gài hoa trên mái tóc, đeo vòng xuyên bằng vàng và khuyên tai bằng ngọc quý. Nhưng họ thoa son phấn một cách khác thường - mặt họ lấm tẩm điểm những vệt phấn vàng vàng.

Chúng tôi đứng xếp thành một hàng dọc ở một phía ngã tư. Vào khoảng trưa chúng tôi nhìn thấy đám rước tang lễ Anh tiến lại gần. Người và xe cộ nhường chỗ cho đám rước. Vào lúc ấy, tiếng xe cộ ồn ào ngừng hẳn.

Đó là một đám rước long trọng, huy hoàng.

Đi đầu trước hết là đoàn cảnh sát cao nghều, áo quần chỉnh tề, cưỡi ngựa phi nước kiệu để hướng dẫn xe cộ qua lại. Thường thường mọi ngày họ đều tươi cười, nhưng hôm nay trông họ nghiêm nghị ra mặt, quai mũ đeo xít chặt tận cằm. Những con ngựa, lông óng mượt, được chải chuốt cẩn thận; dưới những bộ lông mườn mượt ấy những bắp thịt rập rờn nhẹ nhàng. Lúc thì lạng lẽ phi tới chỗ này, lúc thì âm thầm nhào đến chỗ kia, chúng hình như ý thức được sự quan trọng của buổi lễ, ngoài ra lại còn có vẻ bằng lòng với tài hướng dẫn xe cộ qua lại của chính mình.

Rồi đến đám rước. Đi đầu là một đoàn vệ binh danh dự, độ khoảng một đại đội, súng chỉ địa. Thấy họ trông đều hồng hào, khỏe mạnh, ngực ưỡn cao; những bộ đồng phục gọn gàng, dường như đã được cắt theo sát thân thể họ. Họ trông giống như những con búp bê đặt tiền trưng bày trong tủ kính. Bước đi phăm phấp của họ làm mình liên tưởng tới hai chiếc lược chải đầu thay phiên chạy ngược chiều nhau.

Tiếp theo là một nhóm tuyên úy quân đội, mỗi người đeo một cây thập ác bằng bạc lung lẳng trên ngực chiếc áo thùng đen. Có vài người đã quá già, trông thật đạo mạo, mái tóc bạc phơ trắng như chính những cây thánh giá vậy.

Theo sau họ là một số xe tang xinh đẹp do đàn voi kéo. Mỗi con voi đeo trên lưng một cái hồ-đạc, và trên mỗi cái hồ-đạc ấy, như một tấm mền xinh đẹp, có một người quản tượng ngồi, đầu quấn khăn, tay nhẹ nhàng ve vẩy chiếc roi nhỏ. Mắt nhỏ xiu, dáng ngoan ngoãn, những con voi ấy vừa cuộn vòi lên rồi lại duỗi vòi ra vừa thở phì phì, nghe như đang bị suyễn, trong khi thềm lặng bước đi thành hàng dài. Những cái thân mình khổng lồ, mốc thếch, nhăn nheo ấy, được trang điểm lộng lẫy, diễu qua mặt chúng tôi trông giống như những bức tường đang chuyển động.

Những chiếc xe tang bằng gỗ tếch hoặc gỗ mun trông thật đẹp mắt; chiếc nào cũng chất đầy vòng hoa và phủ một lá cờ Anh. Lúc những xe ấy lăn bánh từ từ, thung dung, tuyệt đối im lặng, chúng tôi đứng nghiêm giờ tay lên chào.

Những người nằm trong những chiếc xe ấy đã ngã xuống ở một xứ xa lạ, và bây giờ đang được hộ tống, một cách trung thành tới nơi an nghỉ ngàn thu. Chúng tôi kính cẩn đứng nhìn đám rước.

Phía sau đoàn xe còn có một đội vệ binh danh dự nữa. Đây là những lính Tô Cách Lan xúng xính trong bộ quân phục lạ mắt, những chiếc mũ có tua phủ xuống và những chiếc váy ngắn, vắn đậm màu chàm đến đầu gối. Tiếp theo là các nhân viên nhà binh và dân sự thuộc các đoàn thể, cơ quan khác nhau. Trong đám này có một đoàn phụ nữ trẻ tuổi; dường như họ là những y tá. Trông họ giống như những phụ nữ trưởng giả tính tình kiên chấp và đức tin mãnh liệt.

Sau hết là người Miến Điện, họ mặc quần áo lễ - sà-rông dài, quần gọn gàng, đầu cuốn khăn vải. Họ là nhân viên chính phủ và tu sĩ; và trong đám người sau này có một số tu sĩ thuộc hàng cao cấp cũng như hạng thường mà chúng tôi thường nhìn thấy đi ở ngoài phố. Ở Miến Điện, khi một người qua đời thì số tu sĩ trong đám tang sẽ bằng với số tuổi người đó đã sống. Hiển nhiên, lần này không có đủ tu sĩ bằng với tổng số tuổi những người đã chết, mặc dù đã có rất nhiều rồi.

Lúc đang nhìn đám rước đi qua một lần nữa, chúng tôi lại bị ngạc nhiên. Có phải người tu sĩ ấy giống Mizushima không? Ông ta đang thăm lặng bước đi, mắt nhìn thẳng về phía trước. Ông ta mặc một chiếc cà sa màu vàng nghệ, đầu cạo nhẵn thín. Tuy hầy còn trẻ tuổi, song ông ta có vẻ giữ một địa vị khá cao. Ông ta có phong độ nhiều hơn lần đầu chúng tôi gặp ở trên cầu, kèm theo là một vẻ buồn buồn. Chắc chắn là ông ta trông giống Mizushima. Nhưng vẻ mặt lại hoàn toàn khác hẳn vẻ mặt người bạn đồng đội can trường, linh hoạt của chúng tôi. Khuôn mặt Mizushima có những đường hằn rõ rệt trong khi khuôn mặt người này nhẹ nhàng hơn, tiết ra một cái nhìn thanh thản, siêu thoát.

Dĩ nhiên đó chỉ là phỏng đoán mà thôi, nhưng giữa tu sĩ này và tất cả những người khác có một điểm khác biệt rõ rệt. Ông ta đang đeo ở cổ một cái hộp vuông bọc trong một miếng vải trắng; và trong lúc bước đi, ông ta lấy hai tay bưng cái hộp đúng hệt lối người Nhật Bản mang tro xương những người quá cố. Không có người nào khác trong đám tu sĩ lại mang một cái hộp như thế.

Hôm ấy người tu sĩ không mang con vệt ở trên vai, nhưng lúc đi qua mặt chúng tôi, ông ta cúi nhìn xuống như vẫn thường làm như thế.

"A!" Đại úy khẽ kêu.

Quên băng là đang phải đứng nghiêm chào, chúng tôi trở mắt, miệng há hốc, nhìn người tu sĩ ấy.

Ông ta trông giống Mizushima, nhưng lại khác. Ông ta trông có vẻ là người Nhật Bản, nhưng lại giống một người Miến Điện. Ông ta trông giống tất cả những tu sĩ khác trong đám rước nhưng là người duy nhất mang cái hộp. Thế rồi, ông ta mất hút và chúng tôi không nhìn thấy nữa. Thêm nhiều

người Miến Điện đi qua, rồi một đoàn xe bò chất đầy lễ vật, và cuối cùng là những người ăn mày chờ xin của bố thí. Đến đây đám rước trang nghiêm, huy hoàng chấm dứt.

Đám đông dọc theo đường phố tản dần và ngã tư đường lại trở thành một chỗ họp chợ ồn ào, nhộn nhịp. Chả mấy chốc anh có thể nhìn thấy đám rước tiến vào ngôi chùa trên đỉnh núi.

Trở lại trại giam, chúng tôi lại thức một đêm nữa tranh luận.

"Tớ đã nói gì với cậu hở?" Đúng là Mizushima "đứt đuôi con nòng nọc rồi!" Có người nôn nóng nhấn mạnh. "Nó vẫn còn sống. Nó đào ngũ và trở thành một tu sĩ."

"Nhưng tại sao anh ấy lại đào ngũ, trong đám anh em chúng ta?" Những người khác hỏi.

"Ai biết?" Không ai trả lời được câu hỏi ấy.

Vài người cũng nhấn mạnh là Mizushima đã chết." Làm sao Mizushima lại có thể như thế được? Mày điên rồi - nó ngòm từ lâu! Nó đã mất tích đến một năm và những người lính bị thương nói nó không thoát được."

"Nhưng, thế còn tiếng đàn đại úy nghe thấy thì sao?"

"Ừ, làm sao mày biết đó là..."

Đối với những người cho rằng ông sư đó là Mizushima thì chứng cứ hiển nhiên nhất ấy là cái hộp ông ấy đeo ở cổ. "Chỉ có một người Nhật mới làm thế." Họ nói. "Khi rời Nhật Bản chúng mình đã nhìn thấy biết bao nhiêu hộp tro xương của những người chết trận trở về quê cha đất tổ theo cách ấy. Thực ra, chúng mình đã nhìn thấy những hộp ấy nhiều năm rồi - những cái hộp buồn thảm cuốn vải trắng đeo ở cổ một người lính vừa ở hải ngoại trở về đất mẹ, hoặc một người cha râu rĩ hoặc ngay cả một đứa con nhỏ bé. Điều ấy chứng tỏ ông sư ấy là người Nhật Bản. Có ai bao giờ trông thấy một người ngoại quốc mang một cái đồ như thế không?"

Những người bất đồng ý kiến nói: "Thứ chứng cứ ấy là gì? Giả dụ hẳn là một người Nhật, thì hẳn làm cái thá gì tại một đám tang người Anh mới được chứ? Tại sao hẳn lại mang cái hộp ấy? Đồi nào hẳn lại mang tro xương của một người lính Anh Cát Lợi trong một cái hộp Nhật Bản hở trời! Các cậu có nhìn thấy những cái quan tài đẹp để đàn voi kéo không? Và cái

gì khiến các cậu tin chắc cái hộp ấy là Nhật Bản? Ngay cả người Miến Điện cũng phải dùng những cái hộp vuông, và có lẽ đôi khi họ gói những hộp ấy bằng vải trắng, rồi đeo ở cổ. Đúng rồi. Chẳng thế sai đâu! Chỉ bởi vì một người trông giống Mizushima đang mang cái hộp trông giống Nhật Bản thì chẳng phải là lý do để mà ồn ã lên như thế, có phải không nào? Các cậu làm như trông thấy ma vậy."

Cuối cùng một người trong phe nghi hoặc nói một cách khích nộ: "Tất cả chúng ta đã hóa điên một nửa do cuộc chiến tranh này - chúng ta đang ú ớ nói như những con mụ đàn bà uất khí! Thôi dẹp cái câu chuyện mê tín, yếu bóng vía này đi!" Giọng người này dâng cao trong tức giận, nhưng cũng đượm vẻ buồn bã. "Thật là một điều xúc phạm đối với Mizushima, khi đấu khẩu ồn ã về chuyện liệu anh ấy có chết hay không, trong khi anh ấy xả thân hy sinh một cách anh hùng cho những anh em khác. Anh ấy sẽ chẳng bao giờ là một kẻ hèn nhát như thế - đào ngũ, rồi lang thang quanh quẩn như một tu sĩ!

Đêm ấy, đại úy chỉ lắng nghe, không đưa ra một ý kiến nào.

8

Tuy nhiên, hôm sau đại úy bắt đầu hành động một cách khác thường. Ông lại đi kiểm con vẹt xanh ở đâu đó và huấn luyện cho nó đậu trên vai. Con chim đã bị bỏ quên một thời gian lâu như thế nên lông đã xù cả ra.

"Này, này," đại úy vừa nói vừa vuốt lông con chim. "Tệ quá, chẳng ai thèm để ý đến mày, nhưng từ nay trở đi tao sẽ trông nom mày cẩn thận. Và mày phải học nói tiếng Nhật hộ tao nhé."

Con vẹt rùng mình như thể sung sướng quá chừng. Nó ngoắt cái mỏ cứng rắn nhiều lần, rồi thè cái lưỡi giá lạnh, đen xì, mềm mại ra tay đại úy.

Sau đó, đại úy chia phần ăn hàng ngày của ông cho con chim. "Ê, Mizushima!" Ông thường nói, và khi con vẹt nhắc lại câu ấy, ông để cơm vào lòng bàn tay cho nó mổ mà ăn.

Rồi ông lại nói: "Chúng mình trở về Nhật Bản..." Khi con chim nhắc lại như thế, đại úy cho nó ăn một ít thịt. Và rồi "... cùng nhau trở về!" Đại úy cho nó ít ngapi. Rồi ông lại bảo con chim nhắc cả thành một câu.

Ông cứ làm thế đến khoảng mười ngày, cuối cùng đến khi vừa lúc đại úy mở hộp đồ ăn ra là con vẹt đã the thé thốt ra những tiếng này.

Chẳng ai hiểu tại sao đại úy lại làm như thế. Cứ mỗi khi ông bắt đầu công việc này, chúng tôi đều nhìn nhau lo âu tự hỏi phải chăng ông đang bị khủng hoảng tinh thần, buồn bã vì chuyện Mizushima. Dầu sao, chúng tôi cũng cảm thấy một nỗi buồn vô vọng hòa lẫn với sự lo lắng khi vào nửa đêm con chim kêu the thé dựng tất cả anh em chúng tôi dậy: "Ê, Mizushima! Ê, Mizushima! Chúng ta cùng nhau trở về Nhật Bản".

Cuối cùng người lính già nói thẳng ra thành thật và mộc mạc: "Thưa đại úy", ông nói, "dậy con chim nói như thế có ích lợi gì chẳng? Cho dầu có cảm thấy buồn đến mấy về cái chết của Mizushima, đại úy cũng chẳng nên buông xuôi như thế. Đại úy sai chú ấy đi công tác nhưng thế không có nghĩa là đại úy bắt chú ấy phải chết. Sau khi hoàn thành công tác một cách tốt đẹp, hẳn Mizushima phải mãn nguyện là đã không chết một cách vô ích. Nhưng nếu đại úy cứ buồn rầu, và con chim cứ lải nhải hết ngày đêm gọi tên chú ấy nó sẽ làm hại tinh thần tất cả anh em. "Trong cảnh sống làm tù binh chiến tranh này tinh thần là yếu tố rất cần thiết - khi ai nấy đều nóng lòng muốn trở về quê hương xứ sở, mọi người sẽ bị khủng hoảng. Vì thế, xin đại úy cố gắng giữ cho tinh thần anh em lên cao mới được".

Sự im lặng đau đớn bao trùm một lúc. Thế rồi đại úy ngập ngừng trả lời:

"Làm như thế có vẻ vớ vẩn thật đấy, song tôi không thể vứt bỏ hy vọng. Bằng mọi cách tôi muốn biết sự thật về vị tu sĩ ấy. Nếu ông ta không phải là Mizushima, thì thế là xong rồi.

Tuy nhiên, tôi không thể ngồi im bỏ lơ mọi chuyện.

"Điều khó khăn là tôi không có cách nào liên lạc với ông ta, vì thế cho dầu không có gì chắc chắn, tôi mới nghĩ thử dùng con vẹt này xem sao. Có cách nào khác để tôi có thể gửi tin đi? Tôi đã huấn luyện con chim đủ rồi, và bây giờ tôi muốn nó nói những tiếng ấy cho người tu sĩ ấy nghe lần tới khi ông ta đến đây. Hai con chim là anh em, vì thế con chim của chúng ta

tất sẽ bay đến chỗ con chim kia. Tôi rất tiếc là đã làm phiền tất cả anh em, nhưng tôi hy vọng anh em sẽ cố gắng chịu đựng hơn chút nữa để xem kế hoạch này có đem lại kết quả không".

Chúng tôi nghĩ đại úy đã làm thế là vì anh em; chúng tôi bắt đầu thay phiên nhau cho con chim ăn và dậy nó nói nhiều thứ hơn nữa.

Tuy nhiên, người lính già vẫn còn lo lắng về đại úy, và ông ta nhìn con chim với cặp mắt giận dữ. Sau đó, ông thường lắc đầu thở dài sườn sượt.

Dầu sao trước đó đại úy đã làm hết cách để dò hỏi tin tức về Mizushima, nhưng luôn luôn thất bại. Trước đó ông đã giải thích tất cả vấn đề cho viên Sĩ quan Anh quản đốc trại giam nghe và hỏi liệu viên Sĩ quan ấy có thể tìm ra manh mối nào về anh ấy không. Viên sĩ quan này rất tử tế; ông ta đã dò hỏi nhiều lần song không có kết quả. Đám lính Anh chiến đấu ở mặt trận trên đỉnh núi hình tam giác đã hồi hương hết rồi. Những tù binh Nhật bị thương đã được đưa từ Mudon tới nơi nào đó và rồi được chỉ định đến nhiều y viện tùy theo tình trạng của họ. Không ai biết họ ở đâu. Là tù binh chiến tranh, cho dù có biết, chúng tôi cũng không thể ra đi điều tra được. Những gì quân đội Anh có thể cho chúng tôi biết ấy là tình hình cho thấy người ấy đã chết rồi.

Thế rồi đại úy lại viết một lá thư nữa, chủ ý nhờ gửi tới tay vị tu sĩ ấy. Lá thư có đoạn viết: "Nếu chú là Mizushima, xin hãy trở về với anh em - chú không hiểu anh em đã nhớ nhung chú ra sao. Đối với chú, cho dù trở về có gây khó khăn đến thế nào đi nữa, vấn đề ấy cũng sẽ được giải quyết. Tôi bảo đảm điều ấy. Ít nhất cũng nói cho anh em hay tại sao chú lại cải trang mà đi quanh quẩn như thế"

Sau đám rước tang lễ ít lâu, trước khi con vẹt đã huấn luyện thuần thục, bà lão bán hàng lại đến thăm chúng tôi. Đại úy đưa bà lá thư và nhờ trao cho ông sư có con vẹt xanh ấy. Nhưng bà lão vội vã giẫy nảy như thể bị bỏng.

"Ồ, không, không đời nào!" Bà kêu to. "Tôi sẽ chẳng bao giờ đưa thư nữa dù ngay đức Phật có bảo! Trước đó đã bị mắng thậm tệ vì làm như thế nên bà lão không dám làm theo.

Vì không thể thuyết phục bà lão cầm lá thư, đại úy đành nhờ bà tìm xem vị tu sĩ ấy là ai. Nhưng bà lão cũng từ chối luôn cả việc này. Đại úy năn nỉ hết lời, đoạn ông biểu bà cái đồng hồ đeo tay nói rằng để tặng con trai bà. Cuối cùng bà miễn cưỡng đồng ý để xem có thể nghe ngóng ra sao.

"Nhờ bà hỏi xem lần đầu tiên ông ấy đến đây lúc nào", đại úy nói. "Nhờ bà hỏi hộ có phải ông ấy đánh đàn thụ cầm và cái hộp sắt ông ấy đeo ở cổ trong đám rước tang lễ hôm nọ là gì?"

Bà lão lắng nghe, dáng vẻ nghi ngờ, hai tay chống nạnh, bàn tay áp chặt trên hai hông dít mập mập, rồi trở nên bức bối. "Thật tức cười!" Bà nói một cách dè bieu. "Ông muốn hỏi như thế để làm gì! Miến Điện có nhiều tu sĩ. Các người đi đó đi đây, rất nhiều vị chơi đàn thụ cầm và cái mà các người đeo ở cổ có động chạm đến ai đâu! Thay vì bận tâm về những điều vớ vẩn như thế, lính Nhật các ông cần phải ngoan đạo hơn nữa!"

"Dạ, chúng cháu biết, thưa bà" đại úy nói, "nhưng dù sao cũng xin bà tìm ra hộ chúng cháu. Nếu vị tu sĩ ấy là người tốt, chúng cháu sẽ theo học để trở nên ngoan đạo hơn".

Sau vài lần năn nỉ, hối thúc nữa, bà lão đồng ý thử xem.

Trong lúc chờ đợi bà lão trở lại, đại úy nóng lòng sốt ruột nên lại yêu cầu viên sĩ quan Anh cho điều tra lần nữa. Nhưng lần này người Anh ấy từ chối, không cứu xét vấn đề, bởi vì câu chuyện đại úy của chúng tôi nói ra có vẻ huyền hoặc quá đi.

Mới đầu cái người Anh vai rộng to béo ấy gieo mình xuống cái ghế và lịch sự lắng nghe, nhưng sau đó một vẻ nhìn nghi ngờ hiện ra trong đôi mắt xanh của ông ta, và bộ ria mép bắt đầu mấp máy. Đoạn ông phá ra cười:

"Một vài tiếng đàn bồng bình trong gió nhẹ - và ông tin là một người đã chết đang sống lại! Kể cũng hay hay, thực là thú vị quá chừng. Chắc ông đang mơ màng!"

Đại úy chẳng nói được gì.

Trong khoảng thời gian con vẹt được huấn luyện kỹ lưỡng thì bà lão trở lại. Như thường lệ, bà nói dông dài hết chuyện này sang chuyện khác, giọng lạnh lạnh, nhưng không đả động gì đến đầu đuôi câu chuyện. Đến lúc đại úy gạn hỏi tin tức thì bà mới kể cho chúng tôi nghe như sau:

"Ừ phải, vị tu sĩ ấy là một người kỳ diệu. Người không phải là tu sĩ thường. Người rất thánh thiện. Bất kỳ chùa nào người đi tới, dân chúng cũng dành chỗ danh dự và dâng lễ vật biếu người. Hẳn người đã học hỏi ghê gớm lắm ngay từ lúc còn nhỏ tuổi! Người đeo một tấm băng đặc biệt ở tay, các ông biết đấy, và như thế có nghĩa là người là một tu sĩ khác những vị khác - người được người ta gọi là "Thày" bất kể đi tới đâu. Cái băng ấy là một đai thép nhỏ có một đoạn trong bài kinh Phật, buộc vào cánh tay người bằng một sợi dây. Chỉ có một vị tu sĩ đức độ hoặc uyên bác hay một vị nào đó làm được việc gì đặc biệt ý nghĩa mới có thể đeo tấm băng như thế. Khi nhìn thấy tấm băng ấy các vị tu sĩ khác đều cúi đầu chào và nhường bước.

"Và còn như cái hộp sắt ấy đeo ở cổ người, cái hộp mà các ông đều thắc mắc. Vâng, tôi có hỏi vị tu sĩ khác có gì ở trong đó, vị ấy đã tò mò có lần lén lút nhấc lên xem và thấy nó rất nhẹ. Các người nói trong đó có một viên ngọc hổ phách to tướng. Vài vị khác bàn tán về viên ngọc ấy, và nói Miến Điện là xứ nổi tiếng về những viên ngọc đỏ chói, nhưng chưa bao giờ mình lại nhìn thấy một viên ngọc kỳ diệu như thế, to quá là to và đỏ ối là đỏ. Các vị ấy cho là hẳn người có ý định dâng viên ngọc ấy để tưởng niệm những người lính Anh đã chết.

"Dù sao, người cũng hãy còn trẻ lắm, nhưng người là vị tu sĩ khiến mình thấy rất cảm mến đến muốn khóc. Thịnh thoảng người có lên đây trong thành phố Mudon này, nhưng các vị khác nói phần nhiều người lẻo đẻo khắp vùng quê đi lên núi, đi xuống thung lũng làm lễ khắp nơi". Thế rồi bà lão ập úng trong miệng điều gì đó nghe như lời trong bài kinh Phật.

Bà lão đã đập tan hết hy vọng của chúng tôi. Một người tu sĩ hăng hái như thế chẳng thể là một người lính đào ngũ trong đám anh em. Hơn thế, nếu cái hộp sắt ấy chứa đựng viên ngọc đỏ thì nó cũng chẳng có liên hệ gì với phong tục Nhật Bản cả và chắc chắn là nó không minh chứng rằng tu sĩ ấy là người Nhật, mặc dù ông đeo cái hộp ấy. Tất cả chúng tôi từng bám víu vào niềm hy vọng mơ hồ rằng Mizushima hãy còn sống đều thất vọng hoàn toàn. Chúng tôi đã nghĩ nhờ bà lão đem con vẹt xanh bây giờ đã được huấn luyện rồi để lên vai người tu sĩ ấy, nhưng chúng tôi đã bỏ luôn việc này.

Đêm ấy, lúc anh em đang mở hộp đồ ăn, con vẹt nghe thấy tiếng lách cách bèn từ trên xà cao thốt lên the thé: "Ê, Mizushima! Chúng ta hãy cùng nhau trở về Nhật Bản!".

Một anh nhìn lên và nói: "Câm đi! đây cũng còn chẳng biết ngày nào trở về Nhật Bản nữa là, chứ đừng nói Mizushima".

Đại úy có vẻ chán nản. Rõ ràng là sự chịu đựng cực nhọc kéo dài đã bắt đầu xuất hiện trong ông; ông không ngủ được, đầu óc ông căng thẳng và dễ xúc động như thể đang đau đớn. Người lính già tìm đủ cách làm cho ông vui vẻ.

Người lính già đem thả con vẹt vào rừng, nhưng chẳng bao lâu con chim lại trở về với chúng tôi, lông bù xù và trèo lên cái sào cũ trên mái nhà mà đậu.

9

Lễ truy điệu lính Anh kéo dài mấy ngày liền rất long trọng. Trong thời gian ấy chúng tôi được phép nghỉ ngơi; nhưng sau buổi lễ, chúng tôi lại phải tới vãng sinh đường để dọn dẹp.

Căn phòng dùng làm vãng sinh đường, rất rộng rãi, có nhiều dãy giá gỗ do chúng tôi làm ra. Những bình đựng tro cốt đứng xít cạnh nhau thành hàng dài bất tận trên các nấc giá gỗ. Chúng tôi thấy nói đây chỉ là một phần; tuy nhiên, dù mới chỉ có thế, số lượng bình đựng đã khiến mình ngạc nhiên. Cảnh này làm tôi nhớ hàng kén tằm đặt trên các giá gỗ từ dưới chân lên tận nóc tường trong nhà một nông dân Nhật Bản.

Chúng tôi lễ độ cúi đầu. Tất cả những người này mà năm xương tàn đang nằm ở đây trước kia đều có gia đình, hy vọng và công ăn việc làm. Họ đã chết trong miền rừng núi vô danh Miến Điện vì kiệt sức hoặc bệnh dịch khủng khiếp. Nhưng may thay, bây giờ họ đang được người ta tôn trọng, kính phục để ý tới. Tuy chỉ còn năm xương để lại, song chẳng bao lâu họ sẽ có thể trở về xứ sở nằm yên nghỉ trên mảnh đất quê hương. Đó là điều an

úi. Nếu những năm xương trắng ấy đã bị bỏ quên trong rừng hoang Miến Điện, xa cách cả bạn bè lẫn người thân thuộc, thì có lẽ linh hồn họ sẽ u uất. Như vậy thì những người đang sống như chúng tôi sẽ chẳng bao giờ có thể tha thứ cho chính mình được. Chúng tôi lấy làm sung sướng là đã đóng góp chút đỉnh vào đám tang.

Chúng tôi đã thoát chết. Là tù binh nhưng chưa bao giờ chúng tôi trải qua những khủng khiếp mà những người này đã biết. Rồi đây, chúng tôi có thể hồi hương và làm việc lại. Trong lúc đứng đó, đầu cúi xuống, chúng tôi cảm thấy mũi lòng một cách thấm thía bởi những đau khổ của những người đã chết.

Chúng tôi chấm dứt lời cầu nguyện thầm lặng và đang đi vòng quanh tòa nhà thì bắt chợt người lính già kêu lên: "Kìa! Cái đó ở đằng kia kìa!".

Trên bậc giá gỗ thấp nhất trong một xó tối ở chân một cái cột lớn, chúng tôi nhìn thấy một cái hộp vuông. Hộp ấy được gói trong một miếng vải trắng.

Nếu đây là một vãng sinh đường Nhật Bản thì ai nấy sẽ nghĩ hộp ấy đựng hài cốt một người lính đã chết, Nhưng chẳng hiểu vì sao nó lại đựng viên ngọc to tướng đỏ chót. Khi nhìn thấy, đại úy thốt kêu một tiếng ngạc nhiên, rồi thở dài và đứng sững ra đó, hai tay duỗi đờ như thể đang ở trong trạng thái sững sờ, kinh ngạc. Chúng tôi tự hỏi ông đang làm sao chẳng. Liền đó ông đứng, thẳng người trong thế nghiêm cứng ngắt rồi giơ tay chào.

Sau đó, tính tình đại úy thật khó hiểu. Hôm ấy, người lính già nhăn nhó khó khăn, ông hối hả bảo chúng tôi rời tòa nhà, làm như thể không để cho chúng tôi mục kích cái cảnh buồn thảm như thế. Lúc ra về chúng tôi ngoái lại nhìn cái hộp mộc mạc, đơn sơ ấy khiêm tốn nằm trơ trong xó ngôi chùa.

Thế rồi chúng tôi đi vào một khoảng trống trong khu rừng gần đó và ngồi xuống. Đại úy vẫn có dáng vẻ kỳ lạ khó hiểu. Nét mặt ông sáng hẳn lên và có lúc ông hình như sung sướng. Ông lại còn nói chuyện với chính mình một cách vui vẻ. Chúng tôi nghe thấy ông nói: "Phải, ừ phải, dĩ nhiên là thế!" Rồi ông cười, vỗ tay và ngược nhìn những đám mây trên trời.

"Nhìn mà coi kìa". Một anh vừa nói vừa lấy khuỷu tay huých người bạn. "Có lẽ đại úy đang bị khủng hoảng tinh thần thật đấy".

"Có lẽ vậy" người bạn đồng ý. "Rõ rệt là đại úy đang vui rộn ràng".

Trời nóng. Không khí nặng nề, uể oải. Mọi vật trong miền nhiệt đới đều cực kỳ sáng, và cứ ở trạng thái như thế, mức độ đều đều không thay đổi suốt cả năm. Như thường lệ, mặt trời chiếu sáng rực rỡ, vẻ sáng rực của những cây cà na đỏ ửng trong khoảng trống không có cây hầu như làm cho mắt chúng tôi khó chịu.

Trước mặt chúng tôi là một pho tượng Phật to lớn nằm ngả người; phía sau pho tượng là một vách đá trông giống một bức tường. Một khu rừng rậm bao quanh chúng tôi, nhiều cây cao phủ che bức tượng. Đàn chim đang chuyển từ cảnh này sang cảnh khác. Thật là một quang cảnh Miến Điện điển hình.

Hình ảnh đức Phật ở xứ này rất khác hình ảnh đức Phật ở Nhật Bản. Những hình người nằm nghiêng thì thật là nhiều; có những hình cao hai ba mươi thước; phần trên hơi đứng thẳng, phần dưới nằm ngang. Đầu nhỏ trong khi đường nét trên thân mình mềm mại, thanh tú, và những hình ấy hình như chẳng phải hoàn toàn là đàn ông hay đàn bà. Vì khuôn mặt và thân mình được sơn màu tươi tắn, làn da trắng màu kem nên trông chẳng khác gì một người khổng lồ tô điểm phấn son đang nằm đó như người thực trước mắt mình. Đối với một người không quen nơi đây mà chạm trán một trong những hình người này vào bất kỳ lúc nào thì thế nào cũng hết hồn.

Tại chỗ ấy trong bóng tối của vách đá dưới mảng cây trường xuân đặng và lớp rêu đa, pho tượng Phật đồ sộ hơi mỉm cười đang trừng trừng nhìn chúng tôi, hai mắt óng ánh.

Bỗng nhiên đại úy nhảy phắt lên và nói: "Thế nào, hát một bài chứ?" Đã lâu lắm rồi ông mới lại gợi ý như thế. Anh em chúng tôi bắt đầu hát.

Một khi hát rồi là chúng tôi quên hẳn chính mình. Giọng tuôn ra vang tới vách đá rồi vọng lại bao trùm đức Phật. Dường như ngài đang chăm chú lắng nghe, thân mình hơi nhòe dấy.

Sau khi đã hát được một lúc chúng tôi nhận thấy có một âm thanh thánh thót hòa tan vào tiếng chúng tôi ca. Chúng tôi không rõ âm thanh ấy đã từ

đâu tới. Hình như rơi từ ngọn cây cao xuống quanh chỗ chúng tôi, hoặc có lẽ từ dưới đất dâng lên. Đó là tiếng đàn thụ cầm giống hệt tiếng đàn của người bạn đồng đội mất tích của chúng tôi.

Lúc đang hát chúng tôi ngỡ ngác nhìn quanh. Tuy nhiên đại úy hình như mỗi lúc lại vui tươi hơn, ông tiếp tục hướng dẫn anh em một cách hăng say. Đường như có sự ganh đua thi tài giữa tiếng thụ cầm và tiếng hợp ca.

Gần đó có một ngôi chùa. Nho nhỏ, cong cong mái chùa chồng lên nhau hết cái này đến cái khác trông giống như những vẩy cá lật ngược. Một quả chuông treo lơ lửng ở phía cuối một trong những vẩy cá này. Thoạt đầu chúng tôi tưởng âm thanh ấy phát ra từ tiếng vang của quả chuông; nhưng không hề có một hơi gió thổi qua. Chúng tôi càng lắng nghe thì âm thanh ấy càng ngân vang giống như tiếng thụ cầm chúng tôi đã nghe thấy lần cuối cách đây hầu như đến một năm rồi, lúc chúng tôi đang bôn đào qua dãy núi.

Khi chúng tôi hát hết bài thì tiếng thụ cầm dâng vút lên cao một lúc rồi ngừng bật. Âm hưởng của tiếng đàn nấn ná, phảng phất rồi tan biến từ từ, chìm sâu hơn nữa, như thể đang ngụp lặn vào lòng đất dưới chỗ chúng tôi đứng.

Pho tượng Phật trắng toát, khổng lồ ấy đang nằm trước chúng tôi - tiếng thụ cầm vang vọng hình như đang bay lượn quanh cặp môi mỉm cười, rồi hòa tan vào thân mình pho tượng.

Mọi người chạy tìm kiếm người đánh đàn. Người lính già đi vòng phía sau pho tượng rồi đi vào đám cây um tùm. Đúng lúc đó, một con công vỗ cánh phành phạch bay khỏi lùm cây rậm rạp. Nó bay là là một lúc gần sát mặt đất, dáng vẻ khoan thai, bộ lông đuôi xinh đẹp rủ xuống, rồi cuối cùng mới đậu trên lưng pho tượng. Người lính già dùng mắt theo dõi con chim, rồi kêu ầm lên: "Ê, đây có cái cửa!".

Tất cả chúng tôi đều đi tới và nhận thấy phía sau lưng pho tượng lớn có một lối đi vào. Hình như mình pho tượng rỗng không và mình có thể đi vào trong. Quanh chỗ cửa vào là một lối đi vòng cung thâm thấp dẫn xuống một vài bậc thềm rồi tới cái cửa. Lối đi vòng cung làm bằng những viên gạch lớn trát vữa và quét sơn vàng; nhưng lớp sơn đã tróc hết trừ một vài chỗ mà

thôi. Từ trên trần nhà xuống mặt đất các bức tường đầy ngập rề đa bám sát, cuốn chặt lấy nhau.

Cánh cửa hoen rỉ và đóng kín. Trông có vẻ cửa này đã như thế nhiều năm rồi - ít nhất không có dấu hiệu nào cho thấy có người đã đi vào trong pho tượng qua lối vào này trong thời gian gần đây. Thế nhưng chắc là tiếng đàn thụ cầm phải từ đây phát ra. Chúng tôi đấm cánh cửa sắt đến đau cả tay.

Đến đây người lính Ấn có nhiệm vụ canh gác chúng tôi lật đật chạy lên, vừa chạy vừa quát âm ỉ, vẻ giận dữ, bảo chúng tôi trở về làm việc. Chúng tôi quên mất chuyện ấy. Mãi đến chiều tối chúng tôi mới trở về trại giam.

Đêm đó chúng tôi ngồi quây quần buồn bã ra mặt; ngay cả cuộc tranh luận thường lệ cũng không diễn ra.

"Tớ tự hỏi phải chăng đó là hồn ma của Mizushima!" Một người nói.

"Đừng vớ vẩn".

Chúng tôi lại chìm vào im lặng.

Đại úy ngồi một mình trong một xó, ôm cây đàn ghi-ta tiều tụy và đang gảy chơi. Thỉnh thoảng ông lại nhắm mắt gật gù một cách sung sướng và lẩm bẩm: "Ừ, đây là tiếng hòa âm. Đây là cách chú ấy thường chơi ra làm sao".

Người lính già bắt con vẹt ở trên mái nhà rồi vừa đem vào vừa lấy tay vuốt lông nó lúc ông ta nhìn con chim. Một người lính trẻ tuổi đi tới cho con chim một miếng thịt còn thừa sau bữa cơm tối. "Ê, Mizushima!" Anh ta nói với con chim.

Con vẹt lắc mình rũ lông, rít lên hai lần rồi kêu, giọng ồ ồ: "Ê, Mizushima!"

Người lính già bỏ ít vụn bánh mì vào lòng bàn tay và nói: "Chúng mình trở về..."

Con vẹt đáp lại một cách ngập ngừng... "cùng nhau trở về Nhật Bản!".

Con chim cố hết sức thốt ra... "cùng nhau trở về Nhật Bản!".

Con vẹt đã học thuộc câu nói. Mọi người thay phiên nhau dạy nó. Cuối cùng hình như khi đã ăn no rồi, nó nhất định không nói nữa. Tuy nhiên vào lúc đó nó đã được huấn luyện thuần phục hoàn toàn.

Người lính già ngồi thẳng người, để con vẹt lên vai và khoanh hai cánh tay phốp pháp lại. "Bây giờ, làm thế nào chúng mình có thể đưa con chim này cho ông sư nhỉ?" Ông lẩm bẫm một cách tư lự.

Đúng lúc ấy một anh chạy xô vào trong nhà sàn, vừa chạy vừa la hét đến đứt họng: "Chúng mình sẽ trở về quê hương! Tất cả tù binh chiến tranh ở Mudon sẽ hồi hương, anh em ơi! Năm ngày nữa chúng mình sẽ rời nơi đây".

Ai nấy nhảy cẫng lên. Vài người hoan hô. Con vẹt vỗ cánh bay từ vai người lính già lên đậu trên xà nhà.

"Cậu có chắc chắn không?"

"Dĩ nhiên là chắc chắn chứ! Thôi chúng ta bắt đầu đóng hết đồ vào đi!".

"Còn có cái quái gì nữa mà đóng!".

10

Sáng hôm sau bà lão đến sớm.

"Có lời mừng! Có lời mừng nhé!" Bà vừa nói vừa mỉm cười vừa lau nước mắt. "Tôi cũng thật cảm thấy sung sướng nữa. Bây giờ các ông có thể trở về quê hương, sống một cuộc đời tốt đẹp. Từ trước đến giờ, các ông đã phải trải qua một thời gian khủng khiếp quá đi."

"Cảm ơn bà ạ. Chúng cháu sẽ chẳng bao giờ quên được lòng tốt của bà. Khi về đến quê cha đất tổ, cháu sẽ nói lại cho mẹ cháu nghe tất cả về bà."

Mọi người cho bà lão một thứ đồ trong số còn sót lại làm vật kỷ niệm. Sau cùng chúng tôi đưa cho bà con vẹt, đồng thời năn nỉ bà tìm kiếm vị sư ấy và để con chim lên vai ông ta. "Xin bà nói cho ông ấy biết bốn ngày nữa chúng cháu sẽ rời đây về Nhật Bản. Đó là điều cuối cùng chúng cháu nhờ bà làm ơn giúp hộ."

Bà lão lưỡng lự một lát, nhưng rồi đồng ý, coi như một ân huệ lúc chia tay. Áp chặt con vẹt vào má, bà nói: "Được rồi, đừng có lo. Tôi sẽ tìm cách

đưa con chim này cho vị tu sĩ. Nào, chim nhỏ bé ơi, con sẽ đậu trên vai người và thờ phụng đức Phật cùng với anh con nhé.”

Bà lão nói đi nói lại lời chia tay với chúng tôi nhiều lần. Chúng tôi cảm thấy buồn bã lúc nhìn bà ra đi, song lòng vẫn lo âu muốn thấy bà bắt tay ngay vào việc kiếm tìm vị tu sĩ. Sau cùng bà nói: “Tôi sẽ trở lại một lần nữa trước lúc các ông ra đi.” Nhấc thúng hàng lên đầu, bà bắt đầu lạch bạch bước đi.

Chúng tôi lắc đầu một cách nghi ngờ lúc nhìn bà xa dần.

Bà ta già mà thật tốt bụng, nhưng mình chẳng thể tin được, có người nói một cách nhản nhó.

Từ hôm sau trở đi, hầu như hết cả ngày, chúng tôi ở trong trại giam ca hát, vừa hát vừa nhìn qua hàng rào kiếm người tu sĩ có con vẹt màu xanh. Chúng tôi ca giọng hát đến tận chiều tối, lòng những hy vọng tiếng hát sẽ lôi cuốn người tu sĩ ấy. Nếu quả thực tu sĩ ấy là Mizushima, chúng tôi nghĩ, chắc thế nào anh ấy cũng lại.

Hôm đầu không có một người nào ở xa xa trong đám đông bu quanh hàng rào lại trông giống anh ấy cả. Có lần, vào ngày thứ hai, có người nói: “Anh ấy kia kìa!” Nhưng chẳng ngờ lại là một tu sĩ trẻ hơn trông khác hẳn.

Đêm ấy chúng tôi lại bàn luận. Hôm sau nữa chúng tôi sẽ rời đây ra đi. Chúng tôi tự hỏi liệu có cách nào khác để tìm anh ấy nữa không, nhưng chúng tôi lại cứ vòng vo tam quốc nhắc đi nhắc lại vẫn cứ những luận cứ cũ rích ấy.

“Nếu ngày mai Mizushima không tới, anh ấy sẽ bị bỏ lại ở đây một mình. Sẽ không bao giờ trở về Nhật Bản.” “Có lẽ ông sư ấy chẳng phải là Mizushima đâu.”

“Tớ đoán không phải. Cậu nhớ điều đại úy nói với chúng mình đêm ấy, sau khi đình chiến, về chuyện cùng nhau chia sẻ số phận chung. Chúng ta sẽ cùng sống hoặc cùng chết với nhau, đại úy nói, và nếu trở về Nhật Bản, chúng ta sẽ cùng trở về với nhau - tất cả anh em - và cùng làm việc để xây dựng lại tổ quốc chúng ta. Đại úy nói như thế có phải không? Mizushima là người cương quyết nhất trong anh em - nếu anh ấy không trở lại, thì chắc

chấn là chết mất rồi!”. “Đúng, nhưng hẳn đó phải là tiếng đàn thụ cầm của anh ấy chúng ta nghe thấy khi chui ra khỏi pho tượng Phật.”

“Nhưng đến cả thằng bé ở cửa chùa cũng chơi như thế, và tại sao anh ấy lại tới gần đến thế mà vẫn không nhập bọn với chúng mình... ồ, thôi quên chuyện ấy đi.”

“Thế cậu nghĩ cái gì đã xảy ra với anh ấy?”

Trong lúc đại úy âm thầm chăm chú lo thủ tục giấy tờ liên hệ đến việc hồi hương của anh em. Không bao giờ ông nhắc đến Mizushima nữa; hình như ông cũng tránh cả việc bàn đến chuyện anh. Có lẽ ông đã đi đến kết luận là anh ấy đã chết hoặc cố gắng quên anh ấy đi. Thái độ của ông có vẻ thay đổi và thái độ ấy làm chúng tôi thắc mắc.

Vào hôm thứ ba giọng chúng tôi bị khàn. Tiếng hát phát ra nghe chẳng có gì là hay - chúng tôi cố ép những cái cuống họng đau đớn phát ra âm thanh. Đám người đứng nghe có vẻ xì xào và chúng tôi vẫn thường ghé cổ nhìn qua hàng rào nên ai nấy đều ngạc nhiên tưởng có cái gì đang xảy ra bên quay lại nhìn. Những người nào cho là chúng tôi đang trở mắt nhìn họ thì đang liếc mắt nhìn quanh ngơ ngác; trẻ con không cùng hát với chúng tôi nữa, các cô gái thôi không nhảy múa, nhưng bẽn lẽn lên ra đằng sau đám đông.

Buổi sáng cứ thế trôi qua.

Tu sĩ Miến Điện sống nhờ vào những chiếc bát hành khất. Sáng ra họ rời chùa rồi đi thành hàng một tới thành phố. Đàn bà trong các gia đình nấu cơm từ trước rạng đông và chờ họ đến. Không nói năng gì, người tu sĩ dừng bước trước cửa nhà, rồi một người đàn bà đưa tay ra và cung kính đỡ đầy thức ăn vào cái bát ông ta đang cầm. Mỗi ngày tu sĩ ăn một bữa, luôn luôn trước ngọ. Qui luật này vốn được duy trì rất khắt khe. Do vậy, quá ngọ một chút, sau khi đã đi hành khất, đa số họ đến nghe chúng tôi hát.

Chúng tôi cứ tiếp tục hát ngay cả lúc ăn cơm trưa; và trong lúc hát chúng tôi nom thấy những ông sư lần lượt xuất hiện phía bên kia hàng rào. Một ông sư già, tóc xám bạc, người cúi khom, tay hầu như chạm mặt đất, đang ngồi ngoảnh mặt nhìn chúng tôi và đang hát một bài kinh, giọng thật lớn. Có lẽ ông nghĩ những bài hát của chúng tôi là những bài kệ dâng đức

Phật, hoặc cũng có lẽ ông cho là giọng chúng tôi nghe tựa tựa tiếng một ca đoàn tiên nga bay bổng trên mây tại cõi Niết Bàn. Theo hầu ông là hai chú tiểu, da đen sạm, đang đứng phía sau cung kính cầm những bông hoa.

Hôm ấy người ta xúm xem đông nghịt nên ngay cả những tay làm trò mua vui chuyên nghiệp cũng bị lôi cuốn theo. Gần ngay hàng rào có một tay đang dùng hai con hồ mang làm trò. Rắn hồ mang thích âm nhạc; và khi lắng nghe chúng uốn éo làm đủ thứ trò. Hai con hồ mang này uốn mình vẽ hình chữ trên mặt đất; chúng cuộn vào nhau thành nhiều hình thù hoặc tách rời nhau ra, ngồng cái đầu dẹt (nọc độc đã được lấy ra rồi), bạnh to cái cổ rồi nhún nhảy múa theo nhịp sáo cùng tiếng cồng của người chủ.

Dưới một tàn cây gần đó, thằng bé từ ngôi chùa tới, đang ngồi gảy đàn thụ cầm. Nếu nó đã đến sớm hơn một chút, thì có thể chúng tôi đã nghe thấy rõ ràng hơn. Chúng tôi cảm thấy bất mãn đặc biệt bởi lẽ chắc hẳn chính nó là người nhạc sĩ thụ cầm bên trong pho tượng Phật nằm nghiêng ấy... Tuy nhiên hôm nay đám đông vẫn chăm chú lắng nghe chúng tôi đồng ca, và nó chơi ít nên chúng tôi không thể nhận định về tiếng đàn của nó.

Trong suốt ba ngày qua chúng tôi đã hát hết tất cả những bài ca chúng tôi thuộc, chỉ trừ bài Hanyu no Yado. Mỗi bài có một kỷ niệm đặc biệt; và bây giờ khi sắp sửa rời nơi đây anh em chúng tôi hát những bài hát ấy với nguồn xúc động sâu xa. Tuy nhiên, bài làm chúng tôi xúc động nhất ấy là bài Miyako no Sora - Bầu Trời Thủ Đô.

Miyako no Sora là bài hát của Đệ Nhất Trung Học ở Tokyo, học sinh trường này thường hát lúc tiễn biệt bạn học cùng lớp phải rời mái trường đi ra mặt trận. Hết lớp người này đến lớp người khác họ đã ra đi, như thể có bàn tay vĩ đại vô hình nào vẫy gọi và hình như có một thời bài hát đó đã vang qua các sân trường suốt cả ngày từ sáng sớm đến tối mịt. Một cựu học sinh của trường này đã dạy chúng tôi bài hát ấy khi đại đội của anh ta chẳng ngờ lại đóng quân trong cùng một thành phố với chúng tôi. Đó là một điệu hát dịu dàng dùng để tiễn đưa các thanh niên lên đường đi chiến đấu, một bài hát có nhịp điệu vui tươi, trong sáng, tuy nhiên cũng chứa đựng nỗi buồn thấm thía. Cho đến bây giờ cứ mỗi khi nhắm mắt lại, tôi vẫn có thể nghe thấy bài hát ấy. Lúc để tai lắng nghe, tôi thấy điệu hát gọi lại

nhều kỷ niệm sinh động của những ngày ấy. Nếu trong thời chiến tranh dân tộc Nhật Bản đã hát những bài ca dịu dàng hơn như bài Miyako no Sora thay vì những bài ca ái quốc rẻ tiền, thì có lẽ nhiều người đã thoát chết một cách hiên ngang hơn.

Hôm ấy chúng tôi hát bài Miyako no Sora như thể để than tiếc tuổi trẻ bị đất của mình và đồng thời để cảm thấy an ủi; chúng tôi cảm thấy một sức mạnh đang thức dậy trong lòng chúng tôi. Nhưng vừa lúc ngừng trước khi vươn vút lên cao, chúng tôi đã nuốt mất giọng. Bài hát bỗng dừng đứt đoạn.

Trong lúc chúng tôi hát đám đông ngoài hàng rào thay đổi chỗ đứng - và chúng tôi thoáng nhìn thấy một người đàn ông mặc áo cà sa màu vàng nghệ. Chúng tôi trở mắt nhìn ông ta trừng trừng nên vài cô gái đứng gần đó lộ vẻ lúng túng, ngượng ngập. Mặt đỏ bừng, e thẹn nhìn nhau, các cô ấy lên ra xa.

Khi đám người quanh ông ta tản dần đi ra chỗ khác, mình mới nhìn thấy đó rõ là một thầy tu. Trên mỗi vai ông ta có một con vệt màu xanh óng ánh.

Cuộc hát biểu diễn chấm dứt. Những người dựa lưng vào hàng rào lắng nghe bắt đầu cựa quậy. Cảm thấy có cái gì khác thường đang xảy ra, họ đưa mắt nhìn quanh, dáng vẻ tò mò. Cuối cùng tất cả đều dán mắt vào ông sư ấy.

Nhưng con người tu hành này vẫn đứng nguyên như thể chôn chân dưới đất, nét mặt không mấy may biến đổi. Thế rồi, một con vệt vươn mình và thì thầm thỏ thẻ vào tai ông ta: “Ê, Mizushima! Ê, Mizushima! Chúng mình hãy cùng nhau trở về Nhật Bản.”

Chúng tôi nghe rõ mồn một. Tuy nhiên, ông sư vẫn không hề nhúc nhích.

Có phải đó là Mizushima - hoặc không phải? Chúng tôi đều ngạc nhiên, vì trông giống quá! Ông sư nhìn chúng tôi đăm đăm qua cặp mắt ẩn sâu trên khuôn mặt lạnh như tiền của một con người huyền bí. Nước da ông ta không r ám nắng như chúng tôi tưởng - trái lại trông có vẻ nhợt nhạt, xanh xao - đôi môi đỏ thắm vì quết trà. Choàng kín người tấm cà sa rộng thùng thình, ông ta có vẻ trầm lặng như một pho tượng. Khuôn mặt là hình ảnh

khuôn mặt Mizushima, nhưng vẻ mặt lại nhẹ nhàng, hiền từ hơn. Hình như ông đang trầm tư, nhìn vào trong chính trái tim mình.

“Ê, Mizushima...”, một anh gọi, giọng không rõ rệt.

Ông sư hình như không nghe thấy. Nhưng con vẹt màu xanh lơ, rít lên một cách bứt rứt rồi bắt đầu nói: “Chúng mình hãy trở về! Cùng nhau trở về Nhật Bản!”

“Tớ đoán không phải anh ấy đâu,” một người khề nói.

Ông sư đứng nhìn chúng tôi, mắt lim dim. Chúng tôi lưỡng lự. Nếu gọi lầm, có lẽ chúng tôi xúc phạm một tu sĩ Phật giáo đáng kính trọng vô cùng, như vậy cũng xúc phạm cả những người đứng quanh nghe chúng tôi hát. Người lính gác cũng đang để mắt nhìn. Hình như chẳng có cách nào khác, đặc biệt là vì chúng tôi bị ngăn cách với ông ta bởi hai hàng rào tre. Chúng tôi thì thầm một lúc, rồi bảo nhau hát bài Hanyu no Yado, bài Mizushima thích nhất. Đây là lần đầu tiên trong bao nhiêu tháng, chúng tôi lại hát bài này. Mới bắt đầu khởi giọng, chúng tôi đã hồi tưởng ngay đến buổi đồng ca vui thú ấy ở bên bờ hồ, đến tiếng nhạc đệm nguy hiểm cây thụ cầm phát ra trên chiếc xe chở đạn... Tất cả cảm xúc của chúng tôi về tình đồng đội, tất cả nguồn vui nỗi buồn mà chúng tôi trải qua trong vùng đất nhiệt đới kỳ lạ này, tất cả những khốn đốn, gian nguy chúng tôi đã gặp phải, tất cả những hy vọng, những chán chường, những đổi thay đột ngột quyết định số phận anh em - tất cả gói ghém vào và ràng buộc với bài hát này. Ông sư đứng đó bất động, như thể không có cảm xúc, tuy nhiên rất hiên ngang. Chúng tôi hát hết đoạn này đến đoạn khác, giọng lên cao trong bài cuối cùng. Bỗng dưng ông sư gục đầu về phía trước. Vén vạt áo cà sa lên, ông bước vội qua đám đông đi về phía thẳng bé dưới tàn cây. Ông cầm cây thụ cầm của thẳng bé, rồi trở lại hàng rào. Ông nâng cây đàn lên rồi hăng hái tấu phần hòa âm bài Hanyu no Yado của Mizushima.

Đúng ông sư ấy là Mizushima rồi! Chúng tôi rú lên reo vui. Sau một thời gian xa cách lâu dài đến thế, dằng dẳng hơn một năm trời, chúng tôi mới lại có dịp hòa tiếng hát của mình vào phần hòa âm của anh ấy. Lúc này anh ấy đã thay đổi và hoàn toàn trở lại anh Mizushima xưa kia. Mối mím

chặt, đôi mắt xuyên thấu ngược lên cao, anh ấy ôm cây thụ cầm, tay bấm vào dây, dáng vẻ phóng túng, tự nhiên.

Đích là Mizushima một trăm phần trăm rồi! Đích là trung sĩ Mizushima, niềm kiêu hãnh của đại đội, người thanh niên can trường băng mình qua rừng núi, qua thung lũng xứ Miến Điện với cây thụ cầm trên vai đã bao lần cứu thoát, dẫn dắt anh em băng rừng, giữ cho tinh thần anh em lên cao. Chúng tôi giậm chân trên mặt đất vì vui sướng khôn tả. Khi bài hát chấm dứt, chúng tôi ủa ra hàng rào phía trong, rồi vừa ngả người trên đó vừa lớn tiếng gọi anh:

“Mizushima, ngày mai chúng tôi trở về Nhật Bản.” “Hay quá cuối cùng anh đã trở lại!”

“Vào đây, mau lên nào!”

Và vài người gọi với ra, giọng nóng nảy, hầu như nghẹn ngào nuốt nước mắt: “Trong suốt thời gian ấy anh ở đâu? Nói rõ cho anh em nghe đi.”

Nhưng Mizushima cứ đứng ì ở phía bên kia hàng rào, im lặng nhìn xuống. Sau một lúc anh ấy lại nâng cây thụ cầm lên và bắt đầu chơi. Đó là một điệu nhạc buồn buồn, chậm chậm, nghe quen thuộc một cách lạ kỳ... Dĩ nhiên rồi! Đó là bài hát khi tốt nghiệp chúng tôi đều đã hát vào ngày cuối cùng ở trường tiểu học. Anh ấy chơi hết cả bài với phần hòa âm thật đẹp, rồi nhắc lại điệp khúc: “Bây giờ chúng mình phải chia tay, phải chia tay rồi anh em ơi...”

Chúng tôi lắng nghe, tim nhói đau. Mizushima chơi phần điệp khúc ba lần, rồi đầu cúi xuống hướng về phía chúng tôi, anh nhanh nhẹn quay gót rẽ đám đông mà đi.

Nhìn thấy anh ấy bỏ ra đi tất cả anh em đều vẫy tay, gào lên để cố níu giữ anh ấy lại: “Ê, Mizushima! Chúng mình hãy cùng nhau trở về Nhật Bản!”

Nhưng người tu hành ấy chỉ hơi khẽ lắc đầu, và cứ tiếp tục cất bước không ngoái nhìn trở lại. Bên vai trái, ông đeo cây thụ cầm và con vẹt màu xanh đậu trên đó; bên vai phải ông không mang gì hết, trừ con vẹt kia mà thôi. Hai con chim đang vừa lùì xa vừa nói chuyện với nhau.

PHẦN III

LÁ THƯ CỦA NGƯỜI TU SĨ

1

Mizushima đã lìa bỏ anh em chúng tôi như thế đấy. Anh chỉ xuất hiện trong một lúc rồi lại biến dạng tức thì. Chẳng bao giờ chúng tôi còn nhìn thấy anh nữa. Anh vẫn ở Miến Điện, mặc quần áo thầy tu, vẫn lang thang quanh quần tại cái xứ có mùa hè bất tận ấy.

Trong đám anh em Mizushima là một tên lính đào ngũ. Anh sẽ không trở về - đó là một đòn đau tàn ác đối với chúng tôi. Anh đã không buồn để ý đến những gì đại úy nói sau khi đình chiến, anh đã phản bội bạn bè, bỏ rơi đại đội, lìa bỏ ngay cả xứ sở của anh. Ngày nay Nhật Bản là một quốc gia nghèo khổ, tàn tạ do chính những người Nhật Bản thi nhau lạm dụng; tuy nhiên làm sao một người lại có thể quay lưng không quay về với tổ quốc của mình? Thế người đó không cảm thấy yêu thương đối với tổ quốc và không muốn cùng đồng bào chung lưng đấu cật làm việc để tái thiết xứ sở ư? Chúng tôi cảm thấy buồn lòng khi nghĩ Mizushima muốn sống một cuộc đời an nhàn làm tu sĩ ở một xứ khác, thay vì trở về đương đầu trực diện với những khó khăn đang chờ đợi chúng tôi ở bên nhà.

Chính người lính già đã khóc thảm thiết nhất. Ông cứ nghĩ rằng Mizushima đã chết một cái chết đẹp đẽ, hi sinh chính thân mình để cứu mạng anh em đồng bào của mình, và bây giờ chẳng ngờ Mizushima lại là tên lính đào ngũ.

Người lính già là một người thành thực, có ý thức trách nhiệm nghiêm chỉnh, một loại người không bao giờ nghĩ đến chuyện phản bội ai hết. Kể từ dạo đại úy trở nên thất vọng, ông đã kiêm nhiệm công việc giữ cho tinh

thần anh em chúng tôi lên cao. Tuy nhiên, về phương diện ca hát, ông quả là một ca sĩ bét nhất của đại đội.

Trước khi vào lính, ông là một lao công hạng thấp trong công sở. Sau buổi chúng tôi cập bến, tôi gặp ông một lần. Ông và gia đình đông đúc của ông sống trong một căn nhà đổ nát. Hết ngày này qua ngày khác, mặc bộ quần áo cũ rách bạc phếch, ông làm việc trên các xe điện đông đúc ngược xuôi thành phố. Trông người ông xanh xao và thiếu ăn, nhưng không bao giờ ông hé miệng than vãn.

Tôi không thể không cảm thấy kinh hãi bởi những gì tôi đọc trong báo hàng ngày và tạp chí ngày nay. Nhiều người hình như cảm thấy tự đắc khi thóa mạ, nói xấu người khác: “Đó hoàn toàn là lỗi của thằng cha ấy.” Họ tuyên bố một cách kiêu căng như thể chúng ta đã chiến thắng cuộc chiến tranh này. “Đó là lý do tại sao xứ sở lại ở trong tình trạng bết bát, lộn xộn như thế.” Nhưng những người này chính là những người mà thái độ của họ trong suốt cuộc chiến chẳng đáng kính phục chút nào, và họ đang xoay xỏa để sống một cách ung dung, thừa thãi ngay cả trong lúc này. Tuy nhiên những người như ông lính già thì lại chẳng nói gì mà chỉ tiếp tục lao động. Đối với tôi, điều ấy dường như lại còn đáng giá hơn là việc kêu gào quyền lợi vị kỷ của chính mình, cho dù tình hình bết bát, lộn xộn xảy ra như thế nào, một số người vẫn tiếp tục thản lặng và thản nhiên làm việc. Họ không phải là những người yêu nước thực sự hay sao? Sự tồn vong của một quốc gia không tùy thuộc vào họ hay sao?

Ngay cả vào cái buổi sáng hôm chúng tôi ra đi chúng tôi cũng không cảm thấy xúc động sâu xa khi vĩnh viễn từ giã Miến Điện. Chúng tôi chỉ nghĩ đến những gì nằm ở trước mặt. Chúng tôi đang trở về Nhật Bản. Chúng tôi không biết nhà cửa của chúng tôi lúc ấy ra sao, nhưng chúng tôi đang trở về nhà ở của chúng tôi đây. Chúng tôi cũng không hiểu chính mình sẽ ra sao, nhưng chúng tôi sắp sửa làm lại cuộc đời một lần nữa.

Tất cả chúng tôi đều đang xúm quanh vừa ngồi trên ba lô vừa nói chuyện đến những gì sẽ làm trong tương lai.

“Khi trở về tớ sẽ ngủ một mạch ngoài hàng hiên căn nhà quét vôi trắng xóa ẩn mình trong đám cây dâu. Tớ sẽ nghe tiếng suối mát rượi nhỏ giọt

róc rách và tiếng trái hồ đào thỉnh thoảng rơi lộp bộp xuống mái nhà ngay trên đầu. Trong gian nhà ươm tắm, những con tắm sẽ vừa đang ngủ vừa gặm lá dâu và rồi mỗi con sẽ tự kết thành kén. Tớ sẽ trở về với cuộc sống bận rộn, sung sướng ấy để chăm nom, săn sóc chúng...”

“Ừ, tớ sẽ vào làm việc trong một nhà máy. Tớ sẽ nghe tiếng rít của kim khí toát ra từ các bộ máy và sẽ nhìn thấy những chiếc ốc-chuồn, những chiếc bù-loong nhỏ bé, bóng lộn bắn ra rơi xuống đất. Đó là chuyên môn của tớ mà.”

“Tớ sẽ cầm đèn báo hiệu cho xe lửa tại nhà ga. Đến đêm tớ thường phải làm công việc này chỉ có một mình.”

“Tớ sẽ vừa thổi còi vừa đạp xe đạp đi đưa các thứ chung quanh khu phố Ginza. Và trên đường về sở làm tớ sẽ tạt vào rạp xi nê làm một châu hoặc một bữa lót dạ.”

Vừa lúc ấy bà lão đi tới. Hôm nay trông bà dường như có vẻ im lặng và ủ dột, chứ không ba hoa như thường lệ. Bà ngồi phệt xuống đất, bày đồ hàng quanh người rồi đưa nhãn và mặng cụt cho tất cả anh em chúng tôi. Mùi thơm nồng nàn của những trái cây này, tràn ngập ánh nắng mặt trời miền nhiệt đới, xông lên mắt lên mũi chúng tôi. Biết rằng đây là lần cuối cùng có thể tiếp nhận lòng tốt của bà, chúng tôi nghĩ bụng những quả này ăn sẽ ngon hơn bao giờ hết.

Bà lão lôi một con chim từ trong vạt áo ra. Đó là con vẹt.

“Cảm ơn chú mày đã đưa tin giúp chúng ta,” một người lính nói với con chim. “Nhưng kết quả không tốt đẹp mấy có phải không?”

Con vẹt lắc cái đầu xanh mịn mượt, óng ánh như thể có đeo ngọc quý, rồi đưa mắt nhìn một cách tò mò một lúc. Đoạn nó rít lên bằng tiếng Nhật Bản, giọng cao vút: “À, tôi không thể trở về quê hương được đâu!”

“Nó đã học được cái gì mới!” Chúng tôi thốt kêu.

Đúng lúc ấy người lính già đi lên. Khi nhìn thấy con vẹt, ông chau mày: “Cái con chim ấy không còn ích lợi gì với chúng ta nữa. Thanh toán nó đi cho rảnh!” Ông nắm ngay chân con vẹt; con chim nhoai cổ ra, rít lên và đập cánh phành phạch.

Bà lão vội nắm ngay lấy con chim. Ôm sát nó vào ngực, bà nói: “Này, đây là con chim anh, con chim vị tu sĩ đi đâu cũng mang theo trên vai. Có thấy lông nó mới óng mượt và xinh đẹp hơn không! Vị tu sĩ hiện đang giữ con chim các ông gửi cho người và bảo tôi đem con này đến đổi cho các ông.”

“Thực hả?”

Con vẹt lại kêu: “A, tôi không thể trở về quê hương được đâu!”

“Còn một điều nữa vị tu sĩ ấy đã nói,” bà lão vừa tiếp lời vừa sờ soạng lục lọi quanh tấm áo một lần nữa. Bà lấy ra một chiếc phong bì dày cộm. “Người bảo tôi đưa thư này cho đại úy. Vì là một tu sĩ bảo, và vì là điều cuối cùng do lòng tốt tôi làm giúp các ông, nên tôi chẳng nề hà.”

Tất cả chúng tôi đều xúm quanh tíu tít nhìn, lá thư, chiếc phong bì trông có vẻ là Miến Điện - dài hình chữ nhật bằng giấy hạng tốt - loại phong bì cổ mình thường thấy tu sĩ dùng. Lúc người lính già cầm lá thư hai bàn tay to lớn của ông run run. Ông trở mắt nhìn dáng vẻ rầu rĩ như thể đang bị lúng túng, phân vân.

Chúng tôi gọi đại úy, ông đang bận túi bụi thu xếp công việc cho anh em. Vào độ này thì ông đã hoàn toàn trở lại bình thường và có vẻ lanh lợi, tươi vui hơn bao giờ hết. Khi được trao chiếc phong bì dày cộm, ông vội vàng định xé ra xem - nhưng liền đó lại thôi và nói: “Không, chẳng mấy nữa chúng ta sẽ rời nơi này. Rồi ra anh em sẽ tha hồ mà đọc khi có nhiều thì giờ hơn.”

“Nhưng, thưa đại úy,” người lính già chặn lời, “thế đại úy không mở thư ra đọc ngay lúc này ư? Có lẽ biết đâu may ra Mizushima...” “Không.” Đại úy khẽ lắc đầu. “Mizushima sẽ không trở về Nhật Bản. Đọc lá thư này bây giờ không ích lợi gì.” Người lính già ngồi xuống đất và buông tiếng thở dài. Đại úy bỏ lá thư vào túi áo ngực, rồi cài khuy nắp áo lại. “Chẳng có gì mà phải bận tâm thắc mắc,” ông nói một cách an ủi. “Tôi chắc lá thư này sẽ làm ông bằng lòng.” Cuối cùng khi đến giờ rời nơi này, tức thì những người lính Nhật Bản lũ lượt rời trại giam tuôn ra như nước chảy. Ai cũng vẫy tay chào bà lão đang đứng gần cổng ra vào. Bà lão nghển cổ lên nhìn theo dõi chúng tôi khi chúng tôi dần bước xa dần.

Vài tiếng đồng hồ sau, chúng tôi bước lên một chiếc tàu chiến đậu tại một bến sông nhỏ. Cầu tàu đầy những khung cầu bằng thép và những vật dụng công kênh. Chúng tôi đi qua chiếc thang tàu rồi trèo xuống một chiếc cầu thang thật dốc đi vào buồng tàu chật hẹp đầy nhóc những người.

Chúng tôi xuống đây được một lúc thì con tàu mới thực sự sẵn sàng ra khơi. Những vách tường nóng bỏng của phòng tàu rung mạnh khi hơi nước rít lên và đầu máy bắt đầu chạy rồi lại ngưng. Trên đầu nơi boong tàu, người ta la hét, cần trục nhả ra, dây xích cuộn lại, tháo ra, những thùng gỗ công kênh được trút hết xuống nước - anh có thể nghe thấy tất cả sự hỗn loạn ồn ào của công việc chứa chất hàng hóa xuống tàu. Lúc tất cả đều ngồi trong căn phòng chật ních, nhỏ như cái hộp, tay ôm chặt lấy đầu gối, tai lắng nghe những gì đang xảy ra xung quanh, chúng tôi cảm thấy một niềm an ủi bất chợt. Mắt chúng tôi óng ánh những giọt lệ.

Qua cửa sổ hình tròn của con tàu, chúng tôi nhìn thấy một dòng sông đục ngầu nước lững lờ chảy, hai bên bờ cỏ dại và cây cối mọc thành hàng dài, một mùi tựa như chất nhớt khen khét từ mặt nước dâng lên. Những chiếc thuyền, lá buồm trông giống như những cánh buồm dang rộng đang ngược xuôi dòng sông. Thịnh thoảng một chiếc phà nhỏ nghểu nghện bành bạch chạy qua giữa đám thuyền này, tuôn ra những đợt khói cuộn tròn trong không khí.

Chúng tôi nhìn thấy một thành phố hải cảng, và những căn nhà nho nhỏ bằng gỗ. Dân chúng mặc sà-rông đang quanh quẩn. Những con chó đang chạy trên đường đi, hai bên là những cây dừa đứng xếp thành hàng dài. Dân chài lưới đang đẩy thuyền ra khơi. Tất cả đều có vẻ thanh bình đến độ thật khó mà tưởng tượng đã có một cuộc chiến tranh ở trên xứ này; một dãy núi màu xám hình chữ chi đang chạy dài ở phía xa xa.

Đêm ấy, trước khi chúng tôi nhận ra thì chiếc tàu chiến chở anh em đã đi ra ngoài biển rồi.

Đến ngày thứ ba thì chúng tôi đã quen với cuộc sống trên tàu. Hôm ấy, khi lên boong chơi, chúng tôi nhận thấy chúng tôi đang đi qua một hải lộ rộng lớn, bên trái là bán đảo Mã Lai và bên phải là quần đảo Sumatra. Chúng tôi cảm thấy ngây ngất trước vẻ đẹp của vùng biển nam Thái Bình Dương.

Mặt biển, bầu trời và những hòn đảo đều óng ánh như những viên ngọc quý rực sáng. Những chùm ngọc bích và miêu nhân thạch dường như bồng bềnh sát bên nhau. Một bầu trời, lấm tấm những cụm mây trắng, đang soi bóng trên mặt đại dương tựa như một tấm gương. Giữa bầu trời và mặt đại dương khối đất vĩ đại từ từ xoay quanh chúng tôi. Đủ mọi thứ phà biển, hải đăng và làng mạc hình thù kỳ dị nhô lên rõ mồn một, rồi lại biến dạng sau một gò đất khác. Nước biển liên tiếp liếm mạn tàu khiến chúng tôi cảm thấy như thể tim mình đang được lau rửa cho sạch sẽ. Mặt trời nóng ran, gió biển dịu mát và chúng tôi cảm thấy như đang bay bổng trong không khí thay vì đi trên tàu biển.

Chúng tôi đi ra phía boong cuối tàu và ngồi dưới tấm bạt đang bay phàn phật. Đại úy móc túi áo ngực lấy lá thư ra. “Nào, chúng ta đọc thư.” Ông nói. Cẩn thận và hầu như cung kính, ông bóc chiếc phong bì và lấy ra một thếp giấy khoảng ba mươi trang đầy kín nét chữ viết nắn nót.

Đại úy liếc qua một vòng. “Tôi chắc tất cả anh em đều đã có mặt ở đây rồi,” ông nói. “Bây giờ chúng ta sẽ đọc thư của Mizushima. Sự thực là khi ở Mudon tôi chán nản quá chừng, vì lẽ chú ấy không trở về với chúng ta. Và sau khi tôi nhận định là chú ấy vẫn có thể hãy còn sống thì nhiều điều lạ kỳ đã xảy ra nên tôi lại càng cảm thấy đứng ngồi không yên. Tôi xin lỗi đã để tất cả anh em bận tâm lo âu. Lâu rồi tôi cứ đinh ninh Mizushima hẳn phải là vị sư Miến Điện ấy. Nhưng tôi lưỡng lự không nói ra điều gì cho đến khi có chứng cứ hiển nhiên hơn. Trong lúc ấy chúng ta khám phá ra rằng người ấy chính là Mizushima và rồi chúng ta lại nhận được thư này.

“Vâng, tại sao chú ấy không trở lại với anh em chúng ta, và chú ấy hiện đang làm gì mà lại cải trang như một tu sĩ? Tôi nghĩ tôi biết câu trả lời khi tôi nhìn thấy cái hộp sắt ấy ở trong nhà tù. Điều bí ẩn đã được giải quyết,

như chỗ tôi biết. Tôi hiểu Mizushima. Tôi nghĩ lá thư này sẽ chứng tỏ là tôi đã không nghĩ lầm về chú ấy.” Nói thế rồi, đại úy bắt đầu đọc:

Các bạn thân mến,

Tôi chẳng thể nói để các bạn rõ tôi đã ước ao muốn gặp các bạn đến chừng nào, tôi đã mong muốn trở về với đại đội đến độ nào, để làm việc với các bạn, để nói chuyện với các bạn và để ca hát với các bạn. Tôi sẽ không bao giờ quên những niềm vui và những nỗi khổ mà chúng ta đã cùng nhau chia sẻ ở cái xứ xa lạ này. Nhất là tôi không thể nói cho các bạn hay tôi đã mong muốn trở về đất nước chúng ta - đã thay đổi khủng khiếp đến thế - đến mức nào và để được đoàn tụ với gia đình tôi.

Đã nhiều lần tôi bí mật nhìn ngắm các bạn khi các bạn đi ra ngoài làm công tác xây cất, hoặc ca hát ở trong trại giam. Ngay cả khi ở xa, tôi cũng thường nghĩ đến các bạn một cách nhớ nhung, thèm muốn và không làm sao cầm lòng không trở lại Mudon. Đã nhiều lần tôi đứng bên ngoài hàng rào vây quanh các bạn đến tận bình minh, đứng đó để nhìn căn nhà chòi lợp rạ nơi các bạn đang ngủ. Nhưng bây giờ ngay cả niềm an ủi ấy cũng đã qua rồi.

Tôi sẽ không trở về Nhật Bản. Tôi đã nguyện ở lại Miến Điện. Mặc quần áo như các bạn đã thấy đấy, tôi sẽ đi hết xứ này xuyên núi và vượt sông. Có một công tác phải làm ở nơi đây. Tôi không thể rời bỏ chừng nào chưa hoàn tất công tác ấy. Kể từ đây và nhiều năm về sau, khi làm xong công tác, tôi mới có thể tìm cách trở về Nhật Bản. Hoặc có lẽ tôi sẽ sống suốt cả đời ở nơi này; bây giờ thì tôi đã là một nhà sư, một tỳ kheo của đức Phật. Bất kỳ điều gì tôi làm, tôi sẽ vâng theo ý muốn của Ngài.

Từ trước đến giờ, tôi đã chăm nom, săn sóc những người Nhật Bản chết nằm phơi thây rải rác khắp xứ này. Tôi đào huyệt chôn những nắm xương trắng hếu của họ, để cho họ có một nơi an nghỉ cuối cùng. Hàng trăm nghìn thanh niên đồng bào của tôi đã bị động viên vào quân đội để rồi bị thua trận, chạy dài và bị giết chết - và bây giờ xương cốt của họ nằm bơ vơ không ai nhìn nhận. Đó là một cảnh tượng đau lòng. Một khi mục kích cảnh tượng ấy, tôi cảm thấy có bốn phận phải chăm nom, săn sóc những

xác người bị bỏ quên này. Tôi chẳng thể tự mình rời bỏ nơi này chừng nào chưa làm xong phần nào công tác.

Như đại úy đã nói, tôi nghĩ tất cả anh em chúng ta sẽ trở về Nhật Bản và cùng nhau làm việc để xây dựng lại đất nước. Cho đến lúc này tôi vẫn muốn làm như thế. Nhưng một khi nhìn thấy những người đã chết đang bị bỏ rơi lại đằng sau chúng ta, tôi cho là tôi phải đè nén ước muốn ấy. Và điều này không phải chỉ là quyết định của riêng tôi. Hơn thế, có một tiếng gọi dịu dàng nhưng tha thiết đã yêu cầu tôi làm điều ấy. Tôi chỉ có thể cúi đầu và lắng nghe tiếng gọi dịu dàng, tha thiết này mà thôi.

Sau bài hát chia tay hôm nay, tôi đánh đàn đệm theo, cuối cùng tôi đã hoàn toàn chấp nhận là sẽ ở lại đây. Tôi sẽ ở lại xứ này trong khi các bạn trở về xứ sở. Xin các bạn quay về với quê hương trong tinh thần vui tươi - và làm việc hăng hái giúp tôi nữa.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn hay tất cả những gì đã xảy ra với tôi kể từ hôm tôi rời các bạn tại ngôi làng trong núi ấy.

Khi đại úy đọc đến chỗ này, người lính già nhắm nghiền mắt lại và chắp hai tay cầu nguyện. Vài người khác làm theo ông.

Con vẹt đang đậu trên dây căng tấm bạt; đúng lúc ấy nó thốt kêu, giọng cao vút nghe như hát: “A, tôi không thể trở về quê hương được đâu.” Những lời này kéo dài trong một tiếng thở dài ảo não.

Chúng tôi nhìn lên. Con vẹt xanh nghển đầu rồi nghiêng về một bên nhìn xuống chúng tôi.

Trong lúc tiếp tục đọc, nét mặt đại úy bừng tươi vì vui sướng; không ngờ ông đã đoán đúng.

Tôi vội bước theo người lính Anh Cát Lợi và người dẫn đường, nhưng gần đến bốn giờ chiều chúng tôi mới tới quả núi lởm chởm ấy. Sau đó, tôi thấy tôi hầu như đang đi qua một làn sương mù dày đặc - trong đầu óc tôi không có cái gì rõ rệt cả. Tôi cũng không hiểu tường tận những sự việc liên tiếp xảy ra. Những gì tôi nhớ chỉ toàn là những cái vụn vặt, tuy nhiên, cũng linh động như thể tất cả mới xảy ra hôm qua.

Lúc chúng tôi đi qua rừng cây, tôi nghe thấy tiếng đạn đại bác gầm rít, và mỗi lúc càng trở nên rền vang, rõ rệt hơn. Rừng cây khá rậm rạp nên che

kín cả mặt trời, tuy nhiên chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy tia sáng như ánh chớp thỉnh thoảng lóe lên giữa đám cây cối - và rồi, lúc chúng tôi đếm “... ba, bốn, năm” thì một tiếng nổ long trời lở đất vang lên làm chúng tôi loạng choạng. Ngọn cây run rẩy vì tiếng nổ này. Chim chóc bay đi hết và không có một tiếng hót nào. Tôi nhìn thấy một cặp thằn lằn to tướng dài khoảng sáu mươi phân, miệng ngoạm vào nhau và hình như đã chết.

Cuối cùng chúng tôi ra khỏi rừng cây, rồi bắt chợt gặp ngay ánh nắng chan hòa. Thẳng ngay phía trước mặt chúng tôi sừng sững ngọn núi hình tam giác màu xám. Một khối đá trọc lóc khổng lồ - một vách đá thẳng tắp vươn lên từ một lòng sông ngoằn ngoèo, toàn mặt đầy những lỗ lõm đốm như tổ ong - trông như thể đã bị đào khoét để lấy đá ra hoặc chẳng khác gì một nơi người ta ẩn náu. Có vẻ những lỗ ấy, do một đường hầm, ăn thông vào bên trong. Từ miệng những hầm này làn khói súng mỏng manh tạt ra rồi lan ngược vách đá, thềm lặng dâng lên trong ánh nắng sáng tươi. Thỉnh thoảng lại có một tia khói súng lóe lên. Toàn bộ ngọn núi khô cằn, hoang lạnh hình như đang sống lại.

Bộ chỉ huy lực lượng tấn công Anh Cát Lợi đóng ở trong rừng. Nhờ người lính đi theo, tôi đã có thể gặp viên sĩ quan chỉ huy trưởng ngay tức khắc. Đứng tuổi, tóc muối tiêu, ông ta trông có vẻ có óc phán đoán. Sau khi lắng nghe lời giải bày, ông ta nhìn tôi chăm chăm một lúc, rồi quyết định.

“Được,” ông ta nói. “Thử xem nếu anh có thể thuyết phục tụi nó đầu hàng. Nhưng tôi sẽ chỉ cho anh có đúng ba mươi phút - không hơn một tích tắc.” Lúc tôi chào rồi bước đi, ông ta gọi với theo và nói: “May mắn nhé!”

Tôi cầm đầu đi từ bộ chỉ huy quân đội Anh tới đỉnh núi hình tam giác, vừa đi vừa chạy qua những giao thông hào nằm giữa nơi này và quả núi. Vùng này hình như trước kia là vị trí đóng quân của quân đội Nhật, nhưng bây giờ là vùng đất cấm địa không người, ngổn ngang những cây cháy đen thui và gãy nát tan tành. Xác người chết nằm ngay tại chỗ họ đã ngã xuống. Có những khẩu đại bác bị phá hủy hoàn toàn, mặt đất đầy những maniven, bánh xe răng khĩa, nẹp sắt cong queo làm bằng đủ thứ kim khí. Ngay cả mặt đất cũng cháy khô. Thật là một quang cảnh tàn phá ngoài sức tưởng tượng.

Vừa lúc tôi nhô đầu khỏi giao thông hào cuối cùng và đặt chân lên một mặt đá thoai thoải thì một loạt súng từ đỉnh núi khạc đạn bắn trúng quanh chân tôi. Bụi tre phía sau lao xao như thể có gió thổi qua và nhiều cây ngã gãy như thể đã bị một lưỡi liềm khổng lồ vô hình chặt đứt. Tôi lao mình nằm sát mặt đất. Lúc nhớ lại tôi thấy toàn bộ cảnh ấy hình như im lặng một cách kỳ lạ. Tôi chỉ nhìn thấy những viên đạn trượt khỏi mặt đá và những cây tre từ từ ngã xuống. Hướng về phía đỉnh núi, tôi cất tiếng gào, nhưng ngay cả chính tiếng nói của tôi cũng hình như thuộc về người khác.

Sau một lúc tôi đứng dậy và vẫy tay, nhưng một loạt đạn khác lại nổ ròn đáp lời tôi. Đạn súng máy đan quanh người tôi, và từ những chỗ đạn bắn trúng bụi đất bay lên. Đá vỡ thành mảnh nhỏ bắn tứ tung và cỏ bắt đầu cháy. Tôi lại gieo mình nằm xuống sát mặt đất.

Vì nghĩ cứ làm như thế này xét ra cũng vô ích, nên tôi, đã từ mặt đá thoai thoải nhảy xuống và bắt đầu cầm cổ chạy thẳng về phía trước. Hẳn họ đã nhận ra tôi là người Nhật vì tiếng súng im bật tức khắc. Tôi bò lên mặt núi gồ ghề lờm chờm. Vài người lính Nhật đi ra cửa hầm và điệu tôi vào trong.

“Biết đường hả?” Họ hình như vui mừng khi nhìn thấy tôi.

“Làm sao mà anh tìm thấy?”

“Đồ trang bị đâu cả rồi?”

“Đầu óc anh căng thẳng lắm rồi.” Có người đổ đầy đến tận miệng một nắp sắt chất gì dường như là nước lã và đưa cho tôi. “Này, uống cái này đi!” Tôi làm một ngụm hết liền. Sau đó tôi mới nhận ra đó là rượu saké.

“Chúng tôi sẽ đánh đến người cuối cùng.” Một người trong bọn nói với tôi: “Anh có thể nhập bọn với chúng tôi, anh không có súng hả? Vậy, cầm lấy khẩu này đi.” Người ấy đưa cho tôi một khẩu súng.

Một người trông có vẻ là đại úy chỉ huy của họ từ trong hầm đi tới. Trong hầm tối om đến độ thoát đầu tôi chẳng thể nhìn thấy gì cả, nhưng đến lúc này tôi nhìn thấy một đám thanh niên túm tụm ở miệng hầm và đang nhìn tôi. “Rất mừng được gặp anh!” Họ nói, miệng mỉm cười nhăn nhó, gượng gạo. “Đồ trang bị của anh đâu cả rồi?” Tất cả họ đều trầm trùng

trục, từ thắt lưng trở lên, sẵn sàng chiến đấu; những thân hình gầy guộc, đen xì vì khói súng và những cặp mắt đỏ ngầu như vấy máu.

Đại úy có đôi vai rộng, khuôn mặt tròn trĩnh, hồng hào và lớp ria mép lún phún. Trông ông vô cùng cương quyết. Tôi có thể nhận ra ngay rằng binh sĩ yêu mến ông. Vào dịp này ông lấy làm khoái trí chứng tỏ cho một người ngoài cuộc biết là đại đội của ông đang chiến đấu đến người lính cuối cùng. Lúc nắm tay tôi, mắt ông sáng lên.

“Chúng ta đang thực sự cho chúng nó biết tay phải không nào?” Ông nói. “Tinh thần khá cao, hử?” Đoạn ông hỏi có phải tôi mang tin tức gì không.

Đứng nghiêm trước mặt ông, tôi nói rõ nhiệm vụ của tôi. Tôi nói cho ông biết những gì đã xảy ra cho các lực lượng Nhật Bản khác và yêu cầu ông đầu hàng.

Bất thành linh, trong lúc tôi còn đang cố gắng giải thích tình hình đại úy hét lên: “Đủ rồi!” Gân máu trên trán, trên cổ phồng tím vì tức giận, quá ư tức giận nên ông không thể nói chuyện. “Làm sao mà anh có thể nói đầu hàng! Tiếng ấy nghe tởm lắm! Nếu bây giờ chúng tôi đầu hàng chúng tôi sẽ sỉ nhục những người đã chết. Đại đội của chúng tôi không hèn nhát như đại đội của các anh. Chúng tôi sẽ chiến đấu cho đến khi bị tiêu diệt hoàn toàn.”

“Bị tiêu diệt hoàn toàn thì có ích lợi gì không ạ?” Tôi nói. “Chúng ta phải làm thế nào để sống, chúng ta phải sống, phải tranh đấu và vật lộn vì tổ quốc chúng ta.”

“Vì tổ quốc chúng ta!” Một người lính trong bọn vừa thốt lên một cách khinh khi vừa đưa mắt nhìn đại úy của anh ta. “Còn gì là ái quốc cho bằng khi nói đến chuyện đầu hàng!”

“Trong đại đội của chúng tôi không có ai hèn nhát như thế đâu!” Một người khác nói. Người này cũng nhìn đại úy. Ông gật đầu một cách biểu đồng tình.

“Nếu ở bên nhà không có người đầu hàng thì làm sao Nhật Bản lại có thể thua trận được?”

Tất cả họ đều nói như thế trong khi uống rượu saké múc ra từ một cái thùng không nắp đặt ở giữa hầm.

Trong lúc lắng nghe tôi cảm thấy rằng những con người phần nộ này đang bị một sức mạnh kỳ lạ chế ngự. Có lẽ họ đang nghĩ những ý nghĩ khác nhau, tuy nhiên là một nhóm người thì tính cách cá nhân của họ đã biến mất. Vì đã kích thích nhau bằng một sự biểu lộ giả tạo lòng can đảm nên họ không thể lùi bước được nữa. Một cái gì đang quyết định và chỉ huy cả nhóm, chứ không phải ý chí của một cá nhân. Tôi không còn biết làm thế nào để đương đầu với sự bướng bỉnh này. Hiển nhiên là một số người trong bọn đã quyết tâm chiến đấu đến chết - tuy nhiên, hình như cũng có những người nghi ngờ không biết liệu đó có phải là một hành động hợp lý hay không. Nhưng họ không thể nói ra. Hơn thế, vì quá yếu để chống lại đám đông, họ đã không hiểu tình hình thực sự. Họ không có cách nào phán đoán tình hình cả. Ngay dù có muốn xác định thái độ, họ cũng không có cái gì chắc chắn để bầu víu vào. Đó là lý do tại sao cuộc tranh luận gay cấn nhưng lung tung đã chiếm hết ngày - hoặc có vẻ như thế.

“Cút đi! Anh không phải là một người Nhật; anh là một kẻ hèn nhát bản thủ. Thôi cút đi!”

“Không. Tôi không đi. Tôi sẽ ở lại đây cho đến khi nào các anh bình tĩnh trở lại.”

“Nếu không đi, anh sẽ mất mạng ở đây - anh không muốn mất cái mạng sống quý báu của anh chứ gì?”

“Tôi không muốn hy sinh đời mình một cách vô ích.”

“Ồ! Anh nghĩ chúng tôi đang chiến đấu một cách vô ích chứ gì?”

“Không ích lợi cho tổ quốc hoặc cho chính các anh. Rõ ràng là thế. Chẳng cần đặt vấn đề nữa.”

“Đồ phản bội!”

Một người lính lấy hết sức đánh tôi. Tôi tránh và anh ta đâm ngay vào cây đàn tôi đeo trên vai.

“Cái ấy là cái gì?” Người ấy hét. “Muốn giở trò gì với một vật như thế?”

“Tôi dùng vật này để gửi đi những tin mật!” Tôi quát lại.

Hết giờ rồi. Một lần nữa tôi nói với đại úy: “Thưa đại úy, đại úy phải chịu trách nhiệm về sinh mạng của những người này!” Tôi nói toạc ra cho ông nghe. “Nếu họ chết, một cách không cần thiết, liệu đại úy có nhận lời

khiến trách không? Đại úy có thể tự mình giải thích với tổ quốc và gia đình họ không?”

Đại úy nín thở, như thể vừa bị tát vào mặt. Ông do dự một lúc rồi quay lại và nói: “Được, để biết kết quả hãy xem mọi người phát biểu ý kiến.”

Theo lệnh ông, tất cả xếp hàng đi qua một lỗ hổng nhỏ ở đằng cuối sang một cái hầm khác, để người lính gác ở lại với tôi.

Tôi nhìn đồng hồ. Chỉ còn mười phút thôi.

Tôi cảm thấy bối rối và nôn nóng. Trong hầm bên kia có nhiều tiếng nói lớn giọng. Tôi hét vào trong đó: “Xin các anh quyết định trong năm phút tới!”

Người lính gác thì thầm: “À mà này, tình hình ra sao hở?” Anh ta hình như có vẻ khó chịu lắm. Đoạn, anh ta tiếp lời, như thể lầm bầm với chính mình: “Trong hầm ấy có nhiều người bị thương lắm và họ đều nói họ muốn dứt khoát đi cho rồi.”

Tôi nghe thấy đại úy đặt câu hỏi và những người lính hét to trả lời. Vài phút sau, họ trở lại trong trạng thái kích thích tột độ. Hiển nhiên là cái tinh thần đã đưa họ đi xa đến thế này vẫn bất di bất dịch. Nếu được thăm lặng nói chuyện với họ độ khoảng một giờ gì đó, có lẽ tôi đã có thể thay đổi ý định của vài người, nhưng dưới áp lực như thế này, chẳng làm gì được. Chỉ còn có đúng năm phút nữa mà thôi.

Dán mắt vào tôi chăm chăm, đại úy tuyên bố, giọng thật lớn: “Mọi người ở đây quyết tâm chiến đấu cho đến chết để bảo vệ vị trí. Ai cũng đồng ý như vậy.”

Tôi cứng họng không nói được gì. Tôi cảm thấy máu chảy mạnh lên đầu. Vài người lính đang hô: “Hoan hô! Muôn năm!”

Bàng hoàng, tôi bắt đầu đi ra phía cửa hầm. Những gì tôi có thể làm bây giờ ấy là yêu cầu vị chỉ huy người Anh cho tôi thêm chút ít thời gian nữa. Khi tới cửa hầm, tôi nghe thấy tiếng đả kích vang ở phía sau.

“Đồ khiếp nhược! Quân hèn nhát cố mà bảo vệ lấy tấm thân nghe chưa!”

Tuy nhiên, giọng nói của họ nghe đầy thương hại, những giọng nói cay đắng, đố kỵ của những người tận số xô vào mặt một người sẽ tiếp tục sống.

Tôi đâm ra giận dữ và hét một cách man rợ: “Đây không phải hạng hèn nhát!”

“Vậy tại sao lại tự ý bó tay đầu hàng?”

“Cuộc sống đối với anh đắt giá lắm phải không?”

Nhìn lại, tôi thấy họ đang tím tím, tay choàng lên vai nhau, trông thật thiếu nã.

“Xin lắng nghe!” Tôi hét. “Trong ba phút nữa tụi Anh sẽ tấn công; Tôi sẽ đi ra và sẽ là người đầu tiên ngã xuống. Khi tôi chết rồi, các anh sẽ đầu hàng. Các anh sẽ thấy tôi có phải đả hèn nhát không!”

Tôi nhảy khỏi hầm, rồi lao vút tới một gốc cây đã bị chặt cụt tại chỗ đất không một bóng người nằm giữa vách đá và vị trí dàn quân của quân đội Anh. Để chân lên gốc cây cụt, tôi đặt cây thụ cầm lên đầu gối và bắt đầu đánh đàn.

Khoảng một phút sau quân Anh nổ súng. Quân Nhật ở trên núi bắn trả lại. Khói súng và mùi thuốc súng khét lẹt bay tạt vào lỗ mũi tôi. Chẳng mấy chốc làn khói ấy đã bao lấy tôi như một đám sương mù dày đặc; đứng giữa đám khói, trong khi cảm thấy như bị tê cóng, tôi bấm đàn lia lịa.

Đạn bay qua tai tôi rít lên như tiếng roi vọt. Tôi nghe thấy tiếng chẻ xé, gãy đổ quanh mình đến hết hồn. Mặt vách đá lởm chởm bắt đầu lỗ chỗ, sứt sẹo chỗ này chỗ kia. Vị trí quân Anh cũng bị bắn phá ác liệt.

Thoạt đầu tôi không thể nghe rõ tiếng đàn của chính mình. Nhưng sau một lúc tiếng nhạc thấm sâu vào tai tôi đã bị ù điếc. Tiếng nhạc dần dần ngân to hơn, và lúc lắng nghe tôi có cảm tưởng như thể thân xác và tâm hồn tôi đang lơ lửng bay trong khoảng không. Cuối cùng cây đàn đang hát thực sự. Trước kia cây đàn chưa bao giờ lại ngân vang to và rõ đến thế. Không khí dày đặc khói súng, cuồn cuộn và ngộp thở.

“Hát lên!” Tôi hét trong lúc bấm liên miên. “Hát lên cho đến khi dây của mi đứt! Khi mi thôi ngân hát và ta đã chết thì những người kia sẽ được cứu sống.”

Nhưng rồi một viên đạn bắn trúng ngay cây đàn nghe đánh phập một tiếng làm những bông hoa lan khoa và những chiếc lông chim gắn trên đó bay tứ tung. Cây đàn bị phá hủy.

“Bây giờ thôi thế là hết!” Tôi gào to.

Nhiệm vụ của tôi hoàn toàn thất bại. Tôi đứng đó chán nản hết sức, cây đàn lủng lẳng trên tay, và rồi tôi cảm thấy một cái gì giống như một cái gậy nện vào đùi đã đánh ngã tôi xuống. Tôi cố gắng đứng dậy, nhưng lại lăn kềnh ra. Chân trái tôi lạnh và ướt; tôi thấy chân tôi đang chảy máu.

Trong lúc nằm trên mặt đất, tôi biết là tôi đang ngất lịm. Dầu vậy tôi vẫn có cảm giác thanh thản và thoải mái. Dường như không có cái gì khác khiến tôi quan tâm; tôi không cảm thấy sợ sệt hãi hùng. Tôi nhớ là đã ướm oải ngắm quang cảnh ấy như thể đang ngắm đèn kéo quân. Từ miệng hàm một lá cờ trắng treo lủng lờ. Rồi lính Nhật đổ ra và quân Anh ngừng bắn.

Tôi đỡ đầu nhìn bầu trời. Tôi nhớ những đám mây trắng đang bồng bềnh trôi trên một nền trời chiều xanh ngắt. Bầu trời và dãy núi xung quanh dường như đang cuồn cuộn dồn hết tốc lực về phía tôi.

Sau đó một lúc tôi thấy có người khuân đồ đạc ra khỏi hầm dãy núi lởm chởm. Tâm trí tôi bắt đầu tỉnh táo một chút, tôi khát nước quá chừng, cuống họng dường như đang bốc lửa. Thế rồi tôi chợt nghe thấy tiếng nước chảy ở một nơi nào đó phía dưới chỗ tôi đang nằm. Chẳng đoán gì nữa, tôi bắt đầu bò về phía tiếng nước róc rách. Tôi chưa cảm thấy đau đớn vì vết thương, nhưng toàn thân đã cứng đờ như thể bị trói lại và kìm kẹp.

Tôi cứ tiếp tục bò cho đến khi tới một tảng đá lớn bằng phẳng gần chân núi. Tôi nghe thấy tiếng thác nước ở phía dưới. Khi ngả người về phía trước, tôi thấy tảng đá gồ mồm trên mép một gò đất thấp. Tôi ngả, và mọi thứ trở nên tối om.

3

Lúc tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm trong một túp lều tiêu tụy lợp rạ có gió mát hây hây thổi qua. Vết thương của tôi đã được băng bó cẩn thận. Tôi nằm trên một tấm mền bằng da mềm nhồi đầy lông chim. Những người săn sóc tôi là những người man rợ.

Cho đến bây giờ, trong rừng núi Miến Điện vẫn còn nhiều bộ lạc man rợ. Một số trong đám này là mọi ăn thịt người hoặc mọi săn đầu người. Hình như trong lúc tôi đang nằm bất tỉnh, mê man ở dưới vách đá dốc phẳng thì quân đội Anh đã bắt hết tù binh Nhật rồi rút lui, sau đó bọn người man rợ này chẳng ngờ đi qua đã cứu tôi.

Thổ dân bộ lạc này hoàn toàn ở trần, khắp mình xăm hình và chỉ chút những sợi. Họ đeo vòng sắt ở cổ tay và mắt cá chân. Mắt xích, môi dầy vồ châu ra. Tuy nhiên, họ rất tử tế dịu dàng và hình như không có ý hãm hại tôi.

Quả vậy, qua nhiều ngày, tôi mới nhận thấy họ thực tốt bụng và ôn hòa làm sao. Tôi được đối đãi như một người khách chăm nom săn sóc thật chu đáo và cho ăn uống đầy đủ hàng ngày, và ôi chao những bữa ăn linh đình ấy! Họ ép tôi ăn đủ thứ thức ăn ngon lành, bổ dưỡng, và thường tỏ ra khó chịu nếu tôi tìm cách từ chối. Đôi khi tình thế trở nên hoàn toàn khó khăn. Trong lúc dưỡng sức ở làng này, tôi sống một cuộc đời thật sự đặc biệt.

Vết thương của tôi là do một viên đạn bắn vào đùi, và nó đã lành nhanh hơn tôi mong đợi. Thoạt đầu tôi gầy khủng khiếp, nhưng chẳng bao lâu tôi bắt đầu lên cân và ngày nào tôi cũng cảm thấy khá hơn.

Ông già mang thức ăn cho tôi lấy làm hài lòng là tôi mới đang chóng lại sức làm sao. Thỉnh thoảng ông ta lấy ngón tay chét thành vòng tròn đo quanh cánh tay và ống chân tôi. Tôi lên cân nhanh quá đến độ chỉ trong có ba ngày là đã thấy có sự khác nhau, hầu như đến một đốt ngón tay của ông ta. Thế rồi ông ta thường nheo cái bộ mặt đầy vết nhăn, cái hàm răng móm hết mà cười và ép thúc tôi dùng thêm cháo cá sấu hoặc trái cây miền nhiệt đới.

"Cảm ơn, cảm ơn," tôi thường nói rồi ăn thỏa thích.

Vì chẳng có gì để làm, tôi thường ngồi dậy ở trên giường và chế biến một cây thụ cầm mới. Vật liệu rất giới hạn tuy nhiên, tôi đã có tre đủ mọi cỡ và tôi có thể dùng da bò hoặc ruột cừu để làm dây đàn. Tôi đã có khá nhiều kinh nghiệm trong việc sáng chế đàn thụ cầm.

Một hôm, ông tù trưởng và đứa con gái đến thăm tôi. Ông ta to cao, phốp pháp, mặt đen xỉ lạnh như tiền trông bề vệ đường hoàng, ông ta

nghiên cứu tình trạng sức khoẻ của tôi cẩn thận như thể ông ta là một bác sĩ khám nghiệm một trường hợp đặc biệt. Đoạn ông ta trách ông già rằng tôi cần được chăm nom săn sóc chu đáo hơn nữa - tôi vẫn hãy còn gầy quá, và như vậy là chỉ bởi vì ông già chệnh mảng, ông già xin lỗi một cách khúm núm.

Tôi vội vàng can thiệp mà nói: "Ô, không! Ông cụ trông nom tôi cẩn thận lắm ạ. Tôi sống được là nhờ ông cụ."

Ông già vỗ lên người tôi, hết chỗ này đến chỗ kia, để cho ông tù trưởng thấy tôi béo tốt ra sao.

Người con gái sờ vào vết thương của tôi. Đối với một người man rợ, nàng là một thiếu nữ dịu dàng nhưng e thẹn một cách khác thường. Lúc lấy lá cỏ dẹt vào vết thương chưa lành hẳn, nàng cứ thở dài sườn sượt và có vẻ thương hại tôi một cách thành thực.

Tôi đánh một điệu nhạc để nàng nghe. Tôi hãy còn quá yếu nên đánh đàn đã khiến tôi phải lấy hơi mà thở. Con gái ông tù trưởng thích thú vô cùng và lắng nghe như thể cảm động sâu xa. Nàng lộ vẻ ưu tư như thể tôi sắp sửa chết đến nơi rồi. "Cô có nghĩ tôi sẽ chết không?" Tôi nói với nàng. "Xin hãy nhìn tôi!" Tôi co hai cánh tay đầy đặn, mở màng lại, rồi cố gắng đứng dậy; nhưng chân vẫn không đủ sức nên tôi ngã khụy xuống cái giường bằng lông chim.

Người con gái lấy tay chấm nước mắt.

Lúc ông tù trưởng sắp sửa bỏ đi, tôi cúi chào và cảm ơn ông ta đã có lòng tốt. Ông tù trưởng cười để lộ hàm răng vấu rồi gật đầu: "Ăn thử cái này đi." Ông ta nói và đưa cho tôi vài miếng trầu chọn lọc mà ông ta đang nhai. Tôi nghĩ tuy những người này không văn minh, song họ thực sự tốt bụng và nhã nhặn.

Họ chăm nom săn sóc tôi chu đáo đến thế nên chẳng bao lâu tôi đã lại sức. Vào dạo này mặt trăng đang đầy; mỗi đêm mặt trăng nhô lên to hơn trên những mái nhà lợp rạ, và lúc mặt trăng sáng rực thì hình như có một không khí ngày càng vui hơn đã bao trùm khắp bản làng.

Tôi nghĩ bản này sắp có hội. Một đêm, khi mặt trăng hầu như đã tròn đầy và bên ngoài có rất nhiều trò vui nhộn ồn ào, ông già đem đến cho tôi

một bữa cơm thịnh soạn đặc biệt, có cả một con gà nướng nữa. Kể từ khi chiến tranh đổi chiều bất lợi cho chúng ta, chưa bao giờ tôi lại được ăn món thức ăn ngon lành như vậy hoặc thừa thãi đến thế. Tôi nắm chặt tay ông già để cảm ơn. Ông ta đáp lại bằng cách lấy tay vuốt cái thân hình khá tròn trĩnh của tôi.

Sau đó, chúng tôi nói chuyện một lúc. Cho chắc ăn, trong lúc nói chuyện, chúng tôi vừa làm dáng điệu vừa dùng tiếng Miến Điện; nhưng đến lúc này chúng tôi hoàn toàn thành thạo trong việc trao đổi ý kiến với nhau.

"Tôi lấy làm vui mừng là anh đã khoẻ mạnh." Ông ta nói: "Điều này khiến tôi cũng sung sướng." Bên ngoài dưới ánh trăng, thổ dân đang thổi sáo một cách vui vẻ.

"Cảm ơn ông lắm," tôi vừa nói vừa cúi đầu.

"Cứ ăn những gì tôi mang đến cho anh, như thế công việc của tôi mới dễ dàng. Những tù binh khác từ chối không ăn đã gây phiền phức cho tôi nhiều quá đi".

Tôi cảm thấy khoẻ mạnh như thường rồi và tôi định bụng rồi ra phải tìm cách đền đáp lòng tốt của ông đối với tôi.

Dáng vẻ suy tư, ông già lấy tay bẹo gáy tôi rồi nói; "Bây giờ là hẳn phải đủ cho tất cả mọi người."

"Cái gì cơ?"

"Nếu chia cho mỗi người trong bản một miếng thì cũng đủ cho tất cả."

"Ông muốn nói các ông sắp sửa ăn thịt tôi đấy hả!"

"Dĩ nhiên là thế rồi." Ông già vừa nói vừa bậu cái mồm nhăn nheo mà mỉm cười. "Tôi cảm ơn anh vì đã trở nên ngon lành và mập mạp như thế."

Cám cảnh chưa tình thế! Tôi vừa nghĩ vừa cúi đầu nhìn cái thân hình chằm chằm của tôi mềm xèo vì thiếu tập dượt. Thì ra đây là một bản của tụi mọi ăn thịt người - và tôi đã để chúng nhồi tọng cho tôi tất cả các món thức ăn ấy!

Tôi hỏi ông già tên bộ lạc của ông ta và ông ta nói bộ lạc của ông ta là Kachin. Trước kia tôi đã nghe nói đến bộ lạc Kachin có khoảng độ 250.000 người. Họ là những tên mọi săn đầu người và ăn thịt người. Khi bắt được một người họ để người ấy bên cạnh đống lửa đốt ngoài trời cho chảy mồ

hôi ra rồi lấy bột bánh tẩm mỡ hôi người ấy mà ăn. Sau đó họ mới làm thịt người ấy.

Tuy là mọi ăn thịt người, song họ không giết người một cách bừa bãi, mà chỉ giết khi nào nhận thấy cần thiết vì mục đích qui thuật. Họ sống luôn luôn khiếp sợ các thần linh vô hình mà họ cho là lúc nào cũng ở xung quanh. Bọn man rợ gớm ghiếc này thực ra rất nhút nhát. Khi cầu nguyện để có một mùa gặt tốt đẹp, họ cố gắng làm yên lòng thần linh bằng cách hiến dâng cái vật gì thật quý báu - một cái đầu người. Họ ăn thịt nạn nhân, bởi vì họ hy vọng lấy sức mạnh của nạn nhân tăng bồi sức mạnh của chính họ, và như thế có thể đương đầu tốt hơn với thần linh dữ dằn. Do vậy, chỉ vào khoảng mùa gặt, bộ lạc Kachin mới nguy hiểm. Khi thời gian ấy qua rồi, họ lại hiền lành và tử tế.

Khắp mọi nơi ở Miến Điện dân chúng tin tưởng vào thần Nat. Những thần linh này sống ở trên cây, trong đá và các vật tự nhiên khác; nếu các thần linh ấy yêu anh, thì may mắn sẽ đến với anh. Nhưng nếu anh làm phật lòng các thần linh ấy đến phải giận dữ, thì anh sẽ gánh chịu một tai ương khủng khiếp. Người Miến Điện nào - kể cả những người trí thức - cũng thờ thần Nat. Tôi thường nhìn thấy dân chúng dâng đồ cúng hoặc tổ chức tế lễ để các thần linh này khỏi giận dữ. Bọn người man rợ này cũng thờ thần Nat và đã dựng nhiều ngôi miếu nhỏ nhỏ để thờ cúng.

"Khi nào tôi sẽ bị các ông ăn thịt?" Tôi hỏi ông già.

"Ngày mai sẽ có đại lễ!"

Đến lúc này chẳng cần tìm hăm sự ăn uống nên tôi đã làm một hơi hết con gà nướng. Nhưng ấy thế mà miệng tôi vẫn cảm thấy khô khan, con gà hình như không ngon lành. Ông già để mắt chăm chăm nhìn thân thể tôi một cách thậm thèm.

Tôi bình tĩnh một cách kỳ lạ. Quả thực, tôi đang nói chuyện với những con người man rợ, thuần phác. Phải nghĩ ra cái gì để giảm nhẹ tình thế nguy hiểm của tôi. Dù sao, lúc này, tẩu thoát xét ra khó khăn rồi, và có lẽ bất lợi cho tôi. Tôi bèn ỷ lại vào cây thụ cầm. Chỉ vớ tay là có thể sử dụng ngay cây đàn, tôi tự nhủ. Chừng nào còn có cái đó... Đêm ấy tôi ngủ ngon lành, vừa ngủ vừa ôm chặt cây đàn.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời mọc. Tôi bị lột hết quần áo trần như nhộng, khênh ra để bên một tảng đá dưới sông và được cọ rửa từ đầu đến chân, kỹ càng quá đến đau cả người. Thổ dân cũng cọ rửa sạch sẽ. Sau đó họ để tôi vào trong một cái củi sơn màu; Tôi vừa ngồi trong đó vừa ôm cây thụ cầm! Họ khênh cái củi đến giữa bản và đặt trên sân đất trước một miếu thờ.

Miếu này là một túp lều nhỏ bé lợp rạ, xung quanh có một hàng giậu tre. Trước miếu có một cái bàn thờ bày một cái đầu bò và bộ lòng làm đồ cúng tế thần. Xung quanh là những cây cột cao, trên đỉnh có những thanh gỗ đóng ngang, những cây cột ấy dường như có một ý nghĩa quy luật nào đó. Bên cạnh miếu là một cây khổng lồ, cành lá rậm rạp. Toàn cây này, từ rễ đến cành, phần nào cũng linh thiên đối với thần Nat.

Thế rồi buổi lễ bắt đầu: Dân bộ lạc tế thần, theo nhiều hình thức - ca hát, hô thần chú, rồi cầm dao, vác đồng và bắt đầu nhảy nhót.

Họ đội những cái mũ rộng lớn bằng lông chim, tai đeo vật trang sức bằng xương tròn tròn to như bàn tay che kín cả tai. Đứng thành một hàng dài, họ bắt đầu vừa la hét thành nhịp độ vừa cúi khom giậm chân ngoáy đi rồi dần dần biến thành mê sảng dại điên. Thịnh thoảng họ hướng nhìn cái cây có thần Nat và hình như đang cầu nguyện hoặc áp đầu sát đất, run rẩy mãnh liệt. Cuối cùng họ bắt đầu vừa đi vòng quanh cái củi nhốt tôi vừa đi vừa ca hát và thịnh thoảng lại kêu rít lên như thể đang trong cơn khiếp đảm. Những con dao, những cái đồng nhịp nhàng lấp lánh đi qua đi lại ngay trước mắt tôi. Hình như họ sắp sửa lôi tôi ra mà làm thịt.

Tôi nghĩ bây giờ là lúc nên thần nhiên nâng đàn và bắt đầu chơi. Tôi cảm thấy tự tin. Tôi nghĩ chừng nào còn cây thụ cầm, tôi vẫn có thể tranh thủ được họ. Ngồi khoanh chân bằng tròn trong cái củi miệng nhai trầu bồm bồm và nhe răng cười như không có gì, tôi chơi những bản nhạc hay nhất vừa vui vừa buồn mà tôi biết.

Thật vô ích. Bọn người man rợ này chẳng hề mềm lòng trước tiếng đàn của tôi. Mặc dù tôi đánh đàn mạnh đến đâu hoặc tiếng hát cảm động đến thế nào, bọn họ cũng không đáp ứng như tôi đã hy vọng. Ngược lại, bọn họ lại càng múa dao vung đồng nhanh hơn trước, giữ đúng nhịp với tiếng đàn

của tôi, rồi nhảy múa và cầu nguyện thần Nat trong cơn mê sáng man rợ. Thật là một cảnh tượng lợm giọng.

Chẳng mấy chốc họ đã chất xong một đống củi cao ngất, châm lửa đốt, điệu tôi ra khỏi cũi và trói hai chân tôi lại, rồi đặt tôi xuống gần ngọn lửa. Trong khi ấy tôi vẫn tiếp tục chơi đàn, cố gắng để khiến họ thay đổi ý định. Nhưng vô ích.

Hơi nóng khủng khiếp quá nên tôi không chịu nổi. Tôi bắt đầu đổ mồ hôi xối xả, mỗi lúc một nhiều hơn. Tôi cảm thấy dường như toàn thân tôi bị nhúng nước nóng. Ngay cả tóc tôi cũng bị ướt sũng.

Bọn man rợ tụ thành vòng tròn vây quanh tôi, mỗi đứa cầm một nắm bột. Sau khi chà những nắm bột ấy vào da tôi, và để cho bột thấm thật nhiều mồ hôi, họ giơ cao lên ngang đầu một cách kính cẩn rồi bắt đầu ăn. Không xa chỗ ấy lắm, một số khác đang mài dao.

Tôi cảm thấy tuyệt vọng. Mồ hôi tiếp tục chảy. Hơi nóng tỏa ra hùng hực. Chẳng mấy chốc nữa họ sẽ làm thịt tôi để ăn tôi mới hối tiếc làm sao là đã chấp nhận sự nguy hiểm của mình một cách nhẹ nhõm đến thế.

Thế rồi một luồng gió thổi lên. Ngọn lửa lan rộng tấp vào người tôi, hầu như nướng chín tôi đi. Bọn man rợ vẫn tiếp tục cho tôi uống nước và tôi vẫn tiếp tục đổ mồ hôi. Gió mỗi lúc một mạnh hơn. Lúc gió gào rít thổi qua đám cây cối, những chiếc lá cháy đen bay tả tơi rơi xuống thân mình trần trụi của tôi.

Tôi cảm thấy choáng váng và khát nước đến độ phải gào xin thêm nước để uống. Dầu vậy, đến lúc này, bọn họ từ chối không cho tôi chút nước nào nữa. Và họ cũng thôi không lấy bột thoa vào người tôi. Tôi nghĩ thôi thế là hết, và tôi nhắm mắt lại.

Sau một lát, tôi lại mở mắt và ngạc nhiên khi nhận thấy tất cả bọn họ đều đang đứng xúm quanh, dáng vẻ lo lắng. Họ đang trở mắt nhìn cái cây cao lớn có thần Nat ở trên, đang nghiêng ngửa, rên rỉ trong gió.

Một làn gió khác thổi tới rung mạnh cây ấy. Bọn man rợ lấy tay bịt tai lại rồi nằm phủ phục xuống đất. Có đứa chấp tay cầu nguyện, có đứa giơ tay lên mỗi khi cây ấy rên rỉ ào ào, như thể tránh né một cuộc tấn công vô hình.

Vì cây ấy đang phẫn nộ nên bọn ấy sợ đã làm phật lòng thần linh.

Đây là điều may mắn cho tôi! Tôi nghĩ. Năm ngửa người hai chân bị trói chặt nhưng vẫn nắm chắc cây thụ cầm tôi bắt đầu chơi loại nhạc tế lễ mà người Miến Điện thường sử dụng để cúng thờ thần Nat. Trong lúc đánh đàn, tôi gào to: "Nat!" Khi gió lại gầm thét, tôi bấm mạnh lên dây đàn những âm thanh ghê rợn. Bọn man rợ kêu la khiếp đảm.

Tôi tiếp tục kêu to: "Nat" và rít lên những tiếng vô nghĩa. Đoạn tôi vượt phím đàn thật nhanh, liên tiếp, từ trên xuống dưới nghe giống như thần linh hung ác đang nhào xuống, đang bay lượn, đang cười đùa hoặc đang tấn công một cách giận dữ. Cái cây cao lớn ấy nghiêng ngửa, lắc lư hết bên này đến bên kia. Bọn đàn ông la rống và run rẩy vì sợ sệt. Tôi chơi to hết sức, theo nhịp chuyển động của cây ấy.

Bọn người man rợ lui ra dần dần, vừa lui vừa dấu kín mặt đi; nhưng cuối cùng họ rụt rè, khúm núm mon men lên chỗ tôi và cởi những dây trói ra. Tôi loạng choạng đứng dậy, cố gắng làm ra vẻ rất nghênh ngang, rồi đi tới ngồi bên cạnh tù trưởng.

Gió vẫn còn thổi, vì thế tôi phải chơi bản nào êm êm để trấn an thần Nat ở cây đó. Cuối cùng bọn người man rợ ngồi nghỉ ngơi.

Sau đó một buổi tiệc linh đình được tổ chức dưới mặt trăng tròn đầy sáng vằng vặc. Gió dịu dần, rồi trở nên mát hây hây, và sương mai óng ánh trên đám cỏ khô.

Viên tù trưởng dùng sừng trâu uống rượu; ông ta uống ừng ực và cố nài ép tôi cùng uống, theo tập quán của bộ lạc nếu từ chối là xúc phạm và nguy hiểm đến tánh mạng. Xung quanh đây những đòng, dao và súng. Vì không thể làm họ tức giận nên tôi nhận số lượng rượu họ nài ép và cố gắng uống từng tí một. Nhưng cuối cùng tôi đâm ra say mềm. Mọi vật đều mờ đi, nhảy múa một cách vui vẻ trước mắt tôi.

Viên tù trưởng hớn hở ra mặt; ông ta hát và ăn nhồm nhoàm. Nhưng bất thành linh ông ta nốc cạn cái sừng trâu đầy rượu rồi đặt xuống và ghé sát cái mặt hung dữ gần mặt tôi.

"Anh", ông ta vừa gầm lên vừa nhe trăn bộ răng. "Anh lấy con gái ta." Ông ta nheo hai con mắt đỏ đòng đọc lại và nói thêm "Hoặc ta sẽ chặt đầu

anh."

Khi đại úy đọc những dòng này, chúng tôi không thể không phì cười.

"Thật là một vấn đề đối với chàng thanh niên thận trọng như Mizushima."

"Trong hoàn cảnh hãn, tớ sẽ sẵn lòng lấy con gái một tên ăn thịt người làm vợ."

Đại úy cũng cười và lại tiếp tục đọc.

Tôi xúc động vô cùng. Tôi nhìn người con gái ngồi đó, e thẹn, mắt nhìn xuống.

Dáng vẻ rất nghiêm trang, viên tù trưởng đứng dậy đưa một tay cho con gái và một tay cho tôi. Ông ta quay mặt nhìn thẳng đám đông bộ lạc và bắt đầu long trọng nói. Ông ta nói như thể hai đứa chúng tôi đã dính hôn với nhau rồi.

"Hỡi con em trong bản của ta, ta xin lỗi toàn bản vì sự nghèo nàn của bữa tiệc đêm nay và vì những thiếu sót trong buổi lễ này... Bây giờ, chú rể này là một thanh niên tuần tú; và nếu ta cho mọi người trong bản một miếng thịt của hãn tối nay, thì đó hãn là một tác dụng kỳ diệu vào sức chiến đấu của chúng ta. Tuy nhiên, như toàn bản đã nhìn thấy, người thanh niên này có khả năng nói chuyện với thần Nat. Nếu chúng ta giết hãn, thì thần linh sẽ làm gì? Và vì thế, là thủ lĩnh của bản, ta đã chọn cái tốt đẹp nhất cho bản chúng ta. Thay vì ăn thịt hãn ta muốn hãn lấy con gái ta và lấy sức khoẻ của hãn tặng bồi cho sức mạnh của chúng ta theo đường lối ấy..."

Đám đông hoan hô nhiệt tình.

Tôi cảm thấy ngỡ ngàng tột độ - vào lúc này tôi bình thản, điềm nhiên. Nhưng tôi chẳng hề làm gì được. Cũng như bất kỳ chú rể nào, tôi cứ đứng ngoan ngoãn nhìn xuống như thể đã phó thác thân mình cho số mệnh.

Nhưng viên tù trưởng đã ngưng lời chỉ trích để thì thào với tôi: "Từ trước đến giờ anh đã vợ được bao nhiêu cái đầu lâu rồi?"

Tôi thì thầm đáp lại: "Chưa một cái nào."

Viên tù trưởng cau mày và thì thầm một cách giận dữ: "Đây không phải là chuyện đùa giỡn đâu. Mười? Hai mươi? Nếu chưa đủ ta sẽ mất mặt với người trong bản của ta. Anh có thể phóng đại một chút. Nào mau lên. Bao nhiêu cái đầu người rồi hở?"

Được! Tôi nghĩ, cuối cùng mình đâu có lấy con gái lão ta. Thế rồi tôi trả lời bằng một giọng to lớn thản nhiên để mọi người có thể nghe rõ: "Trong suốt đời chẳng bao giờ tôi chặt đầu người cả."

Viên tù trưởng nẩy bống người lên. Ông ta vừa giật tóc giậm chân vừa kêu to: "Chưa bao giờ? Chưa một cái đầu lâu nào? Ta không thể gả con gái ta cho một thằng nhút nhát ươn hèn! Ta nghĩ chúng ta sẽ ăn thịt nhà ngươi!"

Nhưng người con gái đã vung tay ôm choàng lấy ông ta và van nài tha mạng sống cho tôi. Cuộc lễ chấm dứt như thế đấy. Sau đó mọi Kachin thả tôi ra.

Khi tôi rời bản, tất cả dân trong bản tới xem. Con gái viên tù trưởng tiếc thương sự tôi ra đi hơn hết tất cả. Nàng choàng cho tôi tấm áo cà sa của một tu sĩ Miến Điện và bảo tôi rằng tôi sẽ không bao giờ gặp khó khăn bất kỳ đi tới đâu. Và nàng còn cho tôi một băng tay bằng thép có khắc một câu thơ trong bài kinh. Tôi nghĩ đó chỉ là một kỷ niệm nhưng thực ra đó là cái phù hiệu của tu sĩ chức sắc cao. Nhờ cái phù hiệu này; về sau tôi đã được đủ điều lợi.

Tới Mudon! Một giọng nói gào to trong tôi, lúc tôi bắt đầu nhanh nhẹn ra đi. Tới những bậc thềm đá dốc thẳm bên ngoài bản này, tôi quay nhìn lại và nom thấy hình bóng lơ mờ của con gái viên tù trưởng. Nàng đang lễ ở miếu thờ thần Nat.

4

Tôi không có ý tưởng rõ rệt làm thế nào để đi tới Mudon - tôi cứ cầm đầu đi về hướng Nam, vượt núi và băng thung lũng. Thế rồi tôi tới một vùng đồng bằng chi chít làng mạc.

Tôi có cảm tưởng như đang đi, đi mãi đi hoài, qua một cánh đồng lúa êm ả, thanh bình. Đây không còn là vùng đất của đám mọi man rợ nữa, mà là khu vực của một nền văn minh siêu việt và cổ kính. Đó đây nông dân đang dùng trâu cày ruộng. Lúc con trâu, bắt đầu nhích bước, những con chim sáo trắng bạch thường sà xuống đậu ngay trên lưng và sừng. Nhưng chúng lại sợ sệt mà bay đi cứ mỗi lần con trâu tới bờ ruộng bên kia và người nông phu quay cái cày.

Có lần, lúc tôi đang đi trên đường, một làn gió mát lạnh chợt thổi tới và bầu trời bỗng dưng phủ đầy mây đen kịt. Những con chim sáo đang tung cánh trong gió trông chẳng khác gì những chiếc lông tơ. Thế rồi mưa ập tới. Mưa ở Miến Điện khủng khiếp. Trước khi nhận ra tôi đã bị làn tia nước dày vây kín. Chẳng thể thở được - tôi cảm thấy dường như đang bơi trong nước.

Sau một lúc mưa ngừng rơi và bầu trời trở nên quang đãng. Rồi trong nháy mắt quang cảnh hóa ra tươi sáng và một cái cầu vồng lớn bắc qua bầu trời. Sương mờ tan biến thật như thể một tấm màn đã được vén lên. Và ở đó dưới cây cầu vồng, nông dân đang ca hát và lại đang cày ruộng.

Tại những làng này, cứ mỗi khi tôi dừng lại niệm kinh ở trước cửa nhà họ, dân chúng thường hảo tâm đem cho tôi của bố thí. Đôi khi tôi nghỉ lại trong một ngôi chùa. Nhưng tại bất kỳ chùa nào, do tấm băng tay, tôi cũng được đón tiếp ân cần, niềm nở đến độ tôi đâm ra khó chịu, vì lẽ tôi chẳng hiểu gì tục lệ và tác phong của nhà chùa. Tuy nhiên, xứ này có đủ loại tu sĩ Phật giáo. Có người tu sám hối tịnh khẩu cả đời không nói một lời nào, hoặc treo thân trên cây hàng năm hoặc hành động điên rồ - bất kể cái gì dù cho có kỳ cục đến đâu, để hành hạ thể xác. Họ sẽ chấp nhận bất kỳ khổ hạnh nào để hoàn thành sự giải thoát. Có người lại còn trần truồng bò qua mặt tuyết trên núi Hy Mã Lạp Sơn. Thật là một điều kỳ lạ dân chúng miền Nam này mới hăng say phấn đấu để tự giải thoát khỏi dây ràng buộc trần thế và đạt tới sự siêu thoát ra làm sao. Phần lớn tôi vượt qua được tất cả bằng cách giữ im lặng như thể đang thực tập những sắc giới khổ hạnh. Lại nữa, người Miến Điện không dòm ngó việc của người lạ, và như thế một người cải trang làm tu sĩ có thể đi bất cứ nơi nào cũng không ai nghi ngờ gì cả.

Ấy thế mà tôi vẫn gặp chán lúc không may.

Có lần tôi vào một làng đang rền vang tiếng gồng, tiếng trống tiếng đàn. Trời vừa nhá nhem tối đám dân làng nóng lòng sốt ruột ấy đã thay quần áo và mặc những cái sà-rông đẹp nhất, rồi gài hoa lên tóc và ùa chạy ra khỏi nhà như nước chảy.

Đêm ấy người ta tổ chức một thứ vũ kịch gọi là pwè. Vào những dịp như thế này một đoàn thiếu nữ ăn mặc lộng lẫy thường nhảy múa cho đến tảng sáng, uốn éo, vặn vẹo thân hình một cách mềm mại theo nhịp tiếng đàn. Trong giờ nghỉ giữa các điệu vũ, người ta thường đóng kịch. Vũ kịch pwè đã xuất hiện từ nhiều thế kỷ và là một môn giải trí ưa chuộng của dân Miến Điện.

"Bạch Thày, rước Thày ra xem vũ kịch của chúng con" một người trong đám dân làng nói với tôi.

Tôi từ chối phắt ngay: "Trong lúc sám hối... không có giải trí."

Liền sau đó một người khác đi lên và nói với tôi: "Bạch Thày, cũng có một đám tang nữa. Xin mời Thày tới."

Lần này tôi không thể làm sao mà từ chối cho được. Họ dẫn tôi tới một khoảng đất trống tại ven làng và tôi thấy, vũ kịch pwè đã bắt đầu rồi. Tiếng nhạc, tiếng cười vang lên vui vẻ. Các cô con gái trẻ măng đang hát và nhảy múa trong ánh hoàng hôn, lặp đi lặp lại những dáng điệu tương tự.

Tôi ngồi vào chỗ người ta chỉ cho tôi. Kể cũng kỳ cục ai đời làm lễ ma chay trong khung cảnh vui tươi ồn ào như thế bao giờ; tuy nhiên tôi không thể hỏi han gì về điều này. Các tu sĩ Miến Điện cũng đang ngồi đó. Tôi ngồi sau họ và bắt chước mỗi thứ họ làm.

Vũ kịch pwè càng lúc càng trở nên linh động và khán giả thường thức say mê. Thế rồi một chiếc xe trang hoàng rực rỡ xuất hiện, do một nhóm thanh niên nét mặt tươi cười hớn hở kéo lại gần chỗ những vũ công. Chiếc xe chở một cái nhà táng cao ngất trang hoàng từ trên xuống dưới bằng những bao hương lòn lẹt, những hình nhân và những con voi bằng giấy bản.

Thế rồi người ta phóng hỏa chiếc xe, những miếng giấy màu bốc lửa bay tứ tung lên các đám mây đang lóa rực trong ánh hoàng hôn. Trước cảnh ấy

mọi người hoan hô một cách sung sướng.

Người ta bắt đầu diễn kịch bên dưới cái nhà táng đang bốc lửa. Một thần linh có cánh xuất hiện, kéo một nàng công chúa từ trong bông sen ra, dạy phép quý thuật cho chàng hoàng tử đang tìm kiếm nàng và vân vân. vở kịch khiến tôi liên tưởng tới một vở kịch câm của trẻ con.

Tôi đang phân vân tự hỏi không biết khi nào thì tang lễ bắt đầu. Có điều chắc là nếu nói điều gì thì tôi để lộ mất chân tướng của mình, vì thế tôi cứ tiếp tục bắt chước các tu sĩ ngồi phía trước, chắp hai tay mà niệm và khe khẽ lẩm bẫm trong miệng.

Đến lúc toàn thể cái nhà táng đã cháy hết, dân chúng múc tro than khỏi lòng chiếc xe, và bỏ vào đó đủ thứ vật trang sức xinh đẹp. Sau đó, một người đưa cho mỗi vị sư chúng tôi một cái gì giống đôi đũa dài.

"Rước các thầy lại", người ấy vừa nói vừa dẫn chúng tôi đi về phía trước. Tôi đi theo các vị sư kia.

Khi tro than đã được múc hết đi rồi, tôi nhìn thấy những phần cháy dở của một thứ hộp lớn, trong đó những cái xương của một xác người đã bị hỏa thiêu đang nằm chìm sâu dưới những vật trang sức bằng vàng, bằng bạc và các bông hoa thơm ngát. Chiếc xe tươi tắn thực ra là một giàn hỏa thiêu. Sau một vài thúc đẩy, tôi góp một tay dùng que cặp nhắc những cái xương ra.

Không xa chỗ ấy, vũ kịch pwè đang diễn thật hào hứng. Tất cả các nữ vũ công đều vừa giơ tay lên, uốn éo thân hình vừa hát đi hát lại điệu nhạc đều đều vui vui của một bài tình dao bi thiết. Nhạc từ những nhạc cụ gỗ, nhạc cụ gió và nhạc cụ dây hòa vào làn không khí chiều hôm và lan đi bất tận qua thôn làng. Vũ điệu và đám tang hình như thích thú như nhau.

Sau này tôi mới biết người Miến Điện không sợ chết. Con người cần phải chết, và sự chết là phương tiện vượt thoát những đam mê trần giới và quay trở về với nguồn gốc của cuộc đời. Khi một người chết ở xứ Miến Điện này dân chúng sẽ tụ tập xung quanh và kể cho người ấy biết tất cả những việc làm tốt đẹp của người ấy ở trong quá khứ, tin tưởng rằng đức Phật sẽ dẫn dắt người ấy tới một thế giới tốt đẹp hơn. Và vì thế, đám tang đã thực sự trở thành một bữa tiệc chia tay vui vẻ.

Lúc tôi đang nhắc các chiếc xương ra, có người nhìn thấy cái băng đeo tay của tôi. Vì rất hiếm khi nom thấy một ông sư chức sắc cao như thế tại một làng quê tôi liền được dẫn tới chỗ ngồi danh dự và được yêu cầu khai kinh.

Lại một điều trở trêu khác! Tuy nhiên tôi đã xoay sở vượt qua được nhờ dùng một mưu kế trước đây đã có lần rất hiệu quả trong trường hợp tương tự. Bất thành linh, tôi khoanh chân bằng tròn lại trong tư thế trầm tư, hít một hơi thở và rồi ngồi bất động không thở nữa như thể đang đắm mình trầm tư mặc tưởng. Tôi ngồi trong tư thế ấy một lúc lâu, làm như điếc, như câm và như mù. Dân làng hẳn phải cho rằng vị sư thánh thiện ấy đã nhận ánh sáng thiên khai nào đó và đang đắm mình vào nguồn suy tư sâu sắc, tâm trí đã bay tới một thế giới xa xôi. Họ để mặc tôi làm theo ý mình.

Dù đi tới đâu mình cũng nhận thấy người Miến Điện hình như có vẻ sung sướng. Họ sống và chết tươi cười. Tất cả những lo âu của thế giới đều phó thác cho đức Phật trong lúc họ sống hàng ngày, làm ruộng cày sâu cuốc bẫm, ca hát khiêu vũ mà lòng không hề ích kỷ hoặc tham lam.

Miến Điện là một xứ thanh bình. Tuy yếu và nghèo, song xứ này có hoa, nhạc, nhần nhục, ánh nắng, hình ảnh đức Phật và những nụ cười.

5

Tôi cứ cắm đầu cắm cổ đi về hướng Nam càng nhanh càng tốt, trực chỉ thành phố Mudon.

Chẳng bao lâu tôi lại đi tới một vùng núi khác. Sau khi vượt một dãy đèo, tôi thấy mình đang đi qua những ngọn đồi hoang lạnh, nơi chỉ có những cây khô héo và những tảng đá to lớn chồng lên nhau. Suốt dọc đường, tôi không gặp một người nào.

Lúc đang trèo lên một con đường cát, bất ngờ tôi nhìn thấy một viên đạn ở dưới chân. Tôi nhặt viên đạn lên và nhận thấy đó là một loại đạn Nhật quen thuộc. Nhiều viên đạn khác và vỏ đạn nằm ngổn ngang quanh đó.

Làm sao mà những viên đạn ấy lại ở đây? Tôi tự hỏi và cứ tiếp tục trèo. Ngược nhìn lên tôi thấy một đàn chim đang bay là là bay thành vòng tròn ngay trên một tảng đá dốc ngất ngheo phía trước mặt tôi. Và rồi vài con quạ đen, mỏ to, cánh rộng, từ phía sau tảng đá ấy bay lên. Mặt trời đang chiếu le lói; không có một tiếng động nào.

Cuối cùng tôi tới đỉnh đèo - một hiệp lộ trơ trụi, không một ngọn cỏ không một bóng cây. Khi tới đó rồi, tôi đứng đờ người ra vì khiếp đảm.

Trong bóng tối của tảng đá đỏ ngòm trong hiệp lộ tôi nhìn thấy nằm rải rác những bộ xương của khoảng chừng ba mươi người và năm sáu con ngựa, xác người đã khô queo hoàn toàn, và xương trắng hếu thòi ra. Nằm la liệt quanh những bộ xương này là những khẩu súng máy, súng trường và ba lô bằng da. Cách đó mấy thước là một chiếc mũ sắt, Tất cả đều bẹp dí, vùi gần kín trong cát đỏ đỏ. Chỗ các xác người đang nằm, cỏ mọc xanh rờn. Lúc tôi tiến lại gần, một con chim kêu quác quác bay qua người tôi, tí nữa thì chạm vào mặt.

Đó là một đội lính Nhật, có lẽ bị tiêu diệt vì bị phục kích hoặc oanh tạc. Họ nằm chơ vơ ở đó, bạn đồng đội không một người nào hay biết gì. Tôi nhặt củi khô, nhóm lửa và bắt đầu hỏa thiêu những cái xác ấy. Tuy nhiên, không thể làm công việc này xong trong một ngày. Tuy nóng lòng sốt ruột muốn tiếp tục đi, song tôi vẫn phải nghỉ đêm tại một làng gần nhất và hôm sau, rồi hôm sau nữa lại tới để đốt cho hết những xác chết ấy. Tôi phải làm mất độ một tuần lễ. Sau đó, tôi chôn những năm tro xương ấy, dựng lên trên đó một tấm mộ chí và chấp tay cầu nguyện. Tôi đã làm lễ mai táng cho những người bất hạnh này chỉ có một mình.

Xong đâu đấy, một lần nữa, tôi lại trực chỉ hướng Nam. Tôi sẽ không kể chi tiết cho các bạn hay những gì tôi đã nhìn thấy. Cái đó kinh tởm ngoài sức tưởng tượng. Là một người Nhật, là một người đồng hương của những người đã chết, tôi cảm thấy buồn không cầm được nước mắt.

Có lần tôi đi ngang qua một khu rừng nhỏ. Trời bắt đầu đổ mưa, và mưa to đến nỗi đường đi ngập ứ những bùn; nhưng chợt tới một túp lều đổ nát, điêu tàn tôi liền vào trong đó ngủ qua đêm.

Trong túp lều có một xác người - mặc quân phục bộ binh Nhật Bản. Có lẽ đó là một người lính ốm đau hoặc bị thương bị bỏ rơi trong một cuộc rút lui, đã bò vào trong túp lều này rồi chết ở đó. Kiến và giòi bu đen cái xác ấy, tuy nhiên nó vẫn chưa bị rửa quá. Có vẻ là người đàn ông này đã sống ở đây một thời gian khá lâu. Gần đó là một bức hình một người cha trẻ tuổi đang ôm đứa con nhỏ. Rõ ràng đó chính là người đàn ông đã chết này và đứa con trai của ông ta.

Không làm sao mà đốt được cái xác trong túp lều ướt át vì thế tôi bèn công mà đem vào rừng rồi chôn ở đó. Tôi tự hỏi không biết làm thế nào với tấm ảnh, nhưng cuối cùng tôi chôn tấm ảnh cùng với người đàn ông ấy. Tôi thấy hình như có lẽ người ấy cũng muốn như thế. Tôi nghĩ thằng bé con ấy cũng có bức hình tương tự treo ở trên tường nhà nó, ở một nơi nào đó bên Nhật Bản, và nó thường ngắm bức hình ấy trong lúc chờ bố trở về đoàn tụ với gia đình.

Đó đây trong rừng cây tôi còn nhìn thấy nhiều xác chết nữa, rõ ràng bị bỏ lại lúc đồng đội tháo chạy, ở miền nam Miến Điện có một nơi người Nhật Bản gọi là "Con Đường Xương Khô". Đó chính là nơi tôi vừa mới tới - đúng y như tên gọi con đường, còn rừng rợn hơn cả khu rừng nhỏ nữa kia.

Và cứ như thế tôi chôn xác binh sĩ Nhật Bản bất kỳ nơi nào tôi bắt gặp. Nhưng tôi liền nhận ra rằng đó mới là công việc khủng khiếp làm sao. Ngay việc chôn cất những cái xác trong rừng nhỏ ấy cũng đã mất một thời gian dài rồi; thế nhưng tôi không thể bỏ họ được, và chẳng đây cũng chưa phải là chỗ duy nhất - tôi không rõ có bao nhiêu người đồng bào của tôi đang nằm phơi thây không ai chôn vùi khắp xứ Miến Điện. Hẳn là những tiếng nói ai oán, bi thương của những người ấy đang réo gọi tôi. Tôi phải làm một cái gì, tôi suy nghĩ một cách tuyệt vọng. Tuy nhiên tôi muốn đi thật mau thật chóng tới Mudon. Tôi phải tới đó. Tôi muốn tìm xem các bạn đồng đội của tôi ra sao, tôi muốn gặp họ. Tôi nghĩ tôi sẽ sung sướng làm sao cuối cùng được trở về với đơn vị, mọi người sẽ vui mừng đến thế nào khi thấy tôi trở lại. Càng nghĩ tôi thấy hình như nỗi khó khăn của tôi càng khó khăn hơn. Mudon hãy còn xa lắc xa lơ; và cứ đà này có lẽ phải mất nhiều năm mới tới đó được.

Dầu sao, cuối cùng tôi đã chôn được tất cả những xác chết tôi gặp ở trong rừng, tôi lại lên đường và đi tới một dòng sông rộng. Đó là sông Sittang, nước đục ngầu cuộn cuộn chảy xiết. Trong lúc đang tìm một chiếc thuyền để chở qua sông, tôi nom thấy một cảnh tượng gớm ghiếc.

Đó là một đồng cao những xác người đang rửa nát: Những xác ấy đã bị quăng hết cả vào một vũng lầy men bờ sông, chõng chất lên nhau trong nước âm ẩm giữa đám cỏ lác chằng chịt và bọt nước đóng váng dày cộm. Hình như họ đã bị lột hết quần áo, đồ trang bị và mọi thứ. Có lẽ đây là chỗ qua sông quân đội ta muốn vượt - nơi nhiều người đã bị chết lúc rút lui.

Tôi lấy tay che kín mặt. Công việc này vượt quá khả năng của tôi. Tôi không thể giải quyết một mình được.

Và vì thế tôi đành bó tay. Tôi không định tâm chôn họ. Người chết đã chết rồi, tôi tự nhủ; tôi sẽ không nghĩ đến họ nữa. Tôi cảm thấy thương xót những người bất hạnh này; tuy nhiên, tôi không có trách nhiệm gì đối với họ - tôi chẳng thể ngừng lại mà bận tâm đến từng người một. Tôi sắp sửa trở lại đại đội của tôi, trở về Nhật Bản và bắt đầu một cuộc sống mới! Đó là điều trong thâm tâm tôi muốn làm.

Tôi đã quyết định và cảm thấy nhẹ nhõm cả người. Tôi dùng thuyền xuôi sông, thỉnh thoảng lấy xe bò hoặc đáp xe lửa vượt đồng bằng rồi tới Mudon.

Trong khi đi như vậy tôi đã nói tiếng Miến Điện khá trôi chảy cũng như tập sống làm một tu sĩ.

Khi tôi tới Mudon, tìm tôi bắt đầu rộn rã. Tại ven rừng tôi gặp một người đàn ông và hỏi thăm về thành phố này. Người ấy vừa ngả một cây, và bắt được năm con vẹt. Người ấy cho tôi con xanh nhất. Sau đó bất kỳ đi đâu tôi cũng mang con chim theo, và đó chính là con chim tôi sẽ gửi kèm với lá thư này.

Theo lời người đàn ông nói chuyện với tôi thì có nhiều trại tù binh Nhật Bản ở Mudon, và tại một trong những trại này có những tù binh cứ ca hát cả ngày. Rồi tôi được biết các bạn hãy còn ở đó và tôi thấy lòng vui khôn tả khi tiếp tục rảo bước đi vào thành phố. Sau nhiều lần hỏi thăm, tôi tìm thấy

trại giam. Nhưng lúc ấy đã khuya mất rồi, trại giam đã đóng cửa và tôi chỉ còn nhìn thấy ánh đèn lọt qua cửa sổ mà thôi.

Đêm ấy tôi đứng bên hàng rào, lòng tràn ngập vui sướng còn mắt thì cứ nhìn trại giam trừng trừng cho đến lúc đèn tắt hết. Có lúc tôi rùng mình thấy một tiếng nói giống tiếng nói của đại úy. Cuối cùng tôi rời nơi đang đứng đi tới một thiền viện trong thành phố xin ngủ nhờ qua đêm.

Sáng hôm sau tôi thức dậy lúc trời hãy còn tối. Nóng lòng sốt ruột muốn tới trại giam, càng mau càng tốt, tôi nhảy khỏi giường và mặc quần áo. Hôm nay mình trở về với đại đội! Tôi nghĩ. Đã ba tháng rồi kể từ khi xa họ - trong thời gian ấy biết bao nhiêu chuyện đã xảy ra. Tôi thấy nôn nóng và vui sướng quá nên hai tay cứ run lên trong lúc mặc quần áo. Tôi mặc tấm áo cà sa mới màu vàng mà người ta đã cho tôi ở thiền viện rồi cầm cái bát hành khất lên.

"Chắc hẳn anh em sẽ ngạc nhiên khi thấy mình ăn mặc như thế này". Tôi vừa tự nhủ vừa cười. "Thế nào anh em cũng sẽ sung sướng khi gặp lại mình".

Thì ra tiếng đàn thụ cầm trong vườn thiền viện đã đánh thức tôi dậy. Ai đó đang chậm chậm gảy bài Hanyu no Yado. Tôi để tai lắng nghe một lúc rồi chẳng cầm lòng nổi phải ra xem người ấy là ai. Tại chỗ vườn ấy, trong ánh bình minh tím tím, một thiếu niên Miến Điện đang tập gảy đàn thụ cầm. Tôi đi ra chỗ thẳng bé và hỏi tại sao nó lại đánh đàn sớm đến thế.

"Bạch Thầy, con xin lỗi đã làm mất giấc ngủ của thầy", nó vừa đáp lời vừa lễ phép cúi đầu. "Con ngủ trong bếp này, nhưng hàng ngày con đi ra ngoài đánh đàn kiếm tiền".

"Tại sao em lại chơi bài ấy?"

"Vì lẽ người Anh nghe rồi sẽ cho tiền".

Chốc nữa cổng thiền viện mở cửa. Tôi nâng cây đàn lên rồi nhẹ nhàng chơi phần hòa âm tôi đã soạn cho bài hát ấy. Thằng bé lắng nghe, mắt thao láo rồi năn nỉ xin tôi dạy. Nó nói sẽ kiếm được nhiều tiền hơn nếu biết chơi theo lối ấy.

Tôi cảm thấy sung sướng và vui vẻ; tôi cảm thấy bằng lòng khi nghĩ là có thể chỉ bảo giúp thằng bé. Dĩ nhiên, mãi về sau nó mới chơi được thành

thạo cả bài.

Sáng hôm ấy, thằng bé kể cho tôi hay một tin chẳng ngờ.

"Trong thành phố có một bệnh viện do người Anh trông nom" nó nói. "Khi một bệnh nhân chết, họ chôn người ấy trong nghĩa trang bệnh viện. Bác sĩ và y tá người Anh đi đưa đám. Nếu con đứng chờ bên lề đường và chơi bản nhạc này lúc họ trở về thì họ có thể cho con tiền bằng bạc. Theo lời ông nhà đồn, hôm nay lại sắp có một đám ma khác. Dường như có nhiều lính Nhật Bản đã cầm cự một thời gian khá lâu trong hầm trong núi, nhưng cuối cùng đã đầu hàng và những người bị thương đã được đưa về bệnh viện. Khắp thành phố dân chúng đang bàn tán về chuyện ấy; họ bảo những người lính ấy trông mới khiếp sợ làm sao. Vài người trong bọn đã chết và những người chết ấy cũng sẽ được chôn sáng nay. Vì thế nếu tới và chơi bài nhạc này chắc con sẽ kiếm được tiền".

Có phải những người lính bị thương ấy đã từ đỉnh núi bình tam giác tới? Tôi tự hỏi. Cái gì đã xảy ra cho họ sau khi tôi rời ngọn núi? Ngay dù không thể trực tiếp nói chuyện với họ, tôi cũng muốn biết thêm về họ. Tuy nhiên điều ấy chẳng thể được một khi tôi đi vào trại giam, vì thế tôi quyết định trước hết hãy tới nhà thương điều tra xem sao.

Lúc cổng thiên viện vừa mở tôi liền đi với thằng bé tới nhà thương. Nhưng hãy còn sớm quá nên tôi chẳng gặp ai để hỏi thăm. Không có một người nào ra vào tòa nhà.

Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng nhiều người hát một bài thánh ca. Đó là một đội đồng ca gồm cả giọng nam lẫn giọng nữ, phần lớn là đàn bà, và tiếng hát đã từ nghĩa trang vang tới: nghĩa trang nằm trong một khu rừng nhỏ đằng sau nhà thương.

Tôi đi vào rừng cây. Cây cối ướt đẫm sương mai: một làn sương mong manh trắng xóa hãy còn vương trên cành cây. Những lối đi gọn gàng trải sỏi làm tôi nhớ đến một công viên, và đó đây có những vòng hoa tươi mới hoặc héo tàn nằm ngay trước những cây thánh giá đứng xếp hàng đều đặn và những phiến đá hình chiếc quan tài. Một nhóm người Anh đang đứng tại một góc xa trong nghĩa trang.

Tôi nấp sau cây án thụ, chăm chú nhìn họ. Đa số là nữ y tá mắt xanh biếc, má đỏ hồng mặc đồng phục mới mẻ, gọn gàng. Những người đàn ông thì để đầu trần. Việc chôn cất vừa chấm dứt, và tất cả họ đang đứng hát một bài thánh ca bên ngoài nấm mồ. Sau khi hát xong, họ làm dấu cúi đầu cầu nguyện một lúc rồi thềm lặng đi ra.

Khi họ đã đi rồi, tôi bước tới, tôi thấy một tấm bia mới bằng đá hoa cương trên có đặt một vòng hoa nhỏ bé nhưng xinh đẹp. Tấm bia mang dòng chữ: "Nơi đây An Nghỉ Những Người Lính Nhật Vô Danh."

Tôi đứng đó một lúc, ngỡ ngàng hết sức. Thế rồi tôi chợt nghe tiếng thụ cầm ngân bài Hanyu no Yado gần cổng nghĩa trang. Như thể bị tiếng đàn lôi cuốn, tôi chuệnh choạng đi về hướng cổng nghĩa trang. Người tôi nóng bừng vì xấu hổ. Tôi cảm thấy mình mới tầm thường, đáng khinh làm sao là đã quay đi không chôn những xác chết chồng chất lên nhau bên cạnh bờ sông!

Tôi nghe thấy một tiếng nói mãnh liệt thì thềm trong đáy lòng tôi: Người ngoại quốc đã làm công việc này cho chúng ta - tôi nom những người ốm đau, săn sóc những người bị thương, chôn cất những người xấu số của chúng ta thể và cầu nguyện để an ủi linh hồn họ. Anh không thể để những năm xương của bạn đồng đội dài nắng dầm mưa bên sông Sittang, trong núi, trong rừng và thung lũng mà anh phải nom thấy chứ Hanyu no Yado không phải chỉ là một bài hát mong muốn trở về mái nhà ấm cúng cùng bạn bè của anh. Tiếng đàn ấy diễn tả niềm mong muốn của bất cứ ai thềm khát gia đình đầm ấm. Khi nghe thấy tiếng đàn ấy, họ sẽ cảm thấy thế nào - Những người đã chết ấy mà thân xác còn bị bỏ nằm chơ vơ tại nơi đất khách quê người! Liệu có thể rời bỏ xứ này mà không tìm ra một nơi an nghỉ cho họ không? Liệu anh có thể rời bỏ Miến Điện được không? Trở về quê hương! Lại cất bước ra đi! Hãy nghĩ đến những gì anh đã nhìn thấy trên đường đi ở đây. Hay là anh cũng lại muốn rời bỏ ra đi? Thế anh thiếu can đảm trở lại miền Bắc hay sao?

Tôi không thể làm lơ không để ý tới tiếng nói ấy. Một bốn phận bất ngờ đã được trao phó cho tôi, và tôi phải ra đi để hoàn thành càng sớm càng hay. Thay vì tới trại giam, tôi đi ra khỏi thành phố.

Song lẽ, tôi lại muốn tìm mặt những người bạn đồng đội xưa kia của tôi, dù ở cách xa. Bước chân của tôi chậm lại. Sau khi quay lại mấy lần, cuối cùng tôi tới trại giam, nhưng không có ai ở đó cả. Tôi chờ đợi hàng giờ - tất cả các bạn đã đi ra ngoài làm công tác xây cất. Bực mình, nhưng không thể chờ đợi lâu hơn nữa, tôi lại ra đi một lần nữa như thể đang bị lôi kéo.

Tôi vội bước theo ven thành phố Mudon và đúng lúc đi qua cây cầu hẹp - dường như vừa mới được tu sửa lại - tôi nhìn thấy, các bạn đang đi về phía tôi. Cho đến tận lúc đi tới giữa cầu tôi không nhận ra người nào trong các bạn mặc quần áo tù binh lấm láp, lạ mắt. Lúc ấy khi chúng mình tới gần nhau hơn, tôi thấy toàn thân tôi run lên vì sung sướng, buồn rầu và lúng túng. Tôi không thể tả cho các bạn hay tất cả những gì tim tôi cảm thấy khi chúng ta đi ngang mặt nhau, nhường bước cho nhau trên cây cầu chật hẹp ấy. Cuối cùng tôi đã gặp tận mắt những người bạn cũ và những người anh em đồng đội xưa, nhưng vào lúc ấy tôi lại quyết định đi về hướng Bắc. Vì không thể trở về với các bạn. Tôi phải làm cho các bạn nghĩ rằng Mizushima đã chết.

Sau đó với con vệt đậu trên vai, tôi cầm đầu đi nhanh về hướng Bắc.

6

Khi đại úy đọc đến chỗ này, con vệt đậu trên sợi dây căng tấm bạt bỗng dừng kêu: "A, tôi không thể trở về quê hương được đâu!" Tiếng nó kéo dài thành một tiếng thở dài não nuột. Tất cả chúng tôi cũng thở dài và nhìn ra ngoài đại dương.

Lúc ấy trời bắt đầu tối; những màu sắc linh động của các eo biển đã mờ. Bây giờ trông thật giống như mặt âm của một tấm phim ảnh. Quần đảo Sumatra và bán đảo Mã Lai vẫn chậm chậm xoay quanh chúng tôi ở trên mặt nước lặng sóng.

Đó đây các phá biển đã tối thẫm, một vài cái đang lấp lánh với ánh đèn của đám thuyền đánh cá đang hạ neo. Sóng biển tấp đều đều vào mạn tàu

tạo thành một âm thanh cô đơn. Con tàu chở chúng tôi vẫn lướt đi êm đềm, nhưng khi màn đêm buông xuống, nó bắt đầu hơi lắc lư một chút.

Đại úy lại tiếp tục đọc.

Bây giờ tôi đang ở trong một thiền viện, tôi thức suốt đêm để viết thư này. Trời hầu như đã rạng đông; trăng xế đang treo lơ lửng trông giống như một ngọn đèn lóe sáng dưới một cây dừa trong vườn. Có nhiều vì sao đang rụng.

Lúc này các bạn có thể tưởng tượng lúc ấy tôi mới muốn các bạn nhận ra tôi là Mizushima biết chừng nào.

Nhưng nếu bị phát giác là một người Nhật Bản thì có lẽ tôi đã phải vào trại tù binh mất rồi. Có lẽ tôi đã phải từ bỏ nhiệm vụ mới của mình. Tôi đã viết nhiều thư cho các bạn, nhưng rồi lại thôi, lòng tự nhủ lòng nên quên những liên hệ quá khứ. Vì không thể trở về quê hương và làm việc với các bạn, nên tôi thấy có lẽ đó là điều quá đau đớn khi để cho các bạn hiểu rằng tôi vẫn hãy còn sống. Và sau này, khi tôi đã trở thành một nhà sư Miến Điện thực sự thì cái con người được gọi là Trung sĩ Mizushima không còn nữa.

Tuy nhiên, ngay cả khi chôn cất những người đồng bào đã chết của tôi ở nơi xa xôi này, tôi đã không thể không nghĩ đến các bạn và không thể không cảm thấy nôn nóng cả người. Thế rồi tôi thường trở lại Mudon, đứng ngoài hàng rào và lắng nghe các bạn ca hát. Tôi thường cảm thấy lòng tràn ngập nỗi nhớ nhà, hồi tưởng lại chính mình đã thường ca hát với các bạn, sẽ trở về Nhật Bản; và bởi thế, cứ mỗi khi lê gót trở lại Mudon và thấy đại đội của tôi vẫn còn ở đó, tôi thở phào khoan khoái.

Con vệt yêu cương của tôi đã nhắc lại những tiếng tôi thì thầm với chính tôi. Tôi nghĩ hiện nó đang ở bên các bạn. Thay nó, con vệt của các bạn lại đậu trên vai tôi. Thỉnh thoảng nó lại gọi: Mizushima. Nó luôn luôn làm tôi giật mình chẳng ít.

Tuy nhiên, tôi sẽ không trở về - chừng nào chưa làm xong nhiệm vụ. Hôm qua tôi đã không làm chủ được mình, đã quên mất lời nguyện kiên định và đã chơi đàn để tiễn biệt các bạn. Và lúc tôi đi khỏi trại giam, hai

con vẹt đậu trên vai tôi đã thốt lên lời kêu gọi tôi, hết con này đến con kia. Tôi phải chọn lựa một trong hai con. Tuy nhiên, thật ra thì sự chọn lựa của tôi đã rõ ràng. Những năm xương của vô vàn người chết vô danh đang réo gọi tôi. Những năm xương ấy đang chờ đợi tôi. Tôi không thể không đáp lời.

Tôi tin chắc các bạn sẽ tha thứ cho tôi. Lần đầu tiên khi rời Mudon, tôi đi thẳng ngay tới chỗ qua sông Sittang ấy. Trong lúc quân đội Nhật Bản rút lui, mọi đường giao thông đều bị cắt đứt và quân đội chúng ta đã chạy tán loạn, nên kết quả là đã có những tổn thất bi đát như thế xảy ra trên khắp xứ Miến Điện.

Theo lời thổ dân sống dọc trên sông Sittang, nhiều đơn vị quân đội Nhật Bản định vượt sông vào ban đêm ở chỗ này. Nước sông chảy xiết và mặt sông rộng hơn hai trăm thước; họ định vượt qua từng toán chín, mười người trên những chiếc bè nhỏ. Nhưng những chiếc bè này chỉ đi được tới giữa dòng là bị chìm lìm. Có lẽ đã có nhiều người bị cuốn băng ra biển và nhiều người khác bị tấp vào bờ, rồi trôi vào tận giữa rừng. Họ còn cố gắng vượt sông ở nhiều chỗ khác nữa; đến đêm thổ dân thường nghe thấy tiếng kêu cầu cứu phát ra từ một cái bè trôi giạt ở nơi nào đó trên dòng sông.

Mỗi chỗ vượt sông đã nuốt bao nhiêu mạng người; tuy nhiên cũng có nhiều người lính - đặc biệt những người bị bệnh kiết lỵ hay sốt rét ngã nước hoặc quá yếu vì thiếu ăn nên không thể tiếp tục đi được nữa - đã dùng lựu đạn để tự kết liễu đời mình. Người ta thường nghe thấy những tiếng nổ giữa cánh đồng hoặc trong rừng sau khi quân đội đang đào tẩu đi qua. Ngay cả thổ dân cũng hiểu rằng mỗi tiếng nổ như thế có nghĩa là một vụ tự sát.

Hắn đã có biết bao vụ như thế không được ai kể lại không được ai ghi chép, nhưng đã bị lãng quên hoàn toàn!

Làm sao ai có thể nhìn thấy những gì tôi đã nhìn thấy mà bó tay không làm gì? Làm sao có thể ngoảnh mặt làm ngơ mà lương tâm không cắn rứt hoặc nói rằng đó không phải là việc của mình?

Nhờ sự giúp đỡ của thổ dân và những vị sư từ một làng gần đó, tôi đã tìm cách chôn cất những xác chết này ở chỗ bờ sông đầy cát. Và một hôm, trong lúc đào tôi bắt được một viên ngọc hổ phách to đáo đẽ - một trong

những viên ngọc nổi tiếng ở Miến Điện. Nó óng ánh tựa như một ngọn lửa đỏ rực.

Lúc cầm viên ngọc trong tay, tôi liên tưởng tới linh hồn những người đã chết. Vì không thể mang tro xương của họ theo mình tôi đã coi viên ngọc này như cái gì tiêu biểu cho linh hồn của tất cả những người đã chết bỏ xác tại Miến Điện, và từ đó trở đi tôi luôn luôn mang viên ngọc theo mình. Cứ mỗi khi viếng một ngôi chùa, tôi lại để viên ngọc lên bàn thờ mà cúng vái.

Tôi được tin người Anh sẽ làm một đám tang lễ long trọng ở Mudon và tôi muốn viên ngọc này là một phần của đám tang ấy. Đành rằng gây ra một cuộc chiến tranh là một điều sai lầm, song làm sao mà những thanh niên đã phải chiến đấu và đã phải bị chết lại bị coi là phạm tội! Dù là người Anh hay người Nhật thì linh hồn họ cũng đã lìa khỏi trái đất này rồi. Hy vọng có một đám tang chung, hoặc ít nhất một nơi an nghỉ tầm thường tại nơi này hẳn sẽ không làm những người lính Anh đã chết ấy bực bội và khó chịu. Trái lại, có lẽ họ sẽ mỉm cười, tiếp đón rồi dẫn dắt linh hồn những người lính Nhật đến chính bàn thờ của họ. Cuối cùng, tại ngôi làng trong núi ấy, vào đêm đình chiến những kẻ thù hãy còn sống đã dắt tay nhau...

Và vì thế tôi đã để viên hổ phách vào trong một hộp gỗ mộc mạc, lấy vải bọc lại và đeo ở cổ rồi đến dự đám tang lễ. Sau đó tôi đã để viên ngọc vào một góc bàn thờ tại vãng sinh đường.

Trong suốt thời gian buổi lễ truy điệu kéo dài nhiều ngày, viên ngọc cũng đã được tôn kính với sự tri ân sâu xa. Là người Nhật duy nhất hiện diện trong buổi lễ, tôi đã cầu nguyện không dứt lời.

Tuy nhiên, không thể cứ để viên ngọc hổ phách ấy ở mãi trong nhà quàn. Tôi phải tìm một nơi khác trước khi những người lính Anh đã chết được đưa về trả tổ quốc họ. Tôi liền tìm một nơi bí mật rồi đem để viên ngọc ở đó cho nó yên thân - tôi quyết định cất nó vào trong pho tượng Phật khổng lồ nằm nghiêng. Sau đó hàng ngày tôi đi vào bên trong pho tượng, qua một cái cửa ở chân đức Phật - một lối vào chỉ có những nhà sư trụ trì tại ngôi chùa gần đó biết mà thôi - để lập một bàn thờ và chôn cái hộp ấy cùng viên ngọc.

Một hôm, tại đó, trong hốc sâu tối om, ngột ngạt của pho tượng Phật, tôi cảm thấy mệt quá nên đã dựa người vào bức tượng để nghỉ. Lúc đang chiêm thiếp ngủ, tôi nghe thấy tiếng các bạn hát.

Giật bản mình choàng dậy, tôi liền chộp cây thụ cầm - kể từ khi bắt đầu ra đi lúc nào tôi cũng mang theo cây đàn. Khi tới Mudon tôi thường chơi đàn với thằng bé tại tịnh xá. Vì thế, dĩ nhiên, hôm ấy tôi cũng mang theo cây đàn.

Chắc là các bạn ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng đàn phát ra từ một nơi không ngờ đến thế. Xin các bạn tha thứ cho tôi nhé. Nhưng lúc đánh đàn tôi chỉ có ý nghĩ, duy nhất là: Tôi đây các bạn ơi! Tôi hãy còn sống! Các bạn đồng đội thân mến của tôi ơi, chúng ta hãy cùng nhau hát lên nào!

Sau đó, lúc các bạn đập cửa ầm ầm, tôi đang đứng ở bên trong, hai tay nắm chặt, buồn khổ. Tôi nhận ra tiếng từng người một. Nhưng vì bây giờ đã là một nhà sư rồi nên tôi không thể mở toang cửa rồi ra ôm chầm các bạn được.

Thế rồi lại im phăng phắc, tôi trèo lên một cái thang để ghé mắt nhìn qua một mắt của pho tượng Phật. Tôi trông thấy các bạn đang bị tên lính Ấn Độ dẫn ra ngoài đi về hướng ngôi chùa.

Tôi đã trở thành một nhà sư Miến Điện. Sau khi chôn cất những xác chết ấy gần sông Sittang, tôi đến ngôi chùa gần đó và xuống tóc đi tu. Tôi tiếp tục học bất kỳ khi nào có thể và thực hành mọi sắc giới khổ hạnh. Tôi bỏ tấm băng đeo ở cánh tay mà người con gái viên tù trưởng đã cho; nhưng sau đó, nhận thấy tôi đã cố gắng chôn cất những người chết nên nhà chùa lại cho tôi một tấm băng đeo tay khác.

Công việc tôi phải làm hình như cứ gia tăng hàng ngày. Không những tôi phải đem an ủi đến cho linh hồn những người lính Nhật mà còn phải làm tròn nhiệm vụ của một tu sĩ Miến Điện, và tôi muốn làm tất cả những gì có thể cho dân tộc ở xứ này.

Tôi muốn nghiên cứu giáo lý của đức Phật, suy ngẫm về những giáo lý ấy và biến truyền những giáo lý ấy thành một phần trong cuộc sống của mình. Chúng ta và đồng bào chúng ta đã đau khổ một cách tàn ác. Nhiều người dân vô tội đã hy sinh cho một chính nghĩa phi lý. Thanh niên vô tội,

tươi trẻ đã bị điệu khỏi nhà bỏ dở công ăn việc làm và xa lìa học đường rồi chỉ để phơi thây mục xương trên đất khách quê người. Càng nghĩ đến điều ấy tôi thấy nỗi buồn của tôi càng chua chát hơn. Khi nhìn lại những gì đã xảy ra, tôi cảm thấy một cách thấm thía rằng chúng ta đã vô tư quá. Chúng ta đã quên không suy ngẫm một cách sâu xa về ý nghĩa cuộc đời.

Tôi đã học được khá nhiều trong lúc sống ở thiền viện. Kể từ thời xa xưa, tôn giáo này đã nhằm vào một sự suy tư vô cùng sâu sắc về cuộc đời con người và về thế giới trong đó cuộc đời tồn tại. Những người đã tự hiến mình cho giáo lý của đạo này, sẵn lòng chịu đựng mọi thử thách cam go cùng những sắc giới gắt gao ngỗ hầu đạt được chân lý. Lòng can đảm của họ cũng phi thường như lòng can đảm của bất kỳ người lính nào; lòng can đảm của họ là một cuộc tấn công để chiếm lấy một pháo đài vô hình. Vì lý do này, như tôi đã kể cho các bạn hay, có người lại còn trần truồng bò lên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn quanh năm đầy tuyết phủ.

Người Nhật chúng ta đã không để ý thực hiện những cố gắng tinh thần nhiệt tình đó. Chúng ta cũng chưa nhận ra giá trị của những giáo lý ấy. Điều duy nhất chúng ta đặc biệt chú ý ấy là khả năng của từng cá nhân, những điều cá nhân ấy có thể làm - chứ không phải cá nhân đó là loại người nào, cá nhân đó sống ra làm sao hoặc sự hiểu biết của cá nhân đó đến mức độ nào. Chúng ta hoàn toàn dốt đặc chẳng biết tý gì về những đức tính này: sự hoàn toàn, khiêm tốn, khắc kỷ, thánh thiện và khả năng của một con người để đạt sự giải thoát và giúp người khác tiến tới giải thoát.

Tôi hy vọng sẽ sống nốt khoảng đời còn lại làm một tu sĩ tại xứ xa lạ này để kiếm tìm những đức tính ấy.

Lúc trèo núi, vượt sông, chôn cất xác người chết ngộp trong đám cỏ dại hoặc chết ngộp dưới nước sông, tôi đã bị biết bao câu hỏi day dứt, giày vò. Tại sao lại có sự khổ cực như thế tồn tại ở trần gian này? Tại sao lại có nhiều sự đau đớn không giải thích nổi đến thế? Chúng ta phải nghĩ thế nào? Nhưng tôi đã học được rằng những câu hỏi này không bao giờ có thể trả lời bằng tư tưởng nhân sinh. Chúng ta phải làm việc để đem lại chút ít an ủi cho cái trần gian đầy đau khổ này. Chúng ta phải can đảm. Cho dù phải đương đầu với đau khổ nào, phi lý nào, vô nghĩa nào, chúng ta cũng phải

kiên cường, can đảm, phải chứng tỏ có bản lĩnh bằng cách thản nhiên trực diện với những điều đó. Tôi hy vọng thực hiện được niềm tin này khi dâng trọn đời mình cho cuộc đời từ bi.

Hơn thế, chẳng bao giờ tôi khỏi ngạc nhiên trước sự kiện dân tộc Miến Điện tuy ít hoạt động, thích hội hè đình đám và kém cần cù, song thấy đều lúc nào cũng vui tươi, khiêm tốn và sung sướng. Họ luôn luôn mỉm cười. Không bị lòng tham chế ngự, họ đã sống an vui với chính mình. Trong khi trà trộn sống với họ tôi đã đi đến chỗ tin tưởng rằng những điểm này là các đức tính quý báu của con người.

Nước ta đã gây ra một cuộc chiến tranh, đã thua trận và bây giờ đang đau khổ. Đó là bởi vì chúng ta tham lam, bởi vì chúng ta kiêu ngạo đến nỗi quên băng giá trị nhân bản nơi con người, bởi vì chúng ta chỉ có một lý tưởng hời hợt về văn minh. Dĩ nhiên, chúng ta không thể khề khà như dân tộc này và mơ mơ màng màng đối với cuộc đời như họ thường làm. Nhưng liệu chúng ta có thể vẫn hăng say hoạt động mà vẫn ít tham lam được không? Liệu đó không phải là cần thiết - đối với người Nhật và cả nhân loại ư?

Làm thế nào để chúng ta được thực sự giải thoát? Và làm thế nào để chúng ta có thể giúp người khác giải thoát? Tôi muốn suy nghĩ cẩn thận về điều này. Tôi muốn học để biết. Đó là lý do tại sao tôi muốn sống ở xứ này, để làm việc và phục vụ tại xứ này.

Các bạn đồng đội thân mến của tôi ơi! Tôi không thể nói cho các bạn rõ sự chia tay này đã là thế nào đối với tôi. Cái ngày mà từ lâu tôi rất sợ cuối cùng đã tới. Sau nhiều tuần lễ ở trong vùng quê, khi trở lại Mudon, tôi được tin sáng mai đại đội của tôi sẽ đáp tàu biển trở về Nhật Bản. Tôi đã có đủ can đảm nhận tin này với sự bình thản không ngờ.

Tôi rất sung sướng và biết ơn các bạn đã âu yếm thương yêu tôi, đã miễn cưỡng bỏ tôi lại đằng sau. Nhưng tôi sẽ ở lại xứ Miến Điện này, cái xứ mà tôi yêu thương và sẽ đi khắp nơi từ vùng núi tuyết phủ xuống bãi biển lấp lánh dưới ánh sao Nam Tào. Và khi nào nhớ các bạn đến độ không chịu nổi, tôi sẽ mang đàn ra chơi.

Tôi sẽ không bao giờ quên tình bạn giữa chúng ta. Trong thâm tâm, lúc nào tôi cũng cầu nguyện các bạn được hạnh phúc.

MIZUSHIMA YASUHIKO.

Đại úy đã đọc xong lá thư.

Tất cả chúng tôi đều ngồi im lặng, nhiều ý nghĩ chẳng thể bộc lộ tràn ngập đầu óc. Tuy nhiên chúng tôi không buồn nữa. Bây giờ thì chúng tôi đã hiểu những ý nghĩ chân thực của Mizushima, tất cả chúng tôi đều cảm thấy sẵn sàng chấp nhận bất kể cái gì đang nằm trước mặt.

Thế rồi màn đêm buông, mặt Ấn Độ Dương óng ánh vì hằng hà sa số những nguyên sinh động vật. Những mảng lân tinh ma quái to như những bàn tay người thường nổi lên giữa các làn sóng, êm đềm nhẹ nhàng lướt trôi một lúc rồi biến dạng vào trong bọt biển trắng trắng mà ngay trong đêm tôi cũng có thể nhìn thấy. Có những chùm nguyên sinh động vật hình như cứ bám chắc vào hai bên mạn tàu. Có những chùm khác lại đuối theo sau chúng tôi, và có những chùm khác nữa bồng bềnh mãi phía xa đằng sau.

Trông thật như thể linh hồn những người chết đang nhảy nhót chơi đùa giữa lớp sóng biển rập rờn.

Trên bầu trời bao la trên đầu chúng tôi các vì sao đang lấp lánh. Khi con tàu lướt sóng, lắc lư ngả mình hết bên này đến bên kia, cột buồm cũng lướt qua màn trời đầy sao, nhưng đối với chúng tôi cột buồm vẫn đứng im và các vì sao đang khiêu vũ xung quanh cột buồm vậy.

Chúng tôi cùng nhau khe khẽ cất tiếng hát. Tiếng sóng biển bao vây con tàu. Chúng tôi hầu như có thể nghe thấy tiếng đàn thụ cầm vút ra khỏi bọt nước biển tung bay.

Con tàu tiếp tục từ từ đờ sóng mà đi, hết ngày này qua ngày khác. Suốt ngày chúng tôi ngược mắt nhìn những đám mây lơ lửng trên cao, lòng tự hỏi chừng nào anh em sẽ nhìn thấy Nhật Bản.

HẾT

★★★